

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO

BỘ Y TẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG



**MINH CHỨNG HỒ SƠ ĐĂNG KÝ MỞ MÃ
NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

Ngành: KHOA HỌC Y SINH

Mã số: 8720101

Hải Phòng – Năm 2025

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO

BỘ Y TẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG



**MINH CHỨNG HỒ SƠ ĐĂNG KÝ MỞ MÃ
NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

Ngành: KHOA HỌC Y SINH

Mã số: 8720101

Hải Phòng – Năm 2025

MỤC LỤC

A. Căn cứ pháp lý về quy trình mở mã ngành trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	1
- Quyết định về việc ban hành Quy trình mở mã ngành đào tạo trình độ thạc sĩ	2
B. Quy trình và hồ sơ mở mã ngành đào tạo Thạc sĩ.....	4
I. Xây dựng, đề xuất và phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo.....	5
1. Nghị quyết Đảng Ủy BGH đề xuất chủ trương về việc Khoa rà soát năng lực mở ngành đào tạo.....	6
2. Tờ trình đề xuất xin mở mã ngành.....	24
3. Biên bản HĐKH và đào tạo về việc thông qua đề án mở ngành đào tạo.....	31
II. Xây dựng đề án, chuẩn bị điều kiện mở ngành đào tạo.....	33
1. Quyết định về việc Ban hành kế hoạch xây dựng chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ.....	34
2. Kế hoạch xây dựng chương trình đào tạo thạc sĩ năm 2025.....	35
3. Quyết định về việc thành lập Hội đồng xây dựng chương trình và đảm bảo chất lượng chương trình.....	37
4. Danh sách Hội đồng xây dựng chương trình và đảm bảo chất lượng chương trình.....	39
5. Biên bản họp triển khai xây dựng chương trình đào tạo.....	42
6. Các điều kiện đảm bảo chất lượng	50
6.1 Danh sách đội ngũ giảng viên và nghiên cứu khoa học (mẫu 1,2,3,4,5).....	50
6.2 Bảng thống kê về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành, thực tập (mẫu 6,7,8).....	88
7. Hợp đồng nguyên tắc về đào tạo thực hành.....	104
III. Thẩm định chương trình đào tạo và điều kiện đảm bảo chất lượng.....	108
1. Quyết định về việc thành lập Hội đồng thẩm định trình độ thạc sĩ.....	109
2. Danh sách Hội đồng thẩm định trình độ thạc sĩ.....	110
3. Quyết định ban hành chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.....	111
4. Quy định Chuẩn đầu ra đào tạo trình độ thạc sĩ.....	112
IV. Thẩm định quy trình, hồ sơ mở mã ngành đào tạo trình độ thạc sĩ.....	113
1. Biên bản Hội đồng Khoa học và Đào tạo thẩm định quy trình, hồ sơ mở mã ngành đào tạo trình độ.....	114
2. Biên bản giải trình việc tiếp thu ý kiến của hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng.....	121

**A. CĂN CỨ PHÁP LÝ VỀ QUY TRÌNH MỞ MÃ NGÀNH
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI
PHÒNG**

**BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG**

Số: 544/QĐ-YDHP

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc**

Hải Phòng, ngày 25 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy trình mở mã ngành đào tạo trình độ thạc sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25/01/1999 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng ;

Căn cứ quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT – BGDDT ngày 18/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành hoặc chuyên ngành phép đào tạo, định chi hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ ;

Căn cứ Thông tư 23/2021/TT – BGDDT ngày 30/8/2021 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ quyết định số 1359/QĐ-TTg ngày 15/10/2021 của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc quy định xây dựng, phát triển, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Theo đề nghị của Ông: Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình mở mã ngành đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng Phòng: Quản lý Đào tạo Sau đại học, Tài chính kế toán, các Khoa/Bộ môn liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT; QLĐTSDH.

HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. *Phạm Văn Linh*

**QUY TRÌNH
MỞ MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 594/QĐ-YDHP
ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)

Bước	Nội dung	Đơn vị phụ trách	Đơn vị hỗ trợ
1	Lập chủ trương mở mã ngành: -Tờ trình và biên bản thông qua hội đồng Khoa học và Đào tạo về chủ trương mở mã ngành đào tạo -Nghị quyết hội đồng trường thông qua chủ trương về việc mở mã ngành đào tạo căn cứ trên kết quả thẩm định của Hội đồng Khoa học và Đào tạo	-Phòng Quản lý Khoa học -Văn phòng Hội đồng Trường	-Phòng QLĐTSDH -Khoa/Bộ môn
2	Quyết định thành lập hội đồng xây dựng chương trình đào tạo và đảm bảo chất lượng	-Phòng QLĐTSDH -Phòng TCCB	-Khoa/Bộ môn
3	Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo và đảm bảo chất lượng xây dựng kế hoạch và thực hiện chương trình	-Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo và đảm bảo chất lượng	-Phòng QLĐTSDH -Đơn vị DYH&NCKH -TTKT&QLCLGD -Khoa/Bộ môn
4	Hội đồng thẩm định về chương trình đào tạo và điều kiện đảm bảo chất lượng	-Phòng QLĐTSDH -Phòng TCCB	-Khoa/Bộ môn
5	Hội đồng Khoa học và Đào tạo thẩm định quy trình thực hiện đề án mở mã ngành đào tạo	-Phòng Quản lý Khoa học	-Phòng QLĐTSDH -Khoa/Bộ môn
6	Trình Bộ Giáo Dục hồ sơ đề án mở mã ngành	-Phòng QLĐTSDH	-Khoa/Bộ môn

HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. Phạm Văn Linh

B. QUY TRÌNH VÀ HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

I. Xây dựng, đề xuất và phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo

NGHỊ QUYẾT ĐẢNG ỦY QUÍ I/2025

Trong quý I/2025, Đảng uỷ chỉ đạo các đơn vị trong nhà trường tập trung thực hiện các nội dung sau:

I. Công tác xây dựng Đảng:

1. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng:

a) Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Kết luận 01-KL/TW của Bộ Chính trị về thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW về "Tiếp tục học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh" trong đơn vị;

b) Tuyên truyền đẩy mạnh các hoạt động chào mừng kỷ niệm 75 năm ngày thành lập Hội sinh viên Việt Nam (09/01/1950 - 09/01/2025); 95 năm ngày thành lập Đảng cộng sản Việt Nam (03/02/1930 - 03/02/2025); ngày Thầy thuốc Việt Nam 27/2; 94 năm kỷ niệm ngày thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (26/3/1931 - 26/3/2025);

c) Định hướng nội dung tuyên truyền trọng tâm trong sinh hoạt chi bộ định kỳ tháng 1, 2, 3 năm 2025.

d) Tăng cường nắm bắt tình hình tư tưởng, tâm trạng cán bộ, giảng viên, sinh viên, người lao động của đảng bộ nhà trường, đặc biệt trong dịp đón xuân Ất Tỵ năm 2025;

e) Tiếp tục phổ biến quán triệt và triển khai kế hoạch hành động theo sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của nhà trường đã xây dựng;

f) Tiếp tục phổ biến quán triệt và triển khai kế hoạch hành động theo sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của nhà trường đã xây dựng.

2. Công tác xây dựng Đảng và Cán bộ:

2.1. Công tác xây dựng Đảng:

a) Công tác phát triển đảng viên trong tháng 01/2025: Xét kết nạp đảng cho 07 quần chúng ưu tú;

b) Gửi thông tin: Định hướng sinh hoạt chi bộ; điểm tình hình thành phố và thông báo nội bộ đến các chi, đảng bộ để triển khai tuyên truyền, định hướng trong cuộc họp sinh hoạt chi, đảng bộ tháng 01 năm 2025;

c) Tiếp tục triển khai thực hiện quyết định số 25/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ để lãnh đạo, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, giảng viên, người lao động và sinh viên nắm rõ, thực hiện đúng thẩm quyền, trách nhiệm trong việc xác định Bí mật nhà nước và độ mật của Bí mật nhà nước;

d) Cập nhật bổ sung hồ sơ đảng viên vào phần mềm và hoàn thiện, lưu hồ sơ kiểm điểm đảng viên năm 2024;

e) Nghiên cứu sắp xếp các chi bộ, đảng bộ theo hướng tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết 18-NQ/TW và, Kế hoạch 418 của BTV thành uỷ Hải Phòng;

f) Phát thẻ đảng viên đợt 02/3/2025 cho đảng viên đã chuyển đảng chính thức;

g) Tổ chức Lễ chào cờ định kỳ hàng tháng;

h) Xây dựng chương trình hoạt động năm 2025 của Đảng uỷ.

i) Ban hành chỉ tiêu kết nạp đảng năm 2025 cho các chi, đảng bộ cơ sở;

j) Xây dựng dự trù kinh phí phục vụ công tác xây dựng Đảng năm 2025 đề nghị Ban Giám hiệu cấp kinh phí hoạt động theo quy định;

k) Triển khai công văn số 10300-CV/VPTU của Văn phòng Thành uỷ ngày 13/12/2024 về việc thông báo ý kiến của Thường trực Thành uỷ: “Xây dựng chủ đề năm 2025 và chuẩn bị các hoạt động hướng đến kỷ niệm các ngày lễ lớn của thành phố năm 2025”;

l) Triển khai kế hoạch tuyên truyền một số nội dung trọng tâm của Hội nghị BCH Trung ương Đảng khoá XIII ngày 25/11/2024;

m) Tập trung chỉ đạo công tác đại hội các cấp của Trường. Tiếp tục triển khai công tác tuyên truyền trước Đại hội và phê duyệt đề án, công tác nhân sự đại hội đảng bộ, chi bộ cơ sở tiến đại hội đại biểu Đảng bộ Nhà trường lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

n) Giao các Tiểu ban chuẩn bị Đại hội đại biểu Trường lần thứ XVII triển khai kế hoạch chi tiết phục vụ cho Đại hội;

o) Ban hành quyết định điều chuyển 02 đảng viên (đồng chí Đỗ Minh Tùng - chi bộ Bộ môn Ngoại và đồng chí Trương Đình Phong - chi bộ Khoa Dược) về sinh hoạt tại Đảng bộ Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng;

p) Tiếp tục triển khai kết luận số 91-KL/TW về tiếp tục triển khai Nghị quyết số 29 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

2.2. Công tác Cán bộ:

- Rà soát bổ sung nhân sự lãnh đạo, quản lý các đơn vị theo yêu cầu công việc.

- Thẩm định về chính trị cho cán bộ quy hoạch bổ nhiệm và bầu vào cấp uỷ nhiệm kỳ 2025-2030.

2.3. Công tác kiểm tra, giám sát:

a) Xây dựng chương trình kiểm tra giám sát của Đảng uỷ và xây dựng chương trình kiểm tra giám sát của Ủy ban kiểm tra Đảng uỷ năm 2025;

b) Hướng dẫn công tác kiểm tra, giám sát phục vụ đại hội đảng bộ các cấp tiến tới đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng;

c) Tiếp tục giám sát thực hiện quy trình kỷ luật đảng đối với 02 đảng viên Đảng viên sinh con thứ 4 tại Đảng bộ Bệnh viện và Đảng bộ Khoa khoa học cơ bản;

d) Triển khai giám sát việc thực hiện kết nạp Đảng, chuyển chính thức, chuyển hồ sơ sinh hoạt đến và đi trong quý I/2025;

e) Phối hợp với Ban tổ chức thực hiện thẩm định kết luận tiêu chuẩn chính trị đối với cán bộ bổ nhiệm lại của nhà trường;

f) Triển khai hướng dẫn kê khai tài sản hàng năm, bổ sung đối với các đối tượng thuộc diện kê khai;

g) Tiếp tục thực hiện công tác xử lý đơn thư phản ánh, kiến nghị, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo;

2.4. Công tác Thanh tra - Pháp chế:

a) Tiếp tục triển khai công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ; công tác pháp chế năm học 2024 - 2025 theo kế hoạch đã được Hiệu trưởng phê duyệt;

b) Tiếp tục kiểm tra thường xuyên hoạt động dạy - học; công tác tổ chức thi kết thúc học phần;

c) Tham mưu ban hành quy định quy tắc ứng xử của viên chức, người lao động; Quy tắc ứng xử của người học Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

d) Tiếp tục góp ý xây dựng văn bản quy phạm nội bộ của các Phòng/Ban/Trung tâm;

e) Tiếp tục thực hiện báo cáo về công tác thanh tra, công tác pháp chế khi được cấp trên yêu cầu. Đồng thời, đôn đốc các đơn vị liên quan thực hiện nghiêm quy trình xây dựng văn bản quy phạm nội bộ;

f) Thực hiện truyền thông, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật và văn bản quy phạm nội bộ đến toàn thể viên chức, người lao động và sinh viên, học viên;

g) Tiếp tục công tác đóng góp ý kiến xây dựng văn bản của các Bộ, Ban, Ngành.

3. Công tác lãnh đạo các đoàn thể quần chúng:

3.1. Công đoàn:

a) Tổ chức Hội nghị viên chức người lao động ngày 03/01/2025;

b) Hỗ trợ đoàn viên ốm đau dài ngày, mắc bệnh hiểm nghèo nhân dịp tết Ất Ty năm 2025;

c) Phối hợp cùng với chính quyền tổ chức gặp mặt cho các cán bộ hưu trí nhân dịp Tết Ất Ty năm 2025;

d) Phối hợp với chính quyền tổ chức gặp mặt đầu xuân toàn thể cán bộ viên chức người lao động 2025;

e) Hưởng ứng các hoạt động chào mừng Ngày Thầy thuốc Việt Nam 27/02/2025;

f) Tổ chức mít tinh và tặng quà cho đoàn viên nữ nhân dịp kỷ niệm ngày Quốc tế phụ nữ 08/03/2025;

g) Tổ chức cho CBVC tham quan du xuân Ất Ty năm 2025.

3.2. Đoàn TN và Hội sinh viên:

a) Tổ chức các chương trình “Tình nguyện mùa đông 2024”; Tết Đoàn Viên năm 2025; “Tết vì người nghèo” thăm và tặng quà cho sinh viên, người có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp Tết cổ truyền của dân tộc; tập huấn phương pháp Nghiên cứu khoa học cho Đoàn viên - Sinh viên; Giải bóng đá truyền thống nam sinh viên năm 2025; các hoạt động Chào mừng kỷ niệm ngày Thầy thuốc Việt Nam 27/02; các hoạt động chào mừng kỷ niệm 94 năm Ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (26/3/1931 - 26/3/2025) và tháng Thanh niên năm 2025: Cuộc thi Sinh viên Y Dược 2025; chương trình hiến máu nhân đạo tháng 3/2025; hoạt động phát huy Sinh viên 5 tốt sau tuyên dương;

b) Triển khai chương trình đồng hành cùng người bệnh “Com 3 nghìn chia sẻ tình thân”;

c) Phát động phong trào thi đua đoàn viên, sinh viên phấn đấu trở thành đảng viên, chào mừng kỷ niệm 95 năm Ngày thành lập Đảng cộng sản Việt Nam (03/2/1930 - 03/2/2025);

d) Tham gia khám chữa bệnh tình nguyện tại các quận, huyện trong thành phố.

3.3. Công tác Quốc phòng an ninh

a) Cử cán bộ tham gia tập huấn cán bộ về công tác quốc phòng an ninh theo hướng dẫn của Thành phố;

b) Xây dựng kế hoạch huấn luyện tự vệ tại chỗ và kiểm tra bắn đạn thật năm 2025 trình Bộ CHQSTP phê duyệt và triển khai;

c) Phân công cán bộ chiến sỹ tham gia bảo vệ đơn vị các ngày lễ lớn trong quý 1/2025 (*tết dương lịch, Tết nguyên đán...*) theo chỉ đạo của Bộ CHQSTP;

d) Công bố danh sách thay thế, bổ sung các đồng chí lãnh đạo thuộc Tiểu đoàn tự vệ của Trường khi nhận được quyết định của cấp trên;

e) Tham gia, phục vụ lễ ra quân năm 2025 của Thành phố;

f) Thực hiện tốt nhiệm vụ khối Phó năm 2025 của Khối thi đua 10 BCHQSTV Thành phố;

g) Hoàn thành việc rà soát cán bộ thuộc đối tượng 3,4 chưa bồi dưỡng kiến thức về quốc phòng an ninh để cử đi học theo kết luận của Đoàn kiểm tra Quân khu 3;

h) Xây dựng kế hoạch mở lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh đối tượng 4 theo quy định (*phối hợp với BCHQS Quận Ngô Quyền để giảng dạy và cấp chứng chỉ*).

4. Công tác lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ:

4.1. Đào tạo Đại học, Sau đại học, NCKH và HTQT:

4.1.1. Đào tạo Đại học:

* Công tác tuyển sinh - tốt nghiệp:

- a) Tiếp tục tiến hành công tác hậu kiểm tuyển sinh năm 2024 theo kế hoạch.
- c) Thành lập hội đồng tuyển sinh năm 2025 và dự thảo phương án tuyển sinh năm 2025 trình Hội đồng trường trong phiên họp thứ I/2025; * Công tác quản lý đào tạo:

- a) Tiếp tục triển khai và giám sát các hoạt động kế hoạch năm học 2024 - 2025;
- b) Công bố danh sách các bệnh viện thực hành, cơ sở thực hành thực tập năm học 2025 - 2026;
- c) Tiến hành thu chứng chỉ ngoại ngữ, tin học đối với các đối tượng sinh viên tốt nghiệp năm 2025;
- d) Giao phòng QLĐTĐH xây dựng đề án đào tạo bác sỹ liên thông cho các tỉnh vùng sâu, vùng xa.

* Công tác quản lý sinh viên:

- a) Tổ chức hướng dẫn và giám sát các hoạt động đội ngũ cố vấn học tập;
- b) Tiến hành rà soát và giải quyết chế độ chính sách cho sinh viên học kỳ II năm học 2024 - 2025;
- c) Rà soát điểm và đánh giá kết quả học tập và rèn luyện cho sinh viên. Hướng dẫn sinh viên đăng ký học phần của học kỳ II năm học 2024 - 2025;
- d) Tiến hành xét học bổng khuyến khích học tập học kỳ I năm học 2024 - 2025;
- e) Đầu mối tổ chức Hội nghị dân chủ sinh viên năm học 2024 - 2025; Đầu mối tổ chức ngày hội việc làm năm 2025;
- f) Tiếp tục hủy hồ sơ hết hạn lưu trữ theo kế hoạch;

* Công tác kiểm định các chương trình đào tạo và đảm bảo chất lượng:

- a) Tiếp tục thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng;
- b) Tiếp tục phối hợp với Trung tâm Khảo thí và Quản lý chất lượng giáo dục và các đơn vị liên quan tiến hành công tác kiểm định chương trình theo kế hoạch.

4.1.2. Đào tạo Sau đại học:

* Công tác tuyển sinh - tốt nghiệp:

- a) Báo cáo công tác tuyển sinh sau đại học năm 2024 gửi Bộ Y tế và Bộ Giáo dục & Đào tạo;
- b) Hợp với các Khoa/ Bộ môn về xác định chỉ tiêu tuyển sinh năm 2025;
- c) Xây dựng phương án tuyển sinh sau đại học năm 2025 cho các đối tượng Bác sỹ chuyên khoa, Thạc sỹ, Tiến sỹ trình Hội đồng trường phiên họp thứ I/2025;
- d) Công khai báo cáo xác định chỉ tiêu tuyển sinh sau đại học năm 2025 đợt 1;
- e) Hoàn thành lịch bảo vệ luận văn và thông qua đề cương cho các lớp sau đại học năm 2024;



- f) Ban hành quyết định tốt nghiệp của các lớp sau đại học năm 2024;
- g) Báo cáo Bộ Y tế, Bộ Giáo dục & Đào tạo về tình hình tốt nghiệp sau đại học năm 2024;
- h) Đề nghị mua phôi bằng đối với đối tượng chuyên khoa tốt nghiệp năm 2024;
- i) Chuẩn bị công tác cho lễ tốt nghiệp sau đại học năm 2024;

*** Công tác quản lý đào tạo:**

- a) Theo dõi lịch học và thi theo đúng kế hoạch;
- b) Rà soát và theo dõi nhắc nhở học viên đóng học phí theo quy định;
- c) Tiếp nhận chương trình đào tạo đổi mới đối với Bác sĩ Nội trú;
- d) Tiếp nhận chương trình đào tạo đổi mới đối với Tiến sĩ;
- e) Thông báo lịch nghỉ lễ Tết nguyên đán cho học viên sau đại học.

*** Công tác mở mới mã ngành đào tạo sau đại học:**

- a) Rà soát điều kiện mở các mã ngành Bác sĩ CK2 Ung bướu, Tai-Mũi-Họng, Truyền nhiễm; tiếp tục xây dựng chương trình đào tạo thạc sĩ Khoa học y sinh.
- b) Hoàn thành trình Bộ Giáo dục & Đào tạo mã ngành thạc sĩ Răng Hàm Mặt, hiện đang chờ Bộ duyệt.

*** Công tác đảm bảo chất lượng:**

- a) Thực hiện rà soát kiểm định chương trình đào tạo thạc sĩ Dược lý và Dược lâm sàng và Kỹ thuật xét nghiệm Y học theo kế hoạch;
- b) Thực hiện rà soát và điều chỉnh 4 chương trình đào tạo tiến sĩ theo kế hoạch;
- c) Thực hiện tham gia công tác kiểm định chương trình đào tạo của toàn trường.

4.1.3. Quản lý đào tạo liên tục, đào tạo cấp chứng chỉ - chứng nhận, đào tạo chức danh nghề nghiệp, đào tạo theo nhu cầu xã hội

- a) Xây dựng quy trình chuyên môn tại Trung tâm Hợp tác và Phát triển đào tạo;
- b) Tổ chức thẩm định và nghiệm thu tài liệu đào tạo các khóa học kỹ thuật chuyên môn, chuyên khoa cơ bản theo quy định của Nghị định 96/2023/NĐ-CP của chính phủ;
- c) Tiếp tục hoàn thiện các nội dung theo kiến nghị của Đoàn kiểm tra, giám sát của Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế ngày 19/12/2024 báo cáo về Bộ Y tế trước ngày 15/01/2025;
- d) Thực hiện khảo sát nhu cầu đào tạo, quảng bá tuyển sinh và triển khai kế hoạch tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn của quý 1/2025;
- e) Phối hợp cùng Khoa/Bộ môn/Trung tâm tiếp tục rà soát, sửa đổi và điều chỉnh chương trình và tài liệu đào tạo chuyên khoa cơ bản, đào tạo liên tục, bồi dưỡng ngắn hạn theo quy định đào tạo cấp chứng chỉ/chứng nhận mới.

4.1.4. Quản lý khoa học và hợp tác quốc tế:

*** Quản lý khoa học**

Các hoạt động quản lý khoa học:

- a) Ban hành Quy định biên soạn; xuất bản, lựa chọn giáo trình vào tài liệu học tập và Quy trình thẩm định bộ câu hỏi MCQ; Liêm chính học thuật;
- b) Tổ chức nghiệm thu Đề tài NCKH cấp cơ sở năm 2024 (đợt 1);
- c) Tổ chức tiếp nhận và phê duyệt đề tài NCKH cấp cơ sở năm 2025 (đợt 1);
- d) Tổ chức Hội thảo Khoa học về: Phân tích gộp, Sở hữu trí tuệ;
- e) Phối hợp với các chủ nhiệm đề tài thẩm định kinh phí, ký hợp đồng triển khai 4 đề tài cấp thành phố Hải Phòng của: GS.TS. Phạm Minh Khuê, PGS.TS. Nguyễn Văn Khải, PGS.TS. Đinh Thị Thanh Mai, PGS.TS. Trần Thị Thuý Hà;
- f) Phối hợp tổ chức họp Hội đồng Đạo đức cho các đề tài nghiên cứu khoa học đăng ký xét duyệt;
- g) Tổ chức nghiệm thu giáo trình tài liệu quý I/2025;
- h) Xin ý kiến, tổ chức xuất bản số đặc biệt tháng 6/2025 trên Tạp chí Y học Việt Nam;
- i) Phối hợp với Ban biên tập Tạp chí khoa học sức khỏe triển khai xuất bản các số năm 2025, bổ sung hoàn thiện các số năm 2024;
- j) Cập nhật lý lịch khoa học cán bộ, giảng viên toàn trường, tổng hợp số liệu báo cáo kết quả hoạt động KH&CN nhà trường năm 2024;
- k) Tiếp tục rà soát, ban hành/cập nhật các quy định, quy chế, quy trình liên quan đến Khoa học và Công nghệ, Sở hữu trí tuệ;
- l) Cập nhật triển khai kế hoạch thực hiện nghị quyết chuyên đề về phát triển khoa học công nghệ của trường, tiến tới tổng kết nghị quyết vào quý III năm 2025.

Kiểm định các CTĐT và đảm bảo chất lượng giáo dục

Tham gia hoàn thiện báo cáo tự đánh giá 3 chương trình đào tạo theo kế hoạch chung của nhà trường.

*** Hợp tác quốc tế:**

- a) Tổ chức tiếp đón các đoàn khách quốc tế đến làm việc tại Trường: đoàn Trường Đại học Chang Gung - Đài Loan đến trao đổi hợp tác nghiên cứu và tuyển sinh, cấp học bổng cho các ứng viên; đoàn Trường Đại học Kanazawa - Nhật Bản, Trường Đại học Quốc gia Seoul - Hàn Quốc đến trao đổi hợp tác; sinh viên Trường Đại học Laval - Canada đến thực tập;
- b) Tổ chức Hội thảo Khoa học Pháp - Việt; Tổ chức sinh hoạt trao đổi Hợp tác quốc tế hàng quý.
- c) Hoàn thiện thủ tục xin visa cho 10 sinh viên Lào;
- d) Tổ chức đoàn ra cho 01 lãnh đạo Nhà trường đi học tập tại Thụy Điển, 01 lãnh đạo công tác tại Hàn Quốc.

4.1.5. Công tác Khảo thí và QLCLGD:

- a) Tiếp tục triển khai đánh giá chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo trình độ đại học (1 PLO/1CTĐT);

N V
 ỦY
 ĐẠI
 HỌC
 HẢI
 PHÒNG
 PH

b) Tiếp tục phối hợp các đơn vị hoàn thành tự đánh giá và triển khai đánh giá ngoài 3 chương trình đào tạo Dược lý - Dược lâm sàng, Xét nghiệm Y học trình độ thạc sĩ, Y học dự phòng trình độ đại học;

c) Tiếp tục thực hiện khảo sát người học sau khi thi kết thúc học phần;

d) Tiếp tục giám sát và điều phối triển khai công tác cải tiến chất lượng liên tục một số học phần của chương trình đào tạo Y khoa đổi mới;

e) Tiếp tục đôn đốc và triển khai các hoạt động cải tiến chất lượng sau kiểm định cấp cơ sở giáo dục và cấp chương trình đào tạo;

f) Tiếp tục hoàn thành các thủ tục đăng kí thành viên tổ chức kiểm định AUN-QA;

g) Tiếp tục tiến hành rà soát và đề xuất ban hành mới các văn bản quy phạm: Quy định thi kiểm tra, đánh giá học phần; Quy định xây dựng, cập nhật và quản lý bộ câu hỏi thi; Quy định so chuẩn, đối sánh;

h) Làm đầu mối triển khai tập huấn nhóm nòng cốt kiểm định quốc tế;

i) Tiếp tục phối hợp với các đơn vị triển khai các hoạt động thi kiểm tra, đánh giá các học phần lý thuyết theo kế hoạch năm học 2024 - 2025.

4.2. Công tác Tổ chức nhân sự:

a) Tiếp tục triển khai rà soát quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị. Xây dựng: Quy định tiêu chuẩn, điều kiện, bổ nhiệm, cán bộ, viên chức; Xây dựng điều chỉnh hoàn thiện quy định đền bù kinh phí đào tạo; Quy chế chấm công; Quy chế làm việc của giảng viên;

b) Tiếp tục xây dựng và triển khai kế hoạch tuyển dụng viên chức, kế hoạch xét chuyển chức danh nghề nghiệp và nâng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức/giảng viên;

c) Tiếp tục rà soát, sắp xếp cơ cấu tổ chức bộ máy, tổ chức lại các đơn vị theo yêu cầu của Nghị định 120/2020 của Chính phủ. Thành lập Ban rà soát hoàn thiện lại Quy chế tổ chức và hoạt động. Rà soát và tiến hành ký kết lại Hợp đồng làm việc đối với viên chức được tuyển dụng từ trước ngày 30/6/2020 trở về trước;

d) Tiếp tục rà soát nguồn nhân lực chất lượng cao lại các bệnh viện thực hành bổ sung đội ngũ giảng viên; tiến hành quy trình công tác cán bộ theo chủ trương của Đảng uỷ và tập thể lãnh đạo nhà trường;

e) Rà soát kiện toàn nhân sự Trung tâm thử nghiệm lâm sàng và tương đương sinh học; tiếp tục hoàn thiện giao nhiệm vụ phụ trách các đơn vị Khoa Khoa học cơ bản; Rà soát đội ngũ cán bộ, giảng viên và cung cấp số liệu giảng viên để các phòng QLĐTĐH, QLĐT SĐH xây dựng đề án tuyển sinh năm học mới;

f) Tiếp tục triển khai kế hoạch xét khen cao. Xây dựng kế hoạch triển khai tổ chức Hội nghị điển hình tiên tiến cơ sở, tiến tới Đại hội thi đua yêu nước ngành Y tế lần VIII 2025 và bình xét nhà giáo tiêu biểu;

g) Đảm nhiệm vai trò trưởng khối thi đua các trường đại học; xây dựng và triển khai kế hoạch khối thi đua;

h) Triển khai quy trình xét nâng lương thường xuyên 6 tháng đầu năm 2025 và nâng lương sớm năm 2024;

i) Tiếp tục hoàn thiện công tác Tự đánh giá các chương trình đào tạo các nội dung về công tác tổ chức cán bộ, số liệu cán bộ giảng viên;

j) Tiếp tục hoàn thiện đánh giá, xác định ngành đào tạo đối với giảng viên có văn bằng tiến sĩ;

k) Triển khai các kế hoạch nghỉ tết dương lịch, âm lịch theo đúng quy định. Tổng hợp, đề xuất chế độ hỗ trợ cho viên chức, người lao động, giảng viên thỉnh giảng, cán bộ nghỉ hưu dịp Tết âm lịch;

l) Tiếp tục phối hợp cùng Phòng Công nghệ thông tin và nhóm kỹ thuật ASC hoàn thiện các nội dung liên quan đến cơ cấu tổ chức, nhân sự của module Tổ chức cán bộ; phối hợp cùng các Phòng/Ban/Bộ môn trong việc cập nhập nhân sự để xếp thời khóa biểu, phân quyền các hệ thống phần mềm;

4.3. Hậu cần:

4.3.1. Công tác Tài chính kế toán:

a) Phối hợp phòng Đào tạo sau đại học đồ kế hoạch thu học phí, thực hiện thu học phí nhập học sau đại học lần 3/2024, tiếp tục đôn đốc, thực hiện học phí năm học 2024 - 2025 để đáp ứng kế hoạch chi trong năm tài chính;

b) Tiếp tục đối chiếu, đôn đốc thanh toán các khoản tạm ứng của cán bộ trong Trường;

c) Phối hợp phòng Quản trị lập hồ sơ xin khai thác tài sản công theo hướng dẫn Nghị định 114 đối với các dịch vụ trình Hội đồng trường phê duyệt;

d) Tiếp tục phối hợp với phòng VTTTB, Quản trị thực hiện tổng kiểm kê tài sản của Trường;

e) Lập báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính năm 2024;

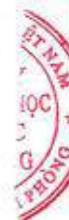
f) Gửi dự thảo quy chế chi tiêu nội bộ sửa đổi xin ý kiến toàn trường, tiếp tục chỉnh sửa (nếu có). Sau khi chỉnh sửa, gửi dự thảo Hội đồng trường thông qua để ban hành Quy chế sửa đổi;

g) Tổng hợp số liệu thuế thu nhập cá nhân năm 2024 và thực hiện quyết toán và nộp thuế TNDN, GTGT năm 2024;

h) Tiếp tục rà soát, mua bảo hiểm y tế cho sinh viên đang học tại trường, theo dõi bảo hiểm y tế, thanh toán chế độ bảo hiểm toàn diện cho sinh viên nhập viện;

h) Lập kế hoạch tài chính năm 2025 trình Hội đồng trường phê duyệt;

i) Thực hiện các thanh quyết toán: Thanh toán tiền miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập sinh viên năm 2024; tiền NSNN cấp cho hoạt động sự nghiệp môi trường, thanh quyết toán các chuỗi hoạt động tổ chức lễ kỷ niệm 45 năm thành lập trường, thanh toán vượt giờ năm học 2023 - 2024, thanh toán ôn thi tuyển sinh Sau



đại học đợt 2 và 3... thực hiện thanh toán chi không thường xuyên, thanh toán các dự án xây dựng, các dự án nghiên cứu khoa học và các khoản chi khác phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

4.3.2. Quản trị:

a) Tiếp tục thực hiện công tác quản lý và sử dụng xe ô tô đưa, đón cán bộ, giảng viên đi làm việc, công tác theo kế hoạch; Chuẩn bị tốt phòng học, giảng đường theo kế hoạch giảng dạy;

b) Tiếp tục thực hiện bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên cơ sở vật chất đảm bảo hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học;

c) Tổ chức nghiệm thu đưa vào sử dụng công trình: Sửa chữa mái Nhà C (5 tầng) và mái nhà B (14 tầng);

d) Hoàn thành lập báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình:

+ Công trình sửa chữa, khắc phục tác động và hậu quả sau bão số 3/2024;

+ Công trình sửa chữa nhà làm việc và khám chữa bệnh tại bệnh viện (tầng 2-5 nhà A, Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng);

e) Tổ chức đấu thầu thực hiện gói thầu mua sắm dụng cụ, phương tiện bảo hộ lao động của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

f) Tiếp tục thực hiện đấu thầu lập báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình:

+ Công trình sửa chữa hệ thống thoát nước, sân đường nội bộ;

+ Công trình sửa chữa nhà giảng dạy, làm việc và các hạng mục phụ trợ;

g) Tổ chức thẩm định và thực hiện các công việc tiếp theo thuộc dự toán chi phí các dịch vụ thường xuyên tại trường năm 2025 - 2026 gồm: Dịch vụ bảo vệ, vệ sinh, duy trì chăm sóc cây xanh, bảo dưỡng hệ thống thang máy, máy phát điện, điều hòa, PCCC;

h) Tiếp tục phối hợp với UBND thành phố trong việc phê duyệt phương án thiết kế kiến trúc Ký túc xá;

i) Tiếp tục tổ chức lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường cho cơ sở Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

j) Tiếp tục lập, thẩm định trình phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị dự án xây dựng, mở rộng Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng;

k) Thực hiện thanh quyết toán công nợ các dự án hoàn thành:

+ Dự án xây dựng khu thực hành tiền lâm sàng;

+ Dự án sửa chữa khu thử nghiệm lâm sàng và tương đương sinh học;

+ Dự án sửa chữa nhà khám chữa bệnh tại bệnh viện Đại học Y Hải Phòng (tầng 1 Nhà A+B+C);

l) Tiếp tục thực hiện phần việc được giao lập báo cáo tự đánh giá kiểm định 03 chương trình đào tạo Thạc sĩ Dược lý - Dược lâm sàng; Thạc sĩ Kỹ thuật xét nghiệm y học và Cử nhân Y học dự phòng;

m) Tiếp tục phối hợp với Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền trong việc khởi kiện đòi nhà Đ10 Đồng Quốc Bình đối với 03 hộ dân (hộ bà Nguyễn Thị Thanh Hằng, Hoàng Thị Thùy và Đào Thị Mai);

n) Giao cho phòng Quản trị đề xuất mua 01 xe ô tô từ 4-7 chỗ ngồi phục vụ công tác chung của Nhà trường theo công văn 8025-KHTC/BYT; nghiên cứu tham mưu thủ tục (nếu có thể) mua xe 47 chỗ phục vụ chuyên chở giảng viên và sinh viên.

4.3.3. Vật tư - Trang thiết bị:

a) Phối hợp với phòng Kế toán - Tài chính thực hiện công tác giám sát các nhà thầu trúng thầu thực hiện hợp đồng cung cấp vật tư mua sắm năm 2024;

b) Phối hợp với các đơn vị thực hiện tổng kiểm kê tài sản công theo yêu cầu của Bộ Y tế và Bộ Tài chính;

c) Tiếp tục theo dõi đơn vị tư vấn lập báo cáo ứng dụng công nghệ thông tin của trường;

d) Thực hiện tổng hợp dự trù và lên kế hoạch tài chính cho năm 2025.

4.4. Công tác Bệnh viện:

a) Thực hiện tốt công tác chuyên môn khám, chữa bệnh theo quy chế;

b) Tiếp tục triển khai khám sức khỏe định kỳ cho các cơ quan, doanh nghiệp;

c) Tiếp tục thực hiện kế hoạch cử CBNV đi đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ;

d) Tiếp tục đầu tư mua sắm trang thiết bị máy móc, sinh phẩm hóa chất phục vụ cho công việc hoạt động chuyên môn;

e) Kiểm tra bệnh viện năm 2024 theo 83 tiêu chí của Bộ Y tế;

f) Bình xét các danh hiệu thi đua năm 2025;

g) Khảo sát sửa chữa khu nhà A, B theo kế hoạch đã được phê duyệt;

h) Tổ chức kỷ niệm Ngày Thầy thuốc Việt Nam 27/2 và ngày Quốc tế phụ nữ 8/3;

i) Thực hiện kế hoạch nghỉ Tết nguyên đán, bố trí các vị trí trực chuyên môn, trực lãnh đạo, chuẩn bị đầy đủ các phương tiện cấp cứu, thuốc, vật tư và bố trí lịch trực thường trú cán bộ nhân viên khi cần huy động làm nhiệm vụ;

j) Chuẩn bị chế độ Tết cho cán bộ nhân viên Bệnh viện, chuẩn bị quà tết cho cho bệnh nhân nằm viện điều trị nội trú dịp tết.

Nơi nhận:

- BCH Đảng ủy (để chỉ đạo);
- Các Đảng bộ, Chi bộ cơ sở (để thực hiện);
- Lưu VP Đảng ủy.

T/M ĐẢNG ỦY
BÍ THƯ



Phạm Minh Khuê

Số: 162/NQ-HĐT-YDHP

Hải Phòng, ngày 29 tháng 04 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Thông qua báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết quý I năm 2025 và Phương hướng hoạt động quý II năm 2025 Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25-01-1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng; Căn cứ Quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định 99/2019/NĐ – CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Quyết định số 3944/QĐ – BYT ngày 15/9/2020 của Bộ Y tế về việc công nhận Hội đồng trường Trường đại học Y Dược Hải Phòng nhiệm kỳ 2020 – 2025;

Căn cứ Nghị quyết định số 01/NQ – HĐT – YDHP ngày 02/02/2021 về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược Hải Phòng nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Căn cứ kết quả cuộc họp ngày 17/04/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược Hải Phòng nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Xét đề nghị của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết của nhà trường trong quý I năm 2025 và phương hướng hoạt động quý II năm 2025 .

(có báo cáo kèm theo)

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các thành viên Hội đồng trường, Ban Giám hiệu Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3
- Đảng uỷ Trường;
- Lưu: VT; VP HĐT; TCCB

**TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
THƯ KÝ**



TS. Nguyễn Thị Thu Hiền

Hải Phòng, ngày 29 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Nghị quyết Hội đồng trường Quý I năm 2025

Thực hiện Nghị quyết của Hội đồng trường tại phiên họp ngày 24/01/2025, trong thời gian vừa qua Ban Giám hiệu nhà trường đã triển khai các hoạt động và đạt kết quả cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Đào tạo đại học

- Công tác tuyển sinh: Hoàn thành báo cáo xác định chỉ tiêu tuyển sinh năm 2025 theo công văn hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Phối hợp với các đơn vị rà soát các điều kiện để xây dựng phương án tuyển sinh năm 2025.

- Công tác quản lý đào tạo: Tiếp tục triển khai và giám sát Kế hoạch năm học 2024 – 2025 theo đúng tiến độ. Phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng và ban hành kế hoạch năm học 2025 – 2026: các khoa/bộ môn hoàn thành xếp lịch học năm học 2025 – 2026 trên phần mềm quản lý đào tạo. Hoàn thành công nhận tốt nghiệp, in bằng, bản sao bằng, bằng điểm tiến hành phát bằng tốt nghiệp và các giấy tờ liên quan cho sinh viên năm cuối các đối tượng xét tốt nghiệp đợt 3/2025.

- Công tác quản lý sinh viên: - Phối hợp với các khoa và các đơn vị liên quan tổ chức thành công ngày hội việc làm năm 2025. Tổ chức thành công Hội nghị Dân chủ sinh viên năm học 2024 – 2025. Triển khai công tác xử lý học vụ học kỳ I năm học 2024 – 2025. Miễn giảm học phí học kỳ II năm học 2024 – 2025 và hỗ trợ chi phí học tập 6 tháng đầu năm 2025. Tăng cường quản lý, đôn đốc sinh viên thực hiện thông báo về trang phục, đeo thẻ sinh và ứng xử khi đi học tại trường và các cơ sở thực hành.

2. Đào tạo sau đại học

- Công tác tuyển sinh: Xây dựng phương án tuyển sinh sau đại học 2025: rà soát chỉ tiêu tuyển sinh và tiêu chí, điều kiện tuyển sinh các mã ngành đào tạo. Ban hành thông báo tuyển sinh Sau đại học năm 2025 đợt 1 với 1658 chỉ tiêu gồm 86 chỉ tiêu Bác sĩ nội trú, 259 chỉ tiêu Chuyên khoa cấp II, 1096 chỉ tiêu Chuyên khoa cấp I, 172 chỉ tiêu Thạc sĩ, 45 chỉ tiêu Tiến sĩ năm 2025.



- Tổ chức lễ tốt nghiệp và phát bằng cho Tiến sĩ, thạc sĩ, BSCKI, BSCKII, BSNT năm 2024.

- Phối hợp cùng các khoa, bộ môn hoàn thiện hồ sơ mở mã ngành mới gồm: Chuyên khoa I: Quản lý dược; Tổ chức quản lý Bệnh viện, Hồi sức cấp cứu, Hộ Sinh; Truyền nhiễm; Chuyên khoa II: Tai Mũi Họng, Ung thư; Thạc sĩ: Sản, Khoa học Y sinh; Bác sĩ nội trú: Tai Mũi họng, Gây mê hồi sức, Y học cổ truyền, Da liễu, Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ.

- Thực hiện rà soát kiểm định chương trình Thạc sĩ Dược lý và DLS; Thạc sĩ Xét nghiệm Y học theo kế hoạch. Rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo sau đại học cho khoá tuyển sinh năm 2025.

3. Khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục

- Mạng lưới đảm bảo chất lượng thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng quý 4/2024 và quý 1/2025.

- Đã và đang tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Khoa Y tế công cộng, Khoa Dược học và Khoa Kỹ thuật Y học hoàn thiện Báo cáo tự đánh giá 3 chương trình đào tạo ngành Y học dự phòng trình độ đại học, ngành Xét nghiệm Y học, Dược lý – Dược lâm sàng trình độ thạc sĩ. Phối hợp với Khoa Y, Khoa Dược học và Khoa Y tế công cộng hoàn thành báo cáo giữa kỳ kiểm định 3 chương trình đào tạo ngành Y Khoa, Dược học trình độ đại học và ngành Y tế công cộng trình độ thạc sĩ.

- Rà soát và hoàn thành dự thảo Quy định thi kiểm tra, đánh giá học phần (bổ sung, sửa đổi lần 3).

- Đã tiến hành rà soát chuẩn đầu ra cho 2 chương trình là Y khoa và Dược học, tích hợp chức năng đánh giá chuẩn đầu ra trên phần mềm.

- Hoàn thiện xong hồ sơ đăng kí làm thành viên của AUNQA, chờ duyệt bước cuối để gửi AUNQA.

4. Nghiên cứu khoa học

- Hoàn thành xuất bản 02 số báo chuyên đề trên tạp chí Y học Việt Nam năm 2024, tổng số 113 bài, trong đó có 76 bài được nhà trường hỗ trợ kinh phí. Rà soát, tổng hợp số lượng bài báo trong nước, quốc tế, chuyên khảo, sản phẩm sở hữu trí tuệ của cán bộ giảng viên nhà trường năm 2024, đưa số liệu lên phần mềm Hemis.

- Tổ chức họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo, thông qua chủ chương đổi mới quy chế đào tạo Sau đại học, rà soát toàn bộ các chương trình đào tạo Đại học và Sau đại học, mở mã ngành đào tạo 15 chương trình Sau đại học.

- Tổ chức tư vấn, thẩm định, lựa chọn tài liệu giảng dạy cho 06 cuốn giáo trình của Khoa Y học cổ truyền.

- Tổ chức họp thống nhất kế hoạch, triển khai hỗ trợ cán bộ, giảng viên nhà trường đạt tiêu chuẩn GS, PGS theo quy định. Thông báo kế hoạch xét đạt tiêu chuẩn GS, PGS năm 2025.

- Chuẩn bị cho Hội thảo quốc tế Pháp – Việt năm 2025, chủ đề “Y học gia đình”, Hội thảo khoa Răng hàm mặt.

- Ban hành quyết định phê duyệt Khóa luận tốt nghiệp cho các Khoa: Răng hàm mặt, Y tế Công cộng, Dược, Điều Dưỡng, Kỹ Thuật Y học. Tổ chức đánh giá và phê duyệt 83 đề tài thuộc Dự án học thuật sinh viên Y khoa K42.

5. Hợp tác quốc tế

- Hoàn thành việc xin gia hạn visa của 22 lưu học sinh Lào. Phối hợp với các đơn vị liên quan hỗ trợ sinh viên Lào xuất cảnh trong dịp Tết nguyên đán, thanh toán các khoản sinh hoạt phí, học phí, Bảo hiểm y tế, kinh phí hỗ trợ dịp Tết nguyên đán.

- Hoàn thành việc đón tiếp các đoàn quốc tế gồm: trường Đại học Chang Gung, Đài Loan sang thăm và trao đổi hợp tác với nhà trường ngày 10/01/2025; đoàn chuyên gia Trung tâm Quốc gia về sức khỏe và Y tế toàn cầu – Nhật Bản sang thăm và làm việc với nhà trường và nhóm nghiên cứu dự án vào ngày 20/02/2025; họp trực tuyến giữa Học viện quốc tế Alice, Nhật Bản và phụ huynh sinh viên, sinh viên Điều dưỡng trao đổi về chương trình học bổng dành cho sinh viên Điều dưỡng tại Nhật; Họp online cùng trường Đại học Trung Y dược Quảng Tây và tập đoàn Liễu dược về việc đề xuất ký kết hợp tác và treo biển hợp tác tại trường Đại học Y dược Hải Phòng.

- Hoàn thành thủ tục xin phép Bộ Y tế về việc phối hợp cùng Viện hàn lâm Y học Pháp đồng tổ chức Hội thảo khoa học Pháp – Việt với chủ đề “Y học gia đình”, dự kiến tổ chức vào quý II/2025.

6. Tổ chức cán bộ

- Hoàn thành kế hoạch tuyển dụng viên chức năm 2025 và kế hoạch xét nâng hạng chức danh nghề nghiệp cho giảng viên báo cáo Bộ Y tế phê duyệt.

- Tiếp tục triển khai Đề án sắp xếp cơ cấu tổ chức bộ máy, tổ chức lại các đơn vị theo yêu cầu của Nghị định 120/2020 của Chính phủ: xin chủ trương và xây dựng đề án sáp nhập Phòng Quản hệ quốc tế vào Phòng Quản lý khoa học.

- Phối hợp với Văn phòng Hội đồng trường hoàn thiện hồ sơ, báo cáo Bộ Y tế về chủ trương kiện toàn nhân sự vị trí Chủ tịch Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020 – 2025.

- Xây dựng và lấy ý kiến các bên liên quan về: Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị; Quy định tiêu chuẩn, điều kiện, bổ nhiệm, cán bộ, viên chức; quy định chấm công và trả lương đối với viên chức, cán bộ, người lao

động; quy định về Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; Quy định về ký kết hợp đồng lao động. Trên cơ sở góp ý, chỉnh sửa hoàn thiện các quy định báo cáo Hội đồng trường xem xét, phê duyệt và ban hành.

- Rà soát, đề xuất nhân sự đủ điều kiện và tiến hành bổ nhiệm những trường hợp nhân sự đã được Đảng ủy nhà trường thống nhất thông qua. Hoàn thành quy trình bổ nhiệm lại cho 14 trường hợp cán bộ đến hạn bổ nhiệm lại năm 2025. Phối kết hợp cùng các khoa/bộ môn tìm kiếm nguồn nhân lực chất lượng cao của các bệnh viện để tham gia công tác quản lý khoa/bộ môn.

- Hoàn thiện hồ sơ xét khen cao cho cá nhân và tập thể. Tổ chức phiên họp bổ sung của Hội đồng thi đua – khen thưởng để bầu Tập thể lao động xuất sắc năm học 2023 – 2024 theo hướng dẫn của Bộ Y tế. Triển khai kế hoạch khởi thi đua các trường đại học năm 2025 với vai trò trường khối.

- Hoàn thành ký kết Hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ và mời giảng viên thỉnh giảng với các cán bộ đủ điều kiện đảm bảo điều kiện duy trì và mở mới ngành/chuyên ngành năm học 2024 – 2025. Tiếp tục tìm kiếm nguồn nhân lực chất lượng cao lại các bệnh viện thực hành bổ sung đội ngũ giảng viên kiêm chức.

7. Tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị

- Thực hiện thanh toán các khoản chi thường xuyên đảm bảo hoạt động của trường, thanh toán các khoản hỗ trợ tết cho viên chức, người lao động và giảng viên kiêm chức, ...

- Hoàn thành tổng hợp số liệu thuế thu nhập cá nhân quý 4 và năm 2024, quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân năm 2024 và đăng ký giảm trừ cho cán bộ, xuất chứng từ khấu trừ thuế và đăng ký cấp mã số thuế cho cán bộ mới, xuất hóa đơn thuế GTGT cho các đơn vị dịch vụ;

- Hoàn thành báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán năm 2024 của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

- Phối hợp với phòng Vật tư - Trang thiết bị lập và nộp báo cáo tổng kiểm kê của Trường đại học Y Dược Hải Phòng; tổ chức đấu thầu, lựa chọn đơn vị thực hiện dịch vụ kiểm toán độc lập báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán năm 2024.

- Phối hợp cùng các đơn vị lập, thẩm định hồ sơ khai thác tài sản công của trường trình Hội đồng trường thông qua vào kỳ họp tháng 4/2025.

- Tổ chức lập báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng và thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Công trình sửa chữa, khắc phục tác động và hậu quả sau bão số 3/2024; Công trình sửa chữa nhà làm việc và khám chữa bệnh tại bệnh viện (tầng 2-5 nhà A, Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng); Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án xây dựng Ký túc xá; Công trình sửa chữa hệ thống thoát

nước, sân đường nội bộ; Công trình sửa chữa Nhà giảng dạy, làm việc và các hạng mục phụ trợ;

- Tổ chức đấu thầu lại gói thầu: Mua sắm dụng cụ, phương tiện bảo hộ lao động; Mua sắm hiện vật bồi dưỡng độc hại cho người lao động;

- Tổ chức đấu thầu gói thầu cung cấp dịch vụ bảo vệ tại trường năm 2025 - 2026;

- Tổ chức lập hồ sơ dự án xây dựng, mở rộng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng phục vụ công tác xin cấp giấy phép môi trường theo qui định.

II. PHƯƠNG HƯỚNG TRONG QUÝ II NĂM 2025

1. Về đào tạo đại học: Hoàn thành kế hoạch tuyển sinh đại học năm 2025. Tiếp tục thực hiện kế hoạch năm học theo đúng tiến độ.

2. Về đào tạo sau đại học: Thực hiện tốt kế hoạch tuyển sinh sau đại học năm 2025, phấn đấu tuyển 100% chỉ tiêu đề ra. Hoàn thiện hồ sơ mở các mã ngành đào tạo gồm Chuyên khoa II chuyên ngành Tai Mũi Họng, Ung thư; Bác sĩ nội trú chuyên ngành Tai Mũi Họng, Truyền nhiễm, Gây mê hồi sức, Y học cổ truyền, Da liễu, Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ; Thạc sĩ chuyên ngành Sản, Y sinh; Bác sĩ chuyên khoa I chuyên ngành Tổ chức quản lý dược, Hồi sức cấp cứu, Hộ sinh, Truyền nhiễm.

3. Về công tác đảm bảo chất lượng: Hoàn thành đánh giá ngoài cho 3 chương trình Thạc sĩ Dược lý, dược lâm sàng; Thạc sĩ Kỹ thuật xét nghiệm Y học và Bác sĩ Y học dự phòng. Ban hành và thực hiện quy trình về đảm bảo chất lượng trong các hoạt động khoa học công nghệ, các quy định liên quan trong công tác khảo thí của trường.

4. Về công tác nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế: Tổ chức phê duyệt đề cương khoa học cấp cơ sở năm 2025 (đợt 1). Biên tập, xuất bản số chuyên đề tháng 6/2025 trên tạp chí Y học Việt Nam. Nghiệm thu giáo trình tài liệu giảng dạy. Tổ chức tiếp đón tốt cho các đại biểu quốc tế đến tham dự các hội nghị, hội thảo.

5. Về công tác tổ chức cán bộ: Xây dựng, báo cáo Bộ Y tế phê duyệt và tổ chức triển khai phương án thành lập Hội đồng trường nhiệm kỳ 2025 – 2030. Thực hiện tốt kế hoạch tuyển dụng viên chức, tuyển dụng lao động hợp đồng năm 2025; kế hoạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức. Hoàn thành các quy định, quy chế quan trọng của trường như Quy chế Tổ chức và Hoạt động của trường, Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, Quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại.

6. Về công tác tài chính: Hoàn thành kiểm toán độc lập về kiểm toán báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính năm 2025 của Trường. Trên cơ sở đó, hoàn thành

báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 của Trường và các đơn vị trực thuộc trường trình Ban giám hiệu và Hội đồng trường phê duyệt.

7. Về cơ sở vật chất: Tập trung triển khai các dự án đầu tư xây dựng đã được phê duyệt như sửa chữa, khắc phục tác động và hậu quả sau bão số 3/2024; sửa chữa nhà làm việc và khám chữa bệnh tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng; xây dựng Ký túc xá...

Nơi nhận:

- Thành viên HĐT;
- Ban Giám hiệu;
- Phòng TCCB, VT.

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. Nguyễn Văn Khải

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 718 /TTr-YDHP

Hải Phòng, ngày 10 tháng 7 năm 2025

TỜ TRÌNH

Đăng ký mở mã ngành đào tạo thạc sĩ
Ngành Khoa học Y sinh
Mã số: 8720101

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Nghị quyết số 162/NQ-HĐT- YDHP, ngày 29/04/2025 của Hội đồng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, nhà Trường đã xây dựng đề án mở mã ngành Thạc sĩ Khoa học Y sinh, mã số 8720101, với các nội dung cụ thể như sau:

1. Lý do đề nghị mở mã ngành đào tạo

Với xu thế phát triển và hội nhập, ngành Y tế Việt Nam đang đứng trước các cơ hội và thách thức quan trọng có nguồn gốc từ sự gia tăng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân với yêu cầu về chất lượng dịch vụ ngày càng cao. Sự hiện đại hóa trong y học các thành tựu từ các ngành khoa học về sự sống đặt ra yêu cầu đối với các cán bộ y tế, các cán bộ giảng dạy và nghiên cứu khối ngành sức khỏe (Y, Dược, Nha, Điều dưỡng, Dinh dưỡng, Kỹ thuật Y học...) phải có khả năng: (1) Hiểu các kiến thức chuyên sâu do các hoạt động nghiên cứu Khoa học y sinh mang lại; (2) Chia sẻ, giảng dạy về các kiến thức mới từ nền tảng chuyên sâu đến các ứng dụng thực tế trên lâm sàng, can thiệp dự phòng; (3) Tiếp cận và đi sâu nghiên cứu các vấn đề sức khỏe.

Có thể nói Khoa học y sinh là phần nền tảng nghiên cứu của y học, của khoa học sức khỏe nói chung. Không chỉ cần thiết đối với các nhà nghiên cứu mà còn rất cần thiết với các bác sĩ chuyên khoa và các cán bộ giảng dạy. Khoa học y sinh gắn bó hữu cơ với sự phát triển của y học hiện đại, không xa lạ với các nền y học tiên tiến. Tại Việt Nam, hoạt động nghiên cứu hay thực nghiệm khoa học đã được hình thành và có những bước phát triển trong những giai đoạn nhất định tại nhiều trường Đại học khối ngành sức khỏe (Đại học Y Hà Nội, Đại học Dược Hà Nội). Tuy nhiên, do nhiều khó khăn và cả những vấn đề về quan điểm, định hướng mà khối kiến thức y sinh nền tảng, các hoạt động nghiên cứu y sinh chuyên sâu tại các trường Đại học không được duy trì hay chú trọng. Các bộ môn cơ bản hay y học cơ sở trong các trường Đại học Y Dược trong nước đang thiếu vắng các hoạt động nghiên cứu khoa

học chuyên sâu. Bên cạnh các nguyên nhân và khó khăn khác, một lý do quan trọng là do các bộ môn này đang hoạt động tương đối độc lập và tách biệt. Nhận thức không đồng đều, chưa chính xác về vai trò của nghiên cứu khoa học, Khoa học y sinh của đội ngũ cán bộ khoa học, giảng viên tại các bộ môn khoa học cơ bản, y học cơ sở cũng là một trở ngại cho việc tăng cường hoạt động khoa học, gắn giảng dạy với nghiên cứu ở khu vực này. Ở khu vực lâm sàng, nhận thức giản đơn, thuần túy lâm sàng cũng là một trở lực cho sự phát triển của các hoạt động nghiên cứu.

Khi xã hội ngày càng phát triển, mối quan tâm của con người về sức khỏe ngày một tăng cao. Việc ứng dụng công nghệ tiên tiến vào lĩnh vực chăm sóc sức khỏe cũng đang dần trở thành xu hướng trong kỷ nguyên 4.0. Trong bối cảnh đó, chuyên ngành Khoa học Y sinh (Biomedical Science – BMS) xuất hiện như cầu nối giữa khoa học và y học. Lĩnh vực này ngày càng chứng tỏ được tầm quan trọng của mình, đặc biệt sau khi thế giới đối mặt với cuộc khủng hoảng Y tế diện rộng do Covid 19. Khoa học Y sinh đã đóng góp nhiều thành tựu cho cộng đồng và mở ra thêm một hướng đi mới cho những người trẻ đam mê nghiên cứu khoa học. Khoa học y sinh có vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ điều trị, phòng ngừa bệnh tật cũng như nâng cao sức khỏe của con người. Do đó, lĩnh vực này luôn được ưu tiên hàng đầu ở hầu hết các quốc gia trên thế giới, nhất là khi chất lượng cuộc sống ngày càng được nâng cao.

Theo kết quả khảo sát từ các bệnh viện, cơ sở y tế tại các tỉnh Hải Phòng, Quảng Ninh, Hải Dương..., nhu cầu đào tạo Thạc sĩ Khoa học y sinh tương đối lớn (10-20 thạc sĩ/1 năm).

2. Năng lực cơ sở đào tạo

Trường Đại học Y Hải Phòng được thành lập từ năm 1979, trên cơ sở 2 của Trường Đại học Y Hà Nội tại Hải Phòng. Ngày 25/01/1999, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng trực thuộc Bộ Y tế trên cơ sở Phân hiệu Đại học Y Hải Phòng. Ngày 11/11/2013, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 2153/QĐ-TTg đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng. Trải qua hơn 40 năm xây dựng và phát triển, Trường đã phát triển trở thành Trường đào tạo đa ngành khối ngành Sức khỏe đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực y tế chất lượng cao góp phần bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe của nhân dân.

Đến năm 2025, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng có hơn 1156 cán bộ, giảng viên, trong đó 454 cán bộ cơ hữu gồm 03 Giáo sư; 34 Phó giáo sư, 81 Tiến sĩ, 247 thạc sĩ, 90 Bác sĩ. Hiện Trường cũng đã quy tụ được hàng chục GS, PGS, TS tham gia giảng dạy kiêm chức đang giữ các cương vị công tác như Giám đốc, Phó Giám

đốc, Trưởng/Phó Khoa phòng tại các bệnh viện thực hành trong thành phố hoặc đã đến tuổi nghỉ hưu. Hiện tại trường có 11 Phòng, Ban chức năng, 9 khoa, 34 Bộ môn trực thuộc trường, 8 Trung tâm, 1 tạp chí sức khỏe và 1 Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng với 28 khoa, phòng chức năng phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu và khám chữa bệnh, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Trường Đại học Y Dược Hải Phòng nhận nhiệm vụ đào tạo trình độ Tiến sĩ từ năm 2011 theo Quyết định số 4386/QĐ-GDDT ngày 23/9/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo. Trường hiện đang đào tạo 4 ngành gồm Y tế công cộng, Nội khoa, Ngoại khoa, Nhi khoa. Số Nghiên cứu sinh đã tốt nghiệp là 28 và hiện có 41 Nghiên cứu sinh đang theo các chương trình đào tạo.

Trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ Đào tạo trình độ thạc sĩ từ năm 2004 theo Quyết định số 44/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Hiện tại, Trường được Bộ Giáo dục & Đào tạo giao nhiệm vụ đào tạo trình độ Thạc sĩ 9 ngành gồm Nội khoa, Ngoại khoa, Nhi khoa, Y tế công cộng, Y học biển, Dược lý và Dược lâm sàng, Kỹ thuật xét nghiệm Y học, Điều dưỡng và Răng hàm mặt. Số học viên đã tốt nghiệp và được cấp bằng thạc sĩ 705 học viên và số học viên đang theo học là 114 học viên.

Trường nhận nhiệm vụ đào tạo Bác sĩ chuyên khoa I từ năm 1995 và tới nay có 23 mã ngành đào tạo Chuyên khoa I; Đào tạo trình độ Bác sĩ chuyên khoa II từ năm 2007 gồm 16 mã ngành, đào tạo Bác sĩ Nội trú từ năm 2008 gồm 6 mã ngành. Từ năm 2010 đến nay, trường đã đào tạo và cấp bằng cho 2358 Bác sĩ chuyên khoa I, 590 Bác sĩ chuyên khoa II và 137 Bác sĩ Nội trú. Hoạt động đào tạo Sau Đại học thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo chất lượng theo chuẩn đầu ra đối với từng chuyên ngành do Bộ Y tế và Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định, cơ bản đáp ứng nhu cầu của người học và xã hội, đảm bảo tính kế thừa và phát triển trong từng giai đoạn.

Trường đã được Bộ Giáo dục & Đào tạo giao nhiệm vụ đào tạo Đại học 7 mã ngành gồm Y khoa, Y học dự phòng, Răng Hàm Mặt, Y học cổ truyền, Điều dưỡng, Xét nghiệm Y học và Dược học.

Khoa Y được thành lập năm 2022 trên cơ sở các Bộ môn Khối Nội (9 bộ môn: bộ môn Nội, bộ môn Nhi, bộ môn Thần kinh, bộ môn Da liễu, bộ môn Tâm thần, bộ môn Lao và Bệnh phổi, bộ môn Truyền nhiễm, bộ môn Phục hồi chức năng, bộ môn Y học gia đình), các bộ môn Khối Ngoại (7 bộ môn: bộ môn Ngoại & PTTH, bộ môn Sản – Phụ khoa, bộ môn Mắt, bộ môn Tai - Mũi - Họng, bộ môn Ung bướu, bộ môn Gây mê hồi sức, bộ môn Chẩn đoán hình ảnh), các bộ môn Khối cơ sở (7 bộ môn:

bộ môn Giải phẫu, bộ môn Hóa sinh, bộ môn Sinh lý, bộ môn Sinh lý bệnh - Dự ứng - Miễn dịch, bộ môn Ký sinh trùng, bộ môn Mô - Bệnh học, bộ môn Vi sinh vật).

Khoa Y có đội ngũ cán bộ giảng dạy cơ hữu và thỉnh giảng vững mạnh cả về số lượng và chất lượng, gồm 247 cán bộ cơ hữu (02 Giáo sư - tiến sĩ, 14 Phó giáo sư - tiến sĩ, 24 Tiến sĩ, 08 Bác sĩ chuyên khoa II, 86 Thạc sĩ), 202 cán bộ thỉnh giảng (02 Giáo sư - tiến sĩ, 29 Phó giáo sư - tiến sĩ, 84 Tiến sĩ, 59 Bác sĩ chuyên khoa II, 20 Thạc sĩ). Trong đó có nhiều tiến sĩ được đào tạo về Khoa học y sinh trong các chương trình đào tạo tiến sĩ và sau tiến sĩ tại Việt Nam và nước ngoài (Pháp, Nhật, Hàn Quốc, Thái Lan, Mỹ). Các cán bộ giảng viên cơ hữu chủ trì ngành đào tạo như sau:

STT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/chuyên ngành
1.	Phạm Văn Linh, 30/05/1971 Chủ tịch Hội đồng trường	PGS năm 2015 Tiến sĩ năm 2010	Miễn dịch học
2.	Phạm Văn Thức 10/06/1959	GS năm 2011 Tiến sĩ năm 1993	Dị ứng- miễn dịch lâm sàng
3.	Phạm Huy Quyến, 25/10/1961	PGS năm 2009 Tiến sĩ năm 1997	Miễn dịch học
4	Đinh Thị Thanh Mai, 10/02/1971 Phó Hiệu trưởng, Trường Khoa Y, Trưởng bộ môn Ký sinh trùng, Trưởng Đại học Y Dược Hải Phòng	PGS năm 2013 Tiến sĩ năm 2017	Ký sinh trùng
5	Nguyễn Bảo Trân, 06/01/1974 Trưởng Bộ môn Giải phẫu, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	Tiến sĩ năm 2018	Khoa học Y sinh
6	Đào Thu Hồng, 10/06/1976 Trưởng Bộ môn Sinh lý, Phó Trưởng Khoa Y, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	Tiến sĩ năm 2018	Khoa học y sinh/ Sinh lý học
7	Nguyễn Thị Phương Mai, 09/12/1973 Trưởng Bộ môn Hóa sinh, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	Tiến sĩ năm 2020	Y học/ Hóa sinh y học
8	Nguyễn Thị Hồng Liên, 16/01/1984	Tiến sĩ năm 2024	Nội khoa

	Trưởng Bộ môn Sinh lý bệnh, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng		
9	Võ Thị Thanh Hiền, 30/01/1978 Phó trưởng Bộ môn Ký sinh trùng, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	Tiến sĩ năm 2019	Ký sinh trùng
10	Nguyễn Trường Giang, 6/12/1977 Phó trưởng bộ môn Mô bệnh học, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	Tiến sĩ năm 2023	Khoa học Y sinh/ Giải phẫu bệnh

Trường Đại học Y Dược Hải Phòng còn có các giảng đường và phòng thực tập tại nhiều bệnh viện thực hành chính trên địa bàn Hải Phòng: Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp, Bệnh viện Trẻ em, Bệnh viện Phụ sản, Bệnh viện đa khoa Kiến An, Bệnh viện phổi, Bệnh viện tâm thần, Bệnh viện Y học cổ truyền, các bệnh viện đa khoa tại khu vực, đủ để đảm bảo việc học và thực hành cho sinh viên, học viên. Để đảm bảo việc giảng dạy lý thuyết và tăng cường các điều kiện làm việc của các bộ môn tại bệnh viện, nhà trường đã đầu tư xây dựng các giảng đường, phòng học tại các bệnh viện với tổng diện tích sử dụng trên 2500m². Bên cạnh đó Trường Đại học Y Dược Hải Phòng có cơ sở thực hành tại các bệnh viện của các tỉnh, Thành Phố Hà Nội, Quảng Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Phú Thọ, Thanh Hóa, Nghệ An.

- Các bệnh viện thực hành bao gồm: Bệnh viện Đại Học Y Hải Phòng, Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp (công bố số 1331/BVVT- TTĐTCĐT ngày 14/04/2025 về cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe; căn cứ theo hợp đồng nguyên tắc về đào tạo thực hành số 31/2025/HĐTH-BVHNVT ngày 16/04/2025.

3. Mục tiêu phát triển ngành đào tạo

- Kết quả mong đợi về thời gian mở ngành trong năm 2025.
- Thời gian triển khai tổ chức thực hiện chương trình đào tạo thạc sĩ là trong 2 năm.
- Dự kiến quy mô tuyển sinh: 10-20 học viên/khóa
- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp hoặc đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học ngành đúng/ngành phù hợp và đảm bảo các điều kiện dự tuyển theo quy định hiện hành.
- Mục tiêu của chương trình đào tạo: Đào tạo thạc sĩ Khoa học y sinh định hướng nghiên cứu, có kiến thức khoa học cơ bản, các kiến thức nền tảng chuyên sâu của y học (y học cơ sở), có phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu y sinh, có khả năng tự học, các thói quen và kỹ năng chuyên môn cần thiết, có đạo đức của

người làm nghiên cứu khoa học y sinh, có khả năng làm việc nhóm và độc lập, có khả năng nghiên cứu phát hiện và giải quyết được những vấn đề mới có ý nghĩa khoa học và thực tiễn, có thể trở thành giảng viên ở các chuyên ngành y học cơ sở trong các trường đào tạo khối ngành sức khỏe, các nhà lâm sàng có khả năng hiểu biết sâu sắc các tình trạng bệnh lý có liên quan và các vấn đề mới phát sinh, có khả năng đề xuất và triển khai các nghiên cứu y sinh

- Đảm bảo chuẩn kiến thức và kỹ năng của người học sau khi tốt nghiệp và đáp ứng nhu cầu liên thông giữa các trình độ. Chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần của ngành đăng ký đào tạo được xây dựng đảm bảo chuẩn đầu ra, phù hợp với khung trình độ Quốc gia Việt Nam bậc 7 (căn cứ quyết định số 1982/QĐ/TTg của Thủ tướng chính phủ) hiện hành.

4. Giải pháp và lộ trình thực hiện đề án xây dựng mở ngành

- Thời gian xây dựng chương trình đào tạo từ tháng 4/2025 – tháng 6/2025.
- Hàng năm Nhà trường sẽ tiến hành khảo sát các đối tượng liên quan về nhu cầu đào tạo, mục tiêu, chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo.
- Đội ngũ giảng viên không ngừng học tập và vươn lên cả về chuyên ngành và ngoại ngữ. Kế hoạch đánh giá và kiểm định chương trình đào tạo theo đúng quy định.

5. Phương án, đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở ngành đào tạo

a. Phân tích tình hình thực tế

- Đội ngũ giảng viên giàu kinh nghiệm, tâm huyết, được đào tạo chính quy cả trong và ngoài nước, có kinh nghiệm hướng dẫn nhiều luận văn Chuyên khoa II, Chuyên khoa I, BSNT, khóa luận sinh viên tốt nghiệp đạt kết quả tốt. Các giảng viên tham gia giảng dạy cũng có nhiều kinh nghiệm nghiên cứu trong nước và quốc tế, có nhiều đề tài được nghiệm thu cấp cơ sở và nhiều đề tài đăng báo trong và ngoài nước.
- Nhà trường và Khoa có kinh nghiệm đào tạo đại học và sau đại học.
- Cơ sở vật chất đầy đủ: giảng đường, phòng thí nghiệm, khu thực hành lâm sàng tại bệnh viện trường và các bệnh viện thực hành khác trong và ngoài thành phố.

*** Cơ hội:**

- Là trường đa ngành khối sức khỏe, có uy tín, thương hiệu tốt
- Mạng lưới các bệnh viện thực hành trải dài, đội ngũ giảng viên mạnh
- Nhu cầu đào tạo sau đại học chuyên ngành Sản Phụ khoa tăng cao
- Có tiềm năng hợp tác quốc tế trong chương trình đào tạo đại học và sau đại học.

* Rủi ro

- Nguy cơ chảy máu nguồn nhân lực
- Tính cạnh tranh giữa các đơn vị ngày càng cao.

b. Các giải pháp phòng ngừa rủi ro

- Phát triển đội ngũ lãnh đạo kế cận. Xây dựng một văn hóa, môi trường đại học có khả năng thu hút lao động có chất lượng.
- Tăng cường công tác đảm bảo chất lượng là một trong những cơ sở đào tạo nhân lực có uy tín, có thương hiệu, hướng tới an toàn và chất lượng trong thực hành lâm sàng nhằm phục vụ sức khỏe con người.
- Trong trường hợp cơ sở đào tạo bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo: nhà trường ban hành quy chế quản lý rủi ro và các chính sách bảo vệ quyền lợi của học viên, giảng viên và công bố bằng văn bản trên cổng thông tin điện tử của trường. Học viên có thể được chuyển cơ sở đào tạo ngang cấp với các cơ sở đào tạo liên kết với nhà trường mà vẫn đảm bảo chất lượng và tiến độ chương trình.

6. Kết luận và kiến nghị

Căn cứ Thông Tư 07/2024/VBHN-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành, Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ. Chương trình trên được xây dựng với sự tham khảo chương trình đào tạo của các trường: Trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Y Dược Huế, Trường Đại học Y Phạm Ngọc Thạch.

Trường Đại học Y dược Hải Phòng thấy rằng cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ có chức danh khoa học và học vị tiến sĩ đã đáp ứng các điều kiện mở mã ngành đào tạo trình độ Thạc sĩ để đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực từ năm học 2025 – 2026.

Toàn bộ nội dung đề án đăng ký xin mở mã ngành đào tạo Khoa học Y sinh trình độ thạc sĩ đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Trường đại học Y Dược Hải Phòng (www.hpmu.edu.vn).

Kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét cho mở đào tạo trình độ Thạc sĩ Ngành Khoa học Y sinh.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, QLĐTSDH, Khoa Y.

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. Nguyễn Văn Khai

Hải Phòng, ngày 31 tháng 03 năm 2025

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO
VỀ VIỆC THÔNG QUA CHỦ TRƯỞNG MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO
Trình độ thạc sĩ ngành: Khoa học Y sinh – Mã số: 8720101**

I. PHẦN HÀNH CHÍNH

Thời gian: 16h50 ngày 31 tháng 03 năm 2025

Địa điểm: Phòng Hội thảo Quốc tế A308

Thành phần: Theo Quyết định số: 548/QĐ- YDHP ngày 29 tháng 03 năm 2024 và Quyết định số 633; 634; 635/QĐ – YDHP ngày 12/04/2024 về việc bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng và Ban thư ký Hội đồng khoa học và Đào tạo nhiệm kỳ 2024 – 2029.

Vắng 01: GS.TS. Phạm Minh Khuê

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. PGS.TS. Nguyễn Văn Khải – Chủ tịch Hội đồng điều hành buổi họp.
2. TS. Cao Đức Tuấn – Trưởng phòng Quản lý khoa học – tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và nội dung cuộc họp.
3. TS. Phạm Thanh Hải – Trưởng Phòng Quản lý đào tạo Sau đại học – báo cáo một số nội dung về điều kiện, trình tự và thủ tục mở mã ngành đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Khoa học y sinh. Căn cứ Thông tư 22/2022/TT – BGDĐT ngày 18/01/2022 và Thông tư 12/2024 BGDĐT ngày 10/10/2024 của Bộ GD về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 22/2022 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo quy định điều kiện, trình tự thủ tục mở mã ngành đào tạo, định chỉ hoạt động của ngành đào tạo, trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.
4. Đại diện Khoa Y báo cáo đề án nhận nhiệm vụ đăng ký mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Khoa học y sinh.
5. Các ý kiến thảo luận của Hội đồng đối với mở mã ngành Khoa học y sinh

- Ý kiến PGS.TS. Nguyễn Văn Khải về cấu trúc và thời lượng đào tạo phù hợp với CTĐT thạc sĩ của Nhà trường, tuy nhiên đây là một mã ngành mới nên khoa nghiên cứu và xem xét các học phần cho phù hợp.

+ Căn cứ về nhân lực của khoa đề đứng lên mở mã ngành, theo Thông tư 22/2022/TT – BGDĐT ngày 18/01/2022 và Thông tư 12/2024 BGDĐT ngày 10/10/2024 của Bộ GD về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 22/2022 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo quy định điều kiện, trình tự thủ tục mở mã ngành đào tạo, định chi hoạt động của ngành đào tạo, trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ PGS.TS. Phạm Văn Linh đã đứng duy trì ngành của Thạc sĩ Nội khoa nên sẽ không đứng lên mở mã ngành khoa học y sinh được. Vậy PGS.TS. Phạm Huy Quyến là người đứng chủ trì mở mã ngành Khoa học y sinh và bổ sung PGS.TS Vũ Sỹ Kháng.

III. KẾT LUẬN CỦA HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO

100% thành viên Hội đồng nhất trí thông qua chủ trương mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Khoa học y sinh. Xác nhận các điều kiện đảm bảo chất lượng thực tế gồm đội ngũ giảng viên cơ hữu, cơ sở vật chất, trang thiết bị, phòng thí nghiệm, thư viện của Trường đáp ứng yêu cầu mở ngành đào tạo. Khoa Y hoàn thiện hồ sơ và đề án mở ngành trình Bộ Giáo dục & Đào tạo và Bộ Y tế cho phép mở ngành đào tạo theo thẩm quyền.

Cuộc họp kết thúc vào lúc 17h50 cùng ngày./.

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG



TS. Phạm Thanh Hải

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG *



PGS.TS. Nguyễn Văn Khải

HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO

II. Xây dựng đề án, chuẩn bị điều kiện mở ngành đào tạo

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG

Số: 832/QĐ-YDHP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc

Hải Phòng, ngày 10 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành kế hoạch xây dựng
chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25/01/1999 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng;

Căn cứ quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT - BGDDT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT- BGDDT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở mã ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ quyết định số 1359/QĐ-TTg ngày 15/10/2021 của Trường Đại học Y Hải Phòng về việc quy định xây dựng, phát triển, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ quyết định số 815/QĐ- YDHP ngày 09/04/2025 của Trường Đại học Y Hải Phòng về việc thành lập Hội đồng xây dựng chương trình và đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Theo đề nghị của Ông: Trưởng phòng Quản lý đào tạo Sau đại học, Trường khoa Y.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch xây dựng chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, ngành Sản phụ khoa và Khoa học Y sinh.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Các Ông (Bà) Trưởng phòng; Quản lý đào tạo Sau đại học, Trường khoa Y và đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ GD&ĐT; Bộ Y tế (để b/c);
- Lưu QLĐTSDH; VT.

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Nguyễn Văn Khải

BỘ Y TẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ NĂM 2025
(*Kèm theo quyết định số: 832/QĐ - YDHP ngày 10 tháng 04 năm 2025*)

TT	Nội dung	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm
1.	Đề xuất thành lập HD xây dựng chương trình và điều kiện đảm bảo chất lượng	Phòng TCCB	Phòng QLĐTSDH Khoa/Bộ môn	Từ 02/04/2025 Đến 07/04/2025	Quyết định thành lập HD xây dựng chương trình và điều kiện đảm bảo chất lượng
2.	Hợp triển khai hướng dẫn xây dựng CTĐT	GDYH-NCKH; KT&QLCLGD	SDH, Khoa/Bộ môn	Ngày 10/4/2025	Biên bản cuộc họp
3.	Xây dựng bản thảo CTĐT			Từ 11/04 - 24/04/2025	Chương trình đào tạo
3.1.	Mục tiêu và CDR của CTĐT	GDYH-NCKH; KT&QLCLGD; khoa/bộ môn liên quan	Phòng QLĐT SDH	Từ 11/04 - 24/04/2025	CDR và Mục tiêu của CTĐT, biên bản họp
3.2.	Xác định cấu trúc của CTĐT (khung CTĐT)	GDYH-NCKH; KT&QLCLGD; khoa/bộ môn liên quan	Phòng QLĐT SDH	Từ 11/04 - 24/04/2025	Khung CTĐT, biên bản họp
3.3.	Chiến lược lượng giá	GDYH-NCKH; KT&QLCLGD; khoa/bộ môn liên quan	Phòng QLĐT SDH	Từ 11/04 - 24/04/2025	Phương pháp lượng giá, biên bản họp
3.4.	Thiết kế đề cương chi tiết	GDYH-NCKH; KT&QLCLGD; khoa/bộ môn liên quan	Phòng QLĐT SDH	Từ 11/04 - 24/04/2025	Đề cương chi tiết, biên bản họp
4.	Điều kiện đảm bảo chất lượng			Từ 25/04 - 02/5/2025	Cơ sở vật chất, nhân lực

4.1	Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo	Phòng TCCB Khoa/Bộ môn	QLĐTSDH; Trung tâm khảo thí & QLCLGD	Từ 25/04-02/5/2025	Hồ sơ giảng viên tham gia CTĐT
4.2	Các công trình khoa học và đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo	Phòng QLKH Khoa/Bộ môn	QLĐTSDH; Trung tâm khảo thí & QLCLGD;	Từ 25/04-02/5/2025	Danh mục các công trình khoa học và đề tài NCKH và đề tài (kèm minh chứng)
4.3	Trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo	Phòng Vật tư trang thiết bị Khoa/Bộ môn	QLĐTSDH; Trung tâm khảo thí & QLCLGD	Từ 25/04-02/5/2025	Danh mục vật tư trang thiết bị phục vụ đào tạo
4.4	Sách tham khảo và giảng dạy	Trung tâm thư viện Khoa/Bộ môn	QLĐTSDH; Trung tâm khảo thí & QLCLGD	Từ 25/04-02/5/2025	Danh mục sách, tài liệu phục vụ đào tạo
5.	Thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng	Phòng TCCB	Phòng QLĐTSDH Khoa/BM	Từ 02/05-08/5/2025	Quyết định hội đồng thẩm định CTĐT & ĐBCL
6.	Sửa chữa chương trình theo góp ý của Hội đồng	Khoa/BM	Phòng QLĐTSDH	Từ 09/05/2025-18/05/2025	Biên bản sửa chữa theo ý kiến của Hội đồng. CTĐT và các minh chứng đảm bảo chất lượng theo sự góp ý của HD
7.	Hội đồng KH và Đào tạo thẩm định Hồ sơ mở mã ngành đào tạo mới	Hội đồng KH & ĐT	Phòng QLKH	Từ 19/05/2025-20/05/2025	Biên bản Đề án mở mã ngành mới
8.	Trình Bộ Giáo dục & Đào tạo để án mở mã ngành	Phòng QLĐTSDH	Khoa/Bộ môn	Từ 21/05/2025-26/05/2025	Công văn gửi Bộ Giáo dục & Đào tạo Đề án mở mã ngành

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 845/QĐ-YDHP

Hải Phòng, ngày 09 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng xây dựng chương trình và đảm bảo chất lượng
chương trình của 02 mã ngành trình độ thạc sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 1359/QĐ-YDHP ngày 15/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc Quy định xây dựng, phát triển, thẩm định và ban hành Chương trình đào tạo của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ quyết định số 1636/2001/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 5 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành quy chế đào tạo chuyên khoa cấp I sau đại học; quyết định số 1637/2001/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 5 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành quy chế đào tạo chuyên khoa cấp II sau đại học.

Căn cứ quyết định số 19/2006/QĐ-BYT, ngày 04 tháng 7 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành quy chế đào tạo Bác sĩ nội trú;

Căn cứ công văn số 622/BYT-K2ĐT, ngày 12/02/2020 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn tuyển sinh và đào tạo chuyên khoa I, chuyên khoa II và Bác sĩ nội trú trong năm 2020;

Căn cứ quyết định số 2815/QĐ-YDHP, ngày 26 tháng 12 năm 2022 của trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc ban hành quy định tuyển sinh sau đại học;

Căn cứ thông tư 02/2022/TT-BGDĐT, ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ GD&ĐT quy định điều kiện, trình tự thủ tục mở mã ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ kết quả cuộc họp Hội đồng khoa học và đào tạo ngày 31 tháng 03 năm 2025 về việc thông qua chủ trương mở ngành đào tạo đối với 02 mã ngành trình độ Thạc sĩ: Sản phụ khoa, Khoa học y sinh.

Xét đề xuất thành lập Hội đồng xây dựng chương trình và đảm bảo chất lượng chương trình của 02 mã ngành trình độ Thạc sĩ của Phòng quản lý đào tạo sau đại học

Xét đề xuất của ông (bà) Trưởng phòng: Tổ chức cán bộ, Quản lý đào tạo sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng xây dựng chương trình và đảm bảo chất lượng chương trình 02 mã ngành trình độ Thạc sĩ mới của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng năm 2025 gồm các ông bà có tên sau đây:

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Chức năng, nhiệm vụ Hội đồng xây dựng chương trình và đảm bảo chất lượng chương trình 02 mã ngành trình độ Thạc sĩ mới thực hiện theo các quy định hiện hành của nhà nước và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng: Tổ chức cán bộ, Tài chính kế toán, Quản lý Đào tạo Sau đại học, và các ông, bà có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. / *4/10*

Nơi nhận:
 - Như điều 3;
 - Lưu VT; TCCB.

HIỆU TRƯỞNG



[Handwritten Signature]

HIỆU TRƯỞNG
 PGS. TS. *Nguyễn Văn Khải*

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ	QUYỀN QUẢN LÝ
1	PGS. TS. Nguyễn Văn Khải	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng
2	PGS. TS. Trần Thị Thanh Mai	Phó Hiệu trưởng, Trưởng Khoa	Chủ tịch Hội đồng
3	PGS. TS. Nguyễn Văn Khải	Trưởng phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học	Chủ tịch Hội đồng
4	PGS. TS. Nguyễn Văn Khải	Trưởng phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học	Chủ tịch Hội đồng
5	PGS. TS. Nguyễn Văn Khải	Trưởng phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học	Chủ tịch Hội đồng
6	PGS. TS. Nguyễn Văn Khải	Trưởng phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học	Chủ tịch Hội đồng
7	PGS. TS. Nguyễn Văn Khải	Trưởng phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học	Chủ tịch Hội đồng
8	PGS. TS. Nguyễn Văn Khải	Trưởng phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học	Chủ tịch Hội đồng
9	PGS. TS. Nguyễn Văn Khải	Trưởng phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học	Chủ tịch Hội đồng
10	PGS. TS. Nguyễn Văn Khải	Trưởng phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học	Chủ tịch Hội đồng
11	PGS. TS. Nguyễn Văn Khải	Trưởng phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học	Chủ tịch Hội đồng
12	PGS. TS. Nguyễn Văn Khải	Trưởng phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học	Chủ tịch Hội đồng
13	PGS. TS. Nguyễn Văn Khải	Trưởng phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học	Chủ tịch Hội đồng
14	PGS. TS. Nguyễn Văn Khải	Trưởng phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học	Chủ tịch Hội đồng
15	PGS. TS. Nguyễn Văn Khải	Trưởng phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học	Chủ tịch Hội đồng
16	PGS. TS. Nguyễn Văn Khải	Trưởng phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học	Chủ tịch Hội đồng
17	PGS. TS. Nguyễn Văn Khải	Trưởng phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học	Chủ tịch Hội đồng
18	PGS. TS. Nguyễn Văn Khải	Trưởng phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học	Chủ tịch Hội đồng
19	PGS. TS. Nguyễn Văn Khải	Trưởng phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học	Chủ tịch Hội đồng
20	PGS. TS. Nguyễn Văn Khải	Trưởng phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học	Chủ tịch Hội đồng

DANH SÁCH
HỘI ĐỒNG XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH THẠC SĨ, CHUYÊN NGÀNH KHOA HỌC Y SINH
(Kèm theo QĐ số 815/QĐ-YDHP ngày 09 tháng 4 năm 2025)

1. Ban xây dựng chương trình đào tạo

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Nhiệm vụ
1.	PGS.TS. Nguyễn Văn Khải	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng
2.	PGS.TS. Đinh Thị Thanh Mai	Phó Hiệu trưởng, Trưởng Khoa Y	Phó chủ tịch Hội đồng
3.	TS. Phạm Thanh Hải	Trưởng phòng QLĐT SDH, phó trưởng Khoa Răng hàm mặt	Phó chủ tịch Hội đồng
4.	ThS. Nguyễn Thị Thanh Bình	Giám đốc TT GDYH - NCKH	Phó chủ tịch Hội đồng
5.	BSCCKII. Nguyễn Thị Tuyết	Chuyên viên chính phòng QLĐT SDH, GVCN Thạc sĩ	Ủy viên thư ký
6.	TS. Nguyễn Thanh Hải	Phó trưởng Khoa Y tế công cộng	Ủy viên
7.	TS. Trịnh Thị Thùy	Trưởng Bộ môn Lý luận chính trị, Khoa Khoa học cơ bản	Ủy viên
8.	TS. Nguyễn Thị Phương Mai	Trưởng Bộ môn Hóa sinh, Khoa Khoa Y	Ủy viên
9.	TS. Đào Thu Hồng	Phó trưởng Khoa Y, Trưởng Bộ môn Sinh lý	Ủy viên
10.	TS. Nguyễn Bảo Trân	Trưởng Bộ môn Giải phẫu, Khoa Y	Ủy viên
11.	TS. Võ Thị Thanh Hiền	Phó trưởng Bộ môn Ký sinh trùng, Khoa Y	Ủy viên
12.	ThS. Phạm Thị Thu Thủy	Phó trưởng phụ trách Bộ môn Mô bệnh học	Ủy viên
13.	ThS. Trần Thị Lan	Giảng viên Bộ môn Mô bệnh học	Ủy viên
14.	TS. Nguyễn Thị Hồng Liên	Phó trưởng phụ trách Bộ môn Sinh lý bệnh – miễn dịch – dị ứng, Khoa Y	Ủy viên
15.	TS. Nguyễn Thị Kim Hương	Phó trưởng Bộ môn Sinh lý bệnh – miễn dịch – dị ứng, Khoa Y	Ủy viên
16.	TS. Nguyễn Hùng Cường	Trưởng Khoa Kỹ thuật y học, Trưởng Bộ môn Vi Sinh, Khoa Y	Ủy viên



17.	ThS. Phạm Thị Tâm	Phó trưởng Bộ môn Vi sinh, Khoa Y	Ủy viên
18.	TS. Trần Thị Liên	Trưởng Bộ môn Truyền nhiễm, Khoa Y	Ủy viên
19.	TS. Nguyễn Thị Thúy Hiếu	Trưởng Bộ môn Y học Gia đình, Khoa Y	Ủy viên
20.	TS. Vũ Văn Thái	Phó trưởng Khoa Kỹ thuật y học	Ủy viên
21.	TS. Bạch Thị Như Quỳnh	Trưởng Bộ môn Kỹ thuật sinh học phân tử, Khoa Kỹ thuật y học	Ủy viên
22.	TS. Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó trưởng Bộ môn Hóa sinh, Giáo vụ Sau đại học Khoa Y	Ủy viên
23.	ThS. Nguyễn Thị Huyền Sương	Giáo vụ Bộ môn Ký sinh trùng	Ủy viên
24.	ThS. Trần Thị Thu Hằng	Giảng viên Bộ môn Sinh lý – miễn dịch – di ứng	Ủy viên

2. Ban đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Nhiệm vụ
1.	PGS.TS. Phạm Văn Linh	Phó Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng
2.	PGS.TS. Đinh Thị Thanh Mai	Phó Hiệu trưởng, Trưởng Khoa Y	Phó chủ tịch Hội đồng
3.	TS. Phạm Thanh Hải	Trưởng phòng QLĐT SDH, phó trưởng Khoa Răng hàm mặt	Phó chủ tịch Hội đồng
4.	TS. Phạm Thành Nguyên	Giám đốc TT Khảo thí & QLCLGD	Phó chủ tịch Hội đồng
5.	ThS. Lê Tiến Thành	Phó trưởng phòng QLĐT SDH	Ủy viên
6.	BSCCKII. Nguyễn Thị Tuyết	Chuyên viên chính phòng QLĐT SDH, GVCN Thạc sĩ	Ủy viên
7.	TS. Nguyễn Hải Ninh	Trưởng phòng Tổ chức cán bộ	Ủy viên
8.	ThS. Đặng Văn Minh	Phó Giám đốc TT Khảo thí & QLCLGD, chuyên viên TT GDYH - NCKH	Ủy viên

9.	TS. Cao Đức Tuấn	Trưởng phòng QLKH, Phó trưởng Khoa Dược học	Ủy viên
10.	ThS. Nguyễn Thị Hồng Nhung	Giám đốc trung tâm thư viện	Ủy viên
11.	ThS. Lưu Mạnh Hùng	Trưởng phòng Quản trị	Ủy viên
12.	ThS. Nguyễn Ngọc Quỳnh	Trưởng phòng Vật tư trang thiết bị	Ủy viên
13.	TS. Đào Thu Hồng	Phó trưởng Khoa Y, Trưởng Bộ môn Sinh lý	Ủy viên
14.	TS. Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó trưởng Bộ môn Hóa sinh, Giáo vụ Sau đại học Khoa Y	Ủy viên thư ký

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Nguyễn Văn Khải



**BIÊN BẢN HỌP TRIỂN KHAI XÂY DỰNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Thực hiện quyết định số 815/QĐ-YDHP ngày 09/04/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc thành lập Hội đồng xây dựng chương trình và đảm bảo chất lượng chương trình của 02 mã ngành trình độ Thạc sĩ, vào hồi 14h ngày 10/04/2025, tại Văn phòng Khoa Y, Hội đồng tiến hành họp **xây dựng chương trình đào tạo Thạc sĩ Khoa học Y sinh.**

1. Thành phần tham dự

- Chủ trì: PGS.TS. Đinh Thị Thanh Mai, Phó Hiệu trưởng, Trường Khoa Y, Phó chủ tịch Hội đồng xây dựng chương trình và đảm bảo chất lượng chương trình.
- Thư ký: TS. Nguyễn Thị Phương Thảo, Giáo vụ Sau đại học Khoa Y, ủy viên.
- Thành phần:
 - + Ths. Đặng Văn Minh, Phó Giám đốc Trung tâm KT&QLCLGD, chuyên viên Trung tâm GDYH – NCKH, ủy viên.
 - + Cùng toàn thể giảng viên của Khoa.

2. Nội dung cuộc họp

- PGS. TS. Đinh Thị Thanh Mai công bố Quyết định số 815/QĐ-YDHP ngày 09/04/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc thành lập Hội đồng xây dựng chương trình và đảm bảo chất lượng chương trình của 02 mã ngành trình độ Thạc sĩ Sản khoa và Khoa học Y sinh, có danh sách kèm theo.
- TS. Đào Thu Hồng, Phó trưởng khoa Y, ủy viên Hội đồng thông qua bản Kế hoạch xây dựng chương trình đào tạo Thạc sĩ Khoa học Y sinh
- Ths. Đặng Văn Minh nêu các văn bản pháp lý làm căn cứ cho xây dựng chương trình đào tạo Thạc sĩ Khoa học Y sinh
- Các cán bộ tham dự hoàn toàn nhất trí với các nội dung đã nêu.

Cuộc họp kết thúc lúc 15h cùng ngày.

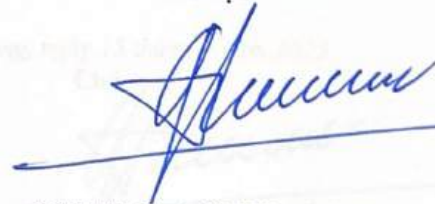
Hải Phòng, ngày 10 tháng 4 năm 2025

Thư ký

Chủ tọa



TS. Nguyễn Thị Phương Thảo



PGS.TS. Đinh Thị Thanh Mai

**BIÊN BẢN HỌP TRIỂN KHAI XÂY DỰNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Thực hiện quyết định số 815/QĐ-YDHP ngày 09/04/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc thành lập Hội đồng xây dựng chương trình và đảm bảo chất lượng chương trình của 02 mã ngành trình độ Thạc sĩ, vào hồi 14h ngày 15/04/2025, tại Văn phòng Khoa Y, Hội đồng tiến hành họp **thống nhất xây dựng mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Thạc sĩ Khoa học Y sinh.**

1. Thành phần tham dự

- Chủ trì: PGS.TS. Đinh Thị Thanh Mai, Phó Hiệu trưởng, Trưởng Khoa Y, Phó chủ tịch Hội đồng xây dựng chương trình và đảm bảo chất lượng chương trình.
- Thư ký: TS. Nguyễn Thị Phương Thảo, Giáo vụ Sau đại học Khoa Y, ủy viên.
- Thành phần:
 - + Ths. Đặng Văn Minh, Phó Giám đốc Trung tâm KT&QLCLGD, chuyên viên Trung tâm GDYH – NCKH, ủy viên.
 - + Cùng toàn thể giảng viên của Khoa.

2. Nội dung cuộc họp

- PGS. TS. Đinh Thị Thanh Mai phổ biến nội dung của cuộc họp thống nhất xây dựng mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Thạc sĩ Khoa học Y sinh.
- Ths. Đặng Văn Minh nêu ra các tiêu chuẩn cần đáp ứng của mục tiêu chương trình đào tạo: phù hợp với Sứ mạng, tầm nhìn và triết lý giáo dục của Nhà trường; phù hợp với khung trình độ quốc gia và luật giáo dục đại học. Từ đó xây dựng các chuẩn đầu ra phù hợp với Mục tiêu chương trình đào tạo và các chuẩn năng lực Thạc sĩ ngành Khoa học Y sinh.
- TS. Đào Thu Hồng, Phó trưởng khoa Y, ủy viên Hội đồng trình bày các nội dung của Mục tiêu và Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo Thạc sĩ Khoa học Y sinh mà các thầy cô trong khoa xây dựng có kèm đối sánh tham khảo các trường đại học trong nước và quốc tế.
- Các cán bộ tham dự hoàn toàn nhất trí với các nội dung đã nêu.

Cuộc họp kết thúc lúc 15h cùng ngày.

Hải Phòng, ngày 15 tháng 4 năm 2025

Thư ký



TS. Nguyễn Thị Phương Thảo

Chủ tọa



PGS.TS. Đinh Thị Thanh Mai

**BIÊN BẢN HỌP TRIỂN KHAI XÂY DỰNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Thực hiện quyết định số 815/QĐ-YDHP ngày 09/04/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc thành lập Hội đồng xây dựng chương trình và đảm bảo chất lượng chương trình của 02 mã ngành trình độ Thạc sĩ, vào hồi 14h ngày 18/04/2025, tại Văn phòng Khoa Y, Hội đồng tiến hành họp **thống nhất xây dựng khung (cấu trúc) chương trình đào tạo Thạc sĩ Khoa học Y sinh.**

1. Thành phần tham dự

- Chủ trì: PGS.TS. Đinh Thị Thanh Mai, Phó Hiệu trưởng, Trường Khoa Y, Phó chủ tịch Hội đồng xây dựng chương trình và đảm bảo chất lượng chương trình.
- Thư ký: TS. Nguyễn Thị Phương Thảo, Giáo vụ Sau đại học Khoa Y, ủy viên.
- Thành phần:
 - + Ths. Đặng Văn Minh, Phó Giám đốc Trung tâm KT&QLCLGD, chuyên viên Trung tâm GDYH – NCKH, ủy viên.
 - + Cùng toàn thể giảng viên của Khoa.

2. Nội dung cuộc họp

- PGS. TS. Đinh Thị Thanh Mai phổ biến nội dung buổi họp thông qua cấu trúc - Khung chương trình đào tạo Thạc sĩ Khoa học Y sinh.
- ThS. Đặng Văn Minh nêu ra các yêu cầu về cấu trúc chương trình đào tạo Thạc sĩ định hướng nghiên cứu cần thực hiện theo hướng dẫn của thông tư 17-2019 và thông tư 02-2022 của Bộ Giáo dục & Đào tạo. Bên cạnh đó, các học phần theo các khối kiến thức trong chương trình đào tạo phải làm sáng tỏ và tính phù hợp với Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình như đã xây dựng từ các buổi họp trước.
- TS. Đào Thu Hồng, Phó trưởng khoa Y, ủy viên Hội đồng trình bày cấu trúc (khung) chương trình Thạc sĩ Khoa học Y sinh có 5 phần:
 - + Học phần kiến thức chung chiếm 10/60 tín chỉ gồm: Triết học, Phương pháp dạy học, Thống kê y sinh, Phương pháp nghiên cứu khoa học.
 - + Học phần kiến thức cơ sở chiếm 5/60 tín chỉ gồm: Dịch tễ học và Dược lý ứng dụng

+ Học phần kiến thức chuyên ngành bắt buộc chiếm 12/60 tín chỉ gồm các học phần: Sinh học phân tử ứng dụng, Giải phẫu, Sinh lý và An toàn sinh học.

+ Học phần kiến thức chuyên ngành tự chọn chiếm 21/60 tín chỉ và chọn 1 trong 8 nhóm học phần: Giải phẫu, Giải phẫu bệnh, Hóa sinh, Sinh lý, Sinh lý bệnh, Mô – phôi thai học, Ký sinh trùng, Vi sinh.

+ Luận văn tốt nghiệp chiếm 12/60 tín chỉ.


Các cán bộ tham dự hoàn toàn nhất trí với các nội dung đã nêu.

Cuộc họp kết thúc lúc 16h cùng ngày.

Hải Phòng, ngày 18 tháng 4 năm 2025

Thư ký

Chủ tọa



TS. Nguyễn Thị Phương Thảo

PGS.TS. Đinh Thị Thanh Mai

BIÊN BẢN HỌP TRIỂN KHAI XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thực hiện quyết định số 815/QĐ-YDHP ngày 09/04/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc thành lập Hội đồng xây dựng chương trình và đảm bảo chất lượng chương trình của 02 mã ngành trình độ Thạc sĩ, vào hồi 14h ngày 22/04/2025, tại Văn phòng Khoa Y, Hội đồng tiến hành họp **thống nhất xây dựng Chiến lược lượng giá cho chương trình đào tạo Thạc sĩ Khoa học Y sinh.**

1. Thành phần tham dự

- Chủ trì: PGS.TS. Đinh Thị Thanh Mai, Phó Hiệu trưởng, Trưởng Khoa Y, Phó chủ tịch Hội đồng xây dựng chương trình và đảm bảo chất lượng chương trình.
- Thư ký: TS. Nguyễn Thị Phương Thảo, Giáo vụ Sau đại học Khoa Y, ủy viên.
- Thành phần:
 - + Ths. Đặng Văn Minh, Phó Giám đốc Trung tâm KT&QLCLGD, chuyên viên Trung tâm GDYH – NCKH, ủy viên.
 - + Cùng toàn thể giảng viên của Khoa.

2. Nội dung cuộc họp

- PGS. TS. Đinh Thị Thanh Mai phổ biến nội dung buổi họp thông qua Chiến lược lượng giá cho các học phần trong chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Khoa học Y sinh.
- ThS. Đặng Văn Minh hướng dẫn về xây dựng chiến lược lượng giá cho các học phần trong khung chương trình đào tạo mà các buổi họp trước đã thống nhất. Chiến lược lượng giá bám sát chuẩn đầu ra học phần gồm có lượng giá thường xuyên, lượng giá giữa kì và lượng giá cuối kì. Việc xây dựng chiến lược lượng giá liên tục sẽ giúp phát hiện và cải thiện tình trạng học tập và rèn luyện của học viên. Việc lượng giá như vậy cũng sẽ toàn diện và khách quan hơn.

TS. Đào Thu Hồng, Phó trưởng khoa Y, ủy viên Hội đồng trình bày các phương pháp lượng giá kỹ năng tương ứng với các chuẩn đầu ra kỹ năng của học phần và lượng giá cuối kì là lượng giá kiến thức. Ngoài ra việc theo dõi học tập bao gồm sổ theo dõi học tập (lý thuyết và lâm sàng) có kèm sổ chỉ tiêu tay nghề sẽ giúp lượng giá thường xuyên học viên.

Các cán bộ tham dự hoàn toàn nhất trí với các nội dung đã nêu.

Cuộc họp kết thúc lúc 15h cùng ngày.

Hải Phòng, ngày 22 tháng 5 năm 2025

Thư ký

Chủ tọa



TS. Nguyễn Thị Phương Thảo

PGS.TS. Đinh Thị Thanh Mai

TS. Đặng Văn Minh, Phó Giám đốc Trung tâm KTC&CT (V), chuyên viên Trung tâm QTYH - NCKH, ủy viên

Công việc hỗ trợ giảng dạy Khoa

I. Nội dung cuộc họp

PGS. TS. Đinh Thị Thanh Mai phổ biến nội dung buổi họp tháng nhất kế hoạch giảng dạy các học phần của chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Y khoa học Y sinh.

TS. Đặng Văn Minh hướng dẫn và xây dựng đề cương chi tiết học phần gồm có 3 phần như sau:

- Phần 1: Đường tin chứng và học phần
- Phần 2: Nội dung học phần
- Phần 3: Lượng giá, đánh giá học phần
- Phần 4: Nội dung giảng dạy
- Phần 5: Tài liệu dạy - học
- Phần 6: Nội dung giảng dạy theo các giảng dạy
- Phần 7: Giảng viên dạy
- Phần 8: Giảng viên dạy

BIÊN BẢN HỌP TRIỂN KHAI XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thực hiện quyết định số 815/QĐ-YDHP ngày 09/04/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc thành lập Hội đồng xây dựng chương trình và đảm bảo chất lượng chương trình của 02 mã ngành trình độ Thạc sĩ, vào hồi 14h ngày 24/04/2025, tại Văn phòng Khoa Y, Hội đồng tiến hành họp **thống nhất thiết kế đề cương chi tiết học phần cho chương trình đào tạo Thạc sĩ Khoa học Y sinh.**

1. Thành phần tham dự

- Chủ trì: PGS.TS. Đinh Thị Thanh Mai, Phó Hiệu trưởng, Trường Khoa Y, Phó chủ tịch Hội đồng xây dựng chương trình và đảm bảo chất lượng chương trình.
- Thư ký: TS. Nguyễn Thị Phương Thảo, Giáo vụ Sau đại học Khoa Y, ủy viên.
- Thành phần:
 - + Ths. Đặng Văn Minh, Phó Giám đốc Trung tâm KT&QLCLGD, chuyên viên Trung tâm GDYH – NCKH, ủy viên.
 - + Cùng toàn thể giảng viên của Khoa.

2. Nội dung cuộc họp

- PGS. TS. Đinh Thị Thanh Mai phổ biến nội dung buổi họp thống nhất thiết kế đề cương chi tiết học phần cho chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Khoa học Y sinh.
- ThS. Đặng Văn Minh hướng dẫn về xây dựng đề cương chi tiết học phần gồm có 8 phần như sau:
 - + Phần 1: thông tin chung về học phần
 - + Phần 2: Mô tả học phần
 - + Phần 3: Lượng giá, đánh giá học phần
 - + Phần 4: Nội dung giảng dạy
 - + Phần 5: Tài liệu dạy - học
 - + Phần 6: Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy
 - + Phần 7: Cơ sở vật chất
 - + Phần 8: Ngày phê duyệt

- TS. Đào Thu Hồng, Phó trưởng khoa Y, ủy viên Hội đồng trình bày các nội dung chi tiết trong từng phần của đề cương, yêu cầu các học phần trong chương trình đào tạo thực hiện đúng theo form mà thầy Minh đã nêu ở trên.
- Các cán bộ tham dự hoàn toàn nhất trí với các nội dung đã nêu.

Cuộc họp kết thúc lúc 15h cùng ngày.

Thư ký



TS. Nguyễn Thị Phương Thảo

Hải Phòng, ngày 24 tháng 4 năm 2025

Chủ tọa



PGS.TS. Đinh Thị Thanh Mai

PHỤ LỤC 1
MẪU 1

Danh sách giảng viên, nhà khoa học, bao gồm: giảng viên cơ hữu, giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với cơ sở đào tạo, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo

STT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND/CCCD	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/ Hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký, thời gian, gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm xã hội	Kinh nghiệm (thời gian giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp (trong vòng 5 năm trở lại)		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Thành phố	Cơ Sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Phạm Văn Linh, 30/05/1971	031071002971 Việt Nam	PGS, 2015	Tiến sĩ, Pháp, 2010	Miễn dịch	1995			30	0		
2	Phạm Văn Thức, 10/6/1959	031059000681 Việt Nam	Giáo sư, 2011	Tiến sĩ, Việt Nam, 1993	Dị ứng- MDLS	1986		397055237	39			
3	Đình Thị Thanh Mai, 10/02/1971	022171000275 Việt Nam	PGS, 2017	Tiến sĩ, Việt Nam, 2010	Ký sinh trùng và côn trùng y học	10/1995		431311400 1222	30	0		

4	Phạm Huy Quyến, 25/10/1961	030706748 Việt Nam	PGS, 2009	Tiến sĩ, Việt Nam, 1997	Khoa học Y Dược	1989		3122503610	36	0		
5	Vũ Sĩ Kháng, 07/12/1958	036005858029 Việt Nam	PGS, 2015	Tiến sĩ, Việt Nam, 2007	Y khoa, Mô Phôi	1982		3111038018	18			
6	Đào Thu Hồng, 10/06/1976	031176017344 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Khoa học Y sinh	2001		0302001235	24			
7	Nguyễn Bảo Trân, 06/01/1974	052074013956 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Khoa học Y sinh	2002		0303005634	23	0	3	
8	Nguyễn Thị Phương Mai, 9/12/1973	030901840 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Hoá sinh Y học	1/12/199 7		CH4310399 115061	25		4	
9	Nguyễn Thị Phương Thảo, 11/06/1985	031185003729 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2024	KHYS/ Hoá sinh Y học	2009		3109672789	16		4	
10	Nguyễn Thị Kim Hương 8/7/1976	030956141 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Khoa học Y sinh	2002		0303005628	23		4	
11	Nguyễn Thị Hồng Liên, 16/01/1984	012404677 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2024	Nội khoa	2008		3108050625	17		4	
12	Vũ Thúy Hà, 31/0/1995	031195010900 Việt Nam		Tiến sĩ, Nhật Bản, 2025	Y khoa	9/2019		3122767687	2		5	

13	Nguyễn Trường Giang, 12/16/1977	031077014701 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2024	Giải Phẫu Bệnh (khoa học y sinh)		08/2024	0304009976			13		6	
14	Nguyễn Thị Thu Phương, 12/16/1985	031185002091 Việt Nam	PGS, 2022	TS, Hàn Quốc, 2018	Y học	2010		3110013319			15		12	
15	Chu Khắc Tân, 02/02/1977	031077006153 Việt Nam		Tiến sĩ, Úc, 2021	Y tế công cộng	2004		0304014710			21		5	
16	Võ Thị Thanh Hiền, 30/01/1978	031178002852 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Ký sinh trùng	2005		0305013245			20		4	
17	Trịnh Thị Thủy	031878066 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam 2022	Triết học	2/1/2004		CH4310304 014708		2	18		4	
18	Lại Thị Mai	031193010426 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam 2018	Triết học	4/1/2018		CH4313122 026105			4		2	
19	Vũ Mạnh Tân, 20/06/1981	03207539 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Nội khoa	12/09/20 05				1	16		4	

PHÒNG TỔ CHỨC – CÁN BỘ

TRƯỞNG PHÒNG TỔ CHỨC CÁN BỘ
TS. Nguyễn Hải Ninh

HIỆU TRƯỞNG



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. Đinh Thị Thanh Mai

Mẫu 2

Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo

ST T	Họ và tên	Học phần/ Môn giảng dạy	Thời gian giảng dạy (Học kỳ, năm học)	Tín chỉ	Giảng viên cơ hữu/thỉnh giảng ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án	
				Bắt buộc	Tự chọn	
1	Phạm Văn Thức	Sinh lý bệnh đại cương nâng cao Sinh lý bệnh hệ thống và cơ quan	Học kỳ 2 năm 1 Học kỳ 1,2 năm 2		5	Giảng viên cơ hữu ngành chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo. Hướng dẫn luận văn, luận án
					5	
2	Phạm Văn Linh	Miễn dịch học cơ sở Miễn dịch bệnh lý Miễn dịch ứng dụng			3	Giảng viên cơ hữu ngành chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo. Hướng dẫn luận văn, luận án
3	Phạm Huy Quyến				4 4	Giảng viên cơ hữu ngành chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo. Hướng dẫn luận văn, luận án
4	Đinh Thị Thanh Mai	Ký sinh trùng 1 Ký sinh trùng 2 Ký sinh trùng 3	Học kỳ 2 năm 1 Học kỳ 1,2 năm 2		5	Giảng viên cơ hữu ngành chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo. Hướng dẫn luận văn, luận án
					5	
					5	

5	Vũ Sĩ Kháng	Phôi thai học Mô học Kỹ thuật nghiên cứu mô học	Học kỳ 1,2 năm 2		05 05 04 04	Giảng viên cơ hữu ngành chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo. Hướng dẫn luận văn, luận án
6	Vũ Thúy Hà	Tế bào gốc và nuôi cấy tế bào Mô học Phôi thai học			03 03	Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
7	Phạm Thị Thu Thủy		Học kỳ 1, năm thứ 2	4		Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
8	Nguyễn Trường Giang	Giải phẫu bệnh nâng cao	Học kỳ 1 năm 2			Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
9	Đào Thu Hồng	Phương pháp dạy học	Học kỳ 1, năm thứ 1	2		Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
10	Nguyễn Bảo Trân	Giải phẫu Giải phẫu mạch máu Giải phẫu thần kinh Giải phẫu người trong	Học kỳ 2 năm 1 Học kỳ 1,2 năm 2	03	05 05	Giảng viên cơ hữu ngành chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo. Hướng dẫn luận văn, luận án.
11	Phạm Thành Nguyên	chẩn đoán hình ảnh Giải phẫu nhân trắc			05 03	Giảng viên cơ hữu ngành chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo. Hướng dẫn luận văn, luận án


12	Nguyễn Thị Phương Mai	Phương pháp dạy học	Học kỳ 1, năm thứ 1	2		- Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy - Giảng viên phụ trách học phần
13	Nguyễn Thị Phương Thảo	Hóa sinh ứng dụng 1 Hóa sinh ứng dụng 2 Hóa sinh ứng dụng 3 Hóa sinh ứng dụng 4 Hóa sinh ứng dụng 5	Học kỳ 1,2 năm 2		05 05 05 03 03	Giảng viên cơ hữu ngành chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo. Hướng dẫn luận văn, luận án
14	Nguyễn Thị Hồng Liên	Sinh lý bệnh đại cương nâng cao Sinh lý bệnh hệ thống và cơ quan Miễn dịch học cơ sở Miễn dịch bệnh lý Miễn dịch ứng dụng	Học kỳ 2 năm 1 Học kỳ 1,2 năm 2 Học kỳ 1, năm thứ 2		5 5 3 4 4	Giảng viên cơ hữu ngành chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo. Hướng dẫn luận văn, luận án
	15	Nguyễn Thị Kim Hương				Giảng viên cơ hữu ngành chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo. Hướng dẫn luận văn, luận án
16	Nguyễn Trường Giang	Giải phẫu bệnh ứng dụng	Học kỳ 1 năm 2		04	Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy.

17	Võ Thị Thanh Hiền	Ký sinh trùng	Học kỳ 1 năm 1 Học kỳ 2 năm 1	02	04	Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy. Hướng dẫn luận văn, luận án
18	Vũ Văn Thái	An toàn sinh học Ký sinh trùng	Học kỳ 1 năm 1 Học kỳ 1 năm 2	02	04	Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy. Hướng dẫn luận văn, luận án
19	Nguyễn Hùng Cường	Vi sinh ứng dụng	Học kỳ 1 năm 2		04	Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy.
20	Vũ Mạnh Tân	Phương pháp dạy học	Học kỳ 1, năm thứ 1	2		Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
21	Kê Thị Lan Anh	Phương pháp dạy học	Học kỳ 1, năm thứ 1	2		Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
22	Hoàng Thị Giang	Thống kê Y sinh	Học kỳ 1, năm thứ 1	3		- Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy - Giảng viên phụ trách học phần
23	Bạch Thị Như Quỳnh	An toàn sinh học Sinh học phân tử	Học kỳ 1 năm 1 Học kỳ 2 năm 1 Học kỳ 1 năm 2	02 03	04	Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy. Hướng dẫn luận văn, luận án
24	Lê Thị Thùy Linh	Sinh học phân tử	Học kỳ 2 năm 1 Học kỳ 1 năm 2	03	04	Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy. Hướng dẫn luận văn, luận án
25	Trịnh Thị Thủy	Triết học	Học kỳ 1, năm thứ 1	3		- Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy - Giảng viên phụ trách học phần
26	Lại Thị Mai	Triết học	Học kỳ 1, năm thứ 1	3		Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy

27	Phạm Minh Khuê	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học kỳ 1, năm thứ 1	2		- Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy - Giảng viên phụ trách học phần
28	Nguyễn Thị Thu Thảo	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học kỳ 1, năm thứ 1	2		Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
29	Nguyễn Thanh Hải	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học kỳ 1, năm thứ 1	2		Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
30	Đào Thu Hồng	Phương pháp dạy học	Học kỳ 1 năm 1	02		Giảng viên cơ hữu ngành chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo. Hướng dẫn luận văn, luận án
		Sinh lý	Học kỳ 1 năm 2			
		Sinh lý tự chọn 1	Học kỳ 1,2 năm 2	03	5	
		Sinh lý tự chọn 2	Học kỳ 1,2 năm 2		5	
		Sinh lý tự chọn 3	Học kỳ 1,2 năm 2		5	
		Sinh lý tự chọn 4	Học kỳ 1,2 năm 2		3	
Sinh lý tự chọn 5	Học kỳ 1,2 năm 2		3			
31	Nguyễn Thị Phương Mai	Hóa sinh ứng dụng 1	Học kỳ 1,2 năm 2	02	05	Giảng viên cơ hữu ngành chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo. Hướng dẫn luận văn, luận án
		Hóa sinh ứng dụng 2			05	
		Hóa sinh ứng dụng 3			05	
		Hóa sinh ứng dụng 4			03	
		Hóa sinh ứng dụng 5			03	
32	Nguyễn Hùng Cường	An toàn sinh học	Học kỳ 1 năm 1	03	05	Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy. Hướng dẫn luận văn, luận án
		Vi sinh đại cương	Học kỳ 1,2 năm 2			
		Chuyên đề virus				
		Chuyên đề vi khuẩn				
Vi sinh						
33	Trần Đức	Vi sinh đại cương	Học kỳ 1,2 năm 2		05	Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy. Hướng dẫn luận văn, luận án
		Chuyên đề virus			05	
		Chuyên đề vi khuẩn			05	
		Vi sinh			03	

34	Nguyễn Thị Thu Phương	Dược lý ứng dụng	Học kỳ 1 năm 1	03		Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy.
35	Chu Khắc Tân	Dịch tễ	Học kỳ 2 năm 1	02		Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy.
36	Vũ Hải Vinh	Các bệnh nhiễm trùng mới nổi	Học kỳ 1 năm 2		04	Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy.
37	Trần Thị Liên	Các bệnh truyền nhiễm mới nổi	Học kỳ 1 năm 2		04	Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy.
38	Ngô Anh Thế	Các bệnh truyền nhiễm mới nổi	Học kỳ 1 năm 2		04	Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy.

PHÒNG TỔ CHỨC CÁN BỘ



TRƯỞNG PHÒNG TỔ CHỨC CÁN BỘ
TS. Nguyễn Hải Ninh

PHÒNG ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC



TRƯỞNG PHÒNG
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC
Phạm Thanh Hải

BAN GIÁM HIỆU



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. Đinh Thị Thanh Mai

Mẫu 3

Danh sách cán bộ quản lý cấp Khoa đối với ngành đào tạo dự kiến mở trình độ thạc sĩ của cơ sở đào tạo				
STT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/Chuyên ngành	Ghi chú
1	Phạm Văn Linh, 30/05/1971 Chủ tịch Hội đồng trường Chủ trì mã ngành đào tạo.	PGS năm 2015 Tiến sĩ năm 2010	Miễn dịch học	
2	Phạm Văn Thúc, 10/6/1959	Giáo sư 2011	Miễn dịch học	
3	Phạm Huy Quyến, 25/10/1961	PGS năm 2009 Tiến sĩ năm 1997	Miễn dịch học	
4	Đinh Thị Thanh Mai, 10/02/1971 Phó Hiệu trưởng, Trường Khoa Y, Trưởng bộ môn Ký sinh trùng, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	PGS năm 2013 Tiến sĩ năm 2017	Ký sinh trùng	
5	Nguyễn Bảo Trân, 06/01/1974 Trưởng Bộ môn Giải phẫu, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	Tiến sĩ năm 2018	Khoa học Y sinh	
6	Đào Thu Hồng, 10/06/1976 Trưởng Bộ môn Sinh lý, Phó Trưởng Khoa Y, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	Tiến sĩ năm 2018	Khoa học y sinh/ Sinh lý học	
7	Nguyễn Thị Hồng Liên, 16/01/1984 Trưởng Bộ môn Sinh lý bệnh - Miễn dịch, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	Tiến sĩ năm 2024	Nội khoa	

8	Nguyễn Thị Phương Mai, 09/12/1973 Trưởng Bộ môn Hóa sinh, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	Tiến sĩ năm 2020	Y học/ Hóa sinh y học	
9	Võ Thị Thanh Hiền 30/01/1978 Phó trưởng Bộ môn Hóa sinh, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	Tiến sĩ năm 2019	Ký sinh trùng	
10	Phạm Trường Giang 16/12/1977 Phó trưởng bộ môn Mô bệnh học, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	Tiến sĩ năm 2024	Khoa học y sinh/ Giải phẫu bệnh	
11	Phạm Thanh Hải, 07/05/1984 Trưởng Phòng Quản lý đào tạo Sau đại học - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	Tiến sĩ 2016	Nha khoa	
12	Nguyễn Thị Tuyết, 14/09/1977 Chuyên viên chính, Phòng Quản lý đào tạo Sau Đại học, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	Bác sĩ CKII 2022	Quản lý y tế	

PHÒNG TỔ CHỨC CÁN BỘ


TRƯỞNG PHÒNG TỔ CHỨC CÁN BỘ
TS. Nguyễn Hải Ninh

BAN GIÁM HIỆU



HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Nguyễn Văn Khải

Mẫu 4

**Các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở do
cơ sở đào tạo thực hiện
(kèm theo bản liệt kê có bản sao quyết định, bản sao biên bản nhiệm vụ)**

Stt	Số quyết định/ngày phê duyệt đề tài/ mã số	Đề tài cấp Bộ/Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định/ ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/ môn học được phân công)	Ghi chú
1	Số 347/QĐ-YDHP Ngày 11/4/2018	Cấp cơ sở	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và điều trị suy tim có phân số tổng máu thấp tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng	PGS.TS Phạm Văn Linh	Số 1246/QĐ-YDHP ngày 23-11-2018	15/12/2018	Xuất sắc		
2	Số 210/QĐ-YDHP Ngày 01/3/2019	Cấp cơ sở	Loạn nhịp tim và rối loạn dẫn truyền trên người bệnh có tình trạng ngưng thở tắc nghẽn khi ngủ		Số 1068/QĐ-YDHP ngày 19-9-2019	6/10/2019	Xuất sắc		
3	Số 360/QĐ-YDHP Ngày 31/3/2020	Cấp cơ sở	Nghiên cứu tăng huyết áp về đêm (Nortunal High BP) trên người bệnh đã được chẩn đoán tăng huyết áp và trên các đối tượng có nguy cơ		Số 1725/QĐ-YDHP ngày 07-12-2020	20/12/2020	Khá		

4	Số 324/QĐ- YDHP Ngày 09/3/2021	Cấp cơ sở	Nghiên cứu hội chứng ngưng thở tắc nghẽn khi ngủ trên đối tượng thừa cân béo phì và kết quả bước đầu của các can thiệp điều trị		Số 1787/QĐ- YDHP Ngày 10-12- 2021		Xuất sắc	Nguyễn Thị Hồng Liên Phạm Thị Khuyên Phạm Thanh Huyền Nguyễn Văn Khải	
5	Số 722/QĐ- YDHP Ngày 18/4/2022	Cấp cơ sở	Nghiên cứu các biểu hiện hậu COVID-19 trên đối tượng người lớn có tiền sử nhiễm/mắc SARS-CoV-2/COVID-19 biểu hiện nhẹ và trung bình khám và quản lý tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng		2763/QĐ- YDHP Ngày 19-12- 2022	29/12/2022	Xuất sắc		
6	Số 711/QĐ- YDHP Ngày 11/4/2023	Cấp cơ sở	Biến thiên huyết áp trong ngày trên đối tượng người lớn trẻ tuổi		Số 2550/QĐ- YDHP Ngày 8-12- 2023		Xuất sắc		
7		Đề tài nhánh cấp nhà nước	Nghiên cứu sàng lọc các hợp chất có hoạt tính kháng viêm, kháng khuẩn và gây độc tế bào từ vi nấm biển khu vực Bái Tử Long			2021			
8	Số 347/QĐ- YDHP Ngày 11/4/2018	Cấp cơ sở	Mức kiểm soát huyết áp và các yếu tố làm mất kiểm soát huyết áp ở bệnh nhân tăng huyết áp điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Đa khoa huyện Tiên Lãng năm 2018	PGS.TS Phạm Huy Quyến	Số 1246/QĐ- YDHP ngày 23-11- 2018	15/12/2018	Xuất sắc		
9	Số 210/QĐ- YDHP Ngày 01/3/2019	Cấp cơ sở	Nghiên cứu hội chứng chuyển hoá và thay đổi một số thông số miễn dịch ở bệnh nhân thoái hoá khớp gối tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2019		Số 1068/QĐ- YDHP ngày 19-9- 2019	6/10/2019	Xuất sắc		

10	Số 360/QĐ- YDHP Ngày 31/3/2020	Cấp cơ sở	Nghiên cứu thực trạng máy đay điều trị tại bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2020		Số 1725/QĐ- YDHP ngày 07-12- 2020	20/12/2020	Khá		
11	Số 324/QĐ- YDHP Ngày 09/3/2021	Cấp cơ sở	Nghiên cứu thực trạng và điều trị bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính tại Trung tâm y tế huyện Tiên Lãng năm 2021		Số 1787/QĐ- YDHP Ngày 10-12- 2021	18/12/2021	Khá	Phạm Thị Khuyên	
12	Số 722/QĐ- YDHP Ngày 18/4/2022	Cấp cơ sở	Thực trạng điều trị kiểm soát đường máu ở bệnh nhân đái tháo đường typ 2 có suy thận tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2022		2763/QĐ- YDHP Ngày 19-12- 2022	29/12/2022	Xuất sắc	Phạm Thị Khuyên	
13	Số 711/QĐ- YDHP Ngày 11/4/2023	Cấp cơ sở	Hoạt tính của tế bào diệt tự nhiên NK ở người bình thường		Số 2550/QĐ- YDHP Ngày 8-12- 2023	17/12/2023	Khá		
14	Số 324/QĐ- YDHP Ngày 09/3/2021	Cấp cơ sở	Một số yếu tố liên quan đến tử vong của xuất huyết não màng não sơ sinh tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2018-2019	PGS. Vũ Sĩ Khăng	Số 1787/QĐ- YDHP Ngày 10-12- 2021	18/12/2021	Khá	Đặng Văn Chức Đỗ Thị Thu Trang	
15	Số 722/QĐ- YDHP Ngày 18/4/2022	Cấp cơ sở	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị viêm loét dạ dày tá tràng tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2021-2022		2763/QĐ- YDHP Ngày 19-12- 2022	29/12/2022	Khá	Đặng Văn Chức	

16	Số 711/QĐ- YDHP Ngày 11/4/2023	Cấp cơ sở	Lâm sàng, cận lâm sàng và nguyên nhân thiếu máu ở sơ sinh tại bệnh viện trẻ em Hải Phòng năm 2022		Số 2550/QĐ- YDHP Ngày 8-12- 2023	17/12/2023	Khá		
17	Số 347/QĐ- YDHP Ngày 11/4/2018	Cấp cơ sở	Kiến thức, thái độ, thực hành của người dân về bệnh sốt xuất huyết và một số yếu tố liên quan tại hai xã huyện Kiến Thụy, Hải Phòng, năm 2017	PGS.TS Đinh Thị Thanh Mai	Số 1246/QĐ- YDHP ngày 23-11- 2018	15/12/2018	Khá		
18	Số 210/QĐ- YDHP Ngày 01/3/2019	Cấp cơ sở	Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến nhiễm giun đường ruột của học sinh hai trường tiểu học tại Quảng Ninh năm 2019		Số 1068/QĐ- YDHP ngày 19-9- 2019	6/10/2019	Khá		
19	Số 360/QĐ- YDHP Ngày 31/3/2020	Cấp cơ sở	Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến nhiễm trùng roi, nấm, vi khuẩn ở phụ nữ có chồng từ 18-49 tuổi tại thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh năm 2019-2020		Số 1725/QĐ- YDHP ngày 07-12- 2020	20/12/2020	Xuất sắc		
20	Số 324/QĐ- YDHP Ngày 09/3/2021	Cấp cơ sở	Thực trạng và một số yếu tố liên quan tới nhiễm sán lá gan nhỏ ở người dân xã Đoàn Xá, huyện Kiến Thụy, Hải Phòng, năm 2021		Số 1787/QĐ- YDHP Ngày 10-12- 2021	18/12/2021	Xuất sắc	Vũ Văn Thái Võ Thị Thanh Hiền Trịnh Văn Khương Nguyễn Thị Hằng	
21	Số 722/QĐ- YDHP Ngày 18/4/2022	Cấp cơ sở	Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến nhiễm giun truyền qua đất ở người dân xã Đoàn Xá, huyện Kiến Thụy, Hải Phòng, năm 2022		2763/QĐ- YDHP Ngày 19-12- 2022		Xuất sắc	Võ Thị Thanh Hiền Vũ Văn Thái Trịnh Văn Khương Trịnh Thị Thuý	

22	Số 711/QĐ- YDHP Ngày 11/4/2023	Cấp cơ sở	Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến nhiễm nấm Candida spp. ở phụ nữ viêm đường sinh dục dưới tại bệnh viện Phụ sản Hải Phòng, năm 2023		Số 2550/QĐ- YDHP Ngày 8-12- 2023		Xuất sắc	Vũ Văn Thái Võ Thị Thanh Hiền Nguyễn Thị Huyền Sương Đình Thị Minh Thư Trịnh Văn Khương	
23	Số 347/QĐ- YDHP Ngày 11/4/2018	Cấp cơ sở	Nghiên cứu kiểm soát huyết áp trước, trong và sau mổ tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng	GS. Phạm Văn Thức	Số 1246/QĐ- YDHP ngày 23-11- 2018	15/12/2018	Xuất sắc		
24	Số 210/QĐ- YDHP Ngày 01/3/2019	Cấp cơ sở	Nghiên cứu sự kết hợp các bất thường về huyết áp với tình trạng ngưng thở tắc nghẽn khi ngủ		Số 1068/QĐ- YDHP ngày 19-9- 2019	6/10/2019	Xuất sắc		
25	Số 360/QĐ- YDHP Ngày 31/3/2020	Cấp cơ sở	Hiệu quả của Bronchovaxom trong dự phòng đợt cấp bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính tại Hải Phòng		Số 1725/QĐ- YDHP ngày 07-12- 2020	20/12/2020	Xuất sắc		
26	Số 324/QĐ- YDHP Ngày 09/3/2021	Cấp cơ sở	Tăng huyết áp kháng trị hay đáp ứng kém với điều trị thuốc trên người bệnh suy thận lọc máu chu kỳ bằng thận nhân tạo		Số 1787/QĐ- YDHP Ngày 10-12- 2021	17/12/2021	Khá	Phạm Văn Linh Nguyễn Thị Hồng Liên Ngô Văn Tuấn Nguyễn Văn Khải	

27	Số 722/QĐ- YDHP Ngày 18/4/2022	Cấp cơ sở	Nghiên cứu một số test chẩn đoán hen phế quản dị ứng do Dermatophagoides tại Viện Y học biển năm 2021-2022		2763/QĐ- YDHP Ngày 19-12- 2022	29/12/2022	Khá	Phạm Bích Ngọc Nguyễn Dương Truyền	
28	Số 711/QĐ- YDHP Ngày 11/4/2023	Cấp cơ sở	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và một số yếu tố liên quan đến hen phế quản điều trị ngoại trú tại Viện Y học biển Việt Nam		Số 2550/QĐ- YDHP Ngày 8-12- 2023	17/12/2023	Xuất sắc	Nguyễn Dương Truyền Phạm Bích Ngọc Nguyễn Thị Thuý	
29	Số 324/QĐ- YDHP Ngày 09/3/2021	Cấp cơ sở	Đặc điểm vi khuẩn, đề kháng kháng sinh in vitro và kết quả điều trị trong viêm phổi ở trẻ sơ sinh tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2020	TS. Đinh Dương Tùng Anh	Số 1787/QĐ- YDHP Ngày 10-12- 2021	17/12/2021	Khá	Nguyễn Thị Trang Nguyễn Thanh Xuân	
30	Số 324/QĐ- YDHP Ngày 09/3/2021	Cấp cơ sở	Thực trạng kháng kháng sinh in vitro của H. influenzae và kết quả điều trị trong viêm phổi cộng đồng ở trẻ em Hải Phòng 2019-2020		Số 1787/QĐ- YDHP Ngày 10-12- 2021	17/12/2021	Khá	Nguyễn Mai Phương Trần Thị Thanh Hằng	
31	Số 360/QĐ- YDHP Ngày 31/3/2020	Cấp cơ sở	So sánh đặc điểm của viêm tiểu phế quản cấp có nhiễm RSV và không nhiễm RSV ở trẻ em Hải Phòng		Số 1725/QĐ- YDHP ngày 07-12- 2020	19/12/2020	Khá		
32	Số 722/QĐ- YDHP Ngày 18/4/2022	Cấp cơ sở	Đặc điểm dịch tễ lâm sàng, cận lâm sàng của trẻ em mắc viêm thanh quản cấp tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2021-2022		2763/QĐ- YDHP Ngày 19-12- 2022	29/12/2022	Xuất sắc	Nguyễn Thị Thuý Hường Trần Thị Thanh Hằng Đỗ Thị Hoài Phạm Thị Vân	

33	Số 711/QĐ- YDHP Ngày 11/4/2023	Cấp cơ sở	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị viêm phổi thùy tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2022		Số 2550/QĐ- YDHP Ngày 8-12- 2023		Khá	Trần Thị Thanh Hằng Hoàng Ngọc Anh	
34	Số 347/QĐ- YDHP Ngày 11/4/2018	Cấp cơ sở	Đánh giá tác dụng kháng ung thư thanh quản Hep2 của kháng thể đơn dòng Nimotuzumab, ¹³¹ I và phức hợp ¹³¹ I- Nimotuzumab bằng thử nghiệm MTT	TS. Nguyễn Thị Kim Hương	1246/QĐ- YDHP ngày 23-11- 2018	14/12/2018	Xuất sắc		
35	Số 210/QĐ- YDHP Ngày 01/3/2019	Cấp cơ sở	Đánh giá độc tính dược chất phóng xạ ¹³¹ I-Nimotuzumab trên chuột		Số 1068/QĐ- YDHP ngày 19-9- 2019	5/10/2019	Khá		
36	Số 360/QĐ- YDHP Ngày 31/3/2020	Cấp cơ sở	Nghiên cứu độc tính dược chất cao lá khế trên chuột		Số 1725/QĐ- YDHP ngày 07-12- 2020	19/12/2020	Xuất sắc		
37	Số 324/QĐ- YDHP Ngày 09/3/2021	Cấp cơ sở	Thực trạng dị ứng thuốc tại Khoa Dị ứng – Miễn dịch lâm sàng, Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng từ năm 2020-2021		Số 1787/QĐ- YDHP Ngày 10-12- 2021	17/12/2021	Khá	Lê Thị Nhung Phùng Chí Thiện	
38	Số 722/QĐ- YDHP Ngày 18/4/2022	Cấp cơ sở	Mô hình gây tăng lipid máu trên chuột thực nghiệm bằng P407		2763/QĐ- YDHP Ngày 19-12- 2022	27/12/2022	Khá	Lê Thị Nhung Phùng Chí Thiện	

39	Số 711/QĐ- YDHP Ngày 11/4/2023	Cấp cơ sở	Mô hình gây tăng lipid máu trên chuột thực nghiệm bằng hỗn hợp giàu Cholesterol		Số 2550/QĐ- YDHP Ngày 8-12- 2023	17/12/2023	Xuất sắc	Phùng Chí Thiện Phạm Thị Thanh Dung	
40	Số 347/QĐ- YDHP Ngày 11/4/2018	Cấp cơ sở	Đánh giá hình thái, chức năng thất trái bằng siêu âm tim và một số yếu tố liên quan trên bệnh nhân đái tháo đường type 2 tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng	TS. Đào Thu Hồng	Số 1246/QĐ- YDHP ngày 23-11- 2018	15/12/2018	Khá		
41	Số 210/QĐ- YDHP Ngày 01/3/2019	Cấp cơ sở	Đánh giá hình thái, chức năng tim bằng siêu âm trên bệnh nhân bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng		Số 1068/QĐ- YDHP ngày 19-9- 2019	5/10/2019	Khá		
42	Số 360/QĐ- YDHP Ngày 31/3/2020	Cấp cơ sở	Đặc điểm siêu âm và thang điểm IPSS, QOL ở bệnh nhân 40-80 tuổi phì đại tuyến tiền liệt khám tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2020		Số 1725/QĐ- YDHP ngày 07-12- 2020	19/12/2020	Xuất sắc		
43	Số 324/QĐ- YDHP Ngày 09/3/2021	Cấp cơ sở	Nghiên cứu đặc điểm siêu âm tim trên bệnh nhân suy thận tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2021		Số 1787/QĐ- YDHP Ngày 10-12- 2021	18/12/2021	Khá	Phạm Thị Nguyên Trần Thị Quỳnh Trang Đào Thu Hằng	
44	Số 722/QĐ- YDHP Ngày 18/4/2022	Cấp cơ sở	Phản hồi của sinh viên y đa khoa Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về dạy-học trực tuyến trong điều kiện dịch Covid-19		2763/QĐ- YDHP Ngày 19-12- 2022	29/12/2022	Khá	Phạm Thị Nguyên Trần Thị Quỳnh Trang Đào Thu Hằng Đào Thị Thu Loan	

45	Số 711/QĐ- YDHP Ngày 11/4/2023	Cấp cơ sở	Thực trạng học tập ngoài giờ của sinh viên Y đa khoa K40 Trường Đại học Y Dược Hải Phòng năm 2023		Số 2550/QĐ- YDHP Ngày 8-12- 2023	17/12/2023	Khá	Phạm Thị Nguyên Trần Thị Quỳnh Trang Đào Thu Hằng Đào Thị Thu Loan	
46	Số 347/QĐ- YDHP Ngày 11/4/2018	Cấp cơ sở	Biến thể E6, E7 của Human Papillomavirus 16 trên bệnh nhân ung thư âm hộ tại Bệnh viện K trung ương	TS. Nguyễn Thị Phương Mai	Số 1246/QĐ- YDHP ngày 23-11- 2018	15/12/2018	Khá		
47	Số 210/QĐ- YDHP Ngày 01/3/2019	Cấp cơ sở	Kết quả học tập môn Hoá sinh của sinh viên Y khoa theo hệ tín chỉ và năng lực năm nhất tại trường Đại học Y Dược Hải Phòng năm 2018		Số 1068/QĐ- YDHP ngày 19-9- 2019	5/10/2019	Khá		
48	Số 360/QĐ- YDHP Ngày 31/3/2020	Cấp cơ sở	Hình ảnh Siêu âm gan, hoạt độ AST, ALT, GGT huyết thanh của một số bệnh nhân mắc rối loạn lipid máu tại bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2020		Số 1725/QĐ- YDHP ngày 07-12- 2020	20/12/2020	Khá		
49	Số 324/QĐ- YDHP Ngày 09/3/2021	Cấp cơ sở	Bước đầu đánh giá tình trạng gan nhiễm mỡ ở bệnh nhân mắc đái tháo đường type 2 tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng		Số 1787/QĐ- YDHP Ngày 10-12- 2021	17/12/2021	Xuất sắc	Nguyễn Thị Phương Thảo	

50	Số 722/QĐ- YDHP Ngày 18/4/2022	Cấp cơ sở	Đánh giá kết quả đào tạo liên tục kỹ năng dạy học của giảng viên theo chương trình đổi mới giáo dục y khoa dựa trên năng lực của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng năm 2021-2022		2763/QĐ- YDHP Ngày 19-12- 2022	29/12/2022	Xuất sắc	Đào Thu Hồng Lê Thị Yến Nguyễn Thị Hồng Liên Nguyễn Thị Tươi Phạm Thị Vân	
51	Số 711/QĐ- YDHP Ngày 11/4/2023	Cấp cơ sở	Mối tương quan giữa nồng độ Prealbumin, C-reaction protein với ure, creatinine và albumin trong huyết thanh của bệnh nhân mắc bệnh thận mạn lọc máu chu kỳ tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp, năm 2023		Số 2550/QĐ- YDHP Ngày 8-12- 2023		Xuất sắc	Dương Thị Minh Thoa	
52	Số 347/QĐ- YDHP Ngày 11/4/2018	Cấp cơ sở	Phát hiện đột biến gen GAA ở bệnh nhân được chẩn đoán lâm sàng là mắc bệnh Pompe tại Việt Nam	TS. Nguyễn Thị Phương Thảo	Số 1246/QĐ- YDHP ngày 23-11- 2018	14/12/2018	Khá		
53	Số 210/QĐ- YDHP Ngày 01/3/2019	Cấp cơ sở	Phát hiện đột biến gen GLA ở một gia đình mắc bệnh Fabry tại Việt Nam		Số 1068/QĐ- YDHP ngày 19-9- 2019	5/10/2019	Khá		
54	Số 360/QĐ- YDHP Ngày 31/3/2020	Cấp cơ sở	Phát hiện đột biến GAA gây bệnh Pompe tại Việt Nam		Số 1725/QĐ- YDHP ngày 07-12- 2020	19/12/2020	Khá		

55	Số 324/QĐ- YDHP Ngày 09/3/2021	Cấp cơ sở	Xây dựng phả hệ gia đình bệnh nhân có đột biến gen GAA gây bệnh Pompe		Số 1787/QĐ- YDHP Ngày 10-12- 2021	16/12/2021	Khá	Nguyễn Thị Phương Mai	
56	Số 722/QĐ- YDHP Ngày 18/4/2022	Cấp cơ sở	Mô tả các đột biến gen GAA gây bệnh Pompe ở Việt Nam		2763/QĐ- YDHP Ngày 19-12- 2022	27/12/2022	Khá	Nguyễn Thị Phương Mai	
57	Số 711/QĐ- YDHP Ngày 11/4/2023	Cấp cơ sở	Phát hiện người lành mang gen trong các gia đình có bệnh nhân Pompe		Số 2550/QĐ- YDHP Ngày 8-12- 2023		Xuất sắc	Nguyễn Thị Phương Mai Vũ Thị Dũng Trần Văn Khánh Hoàng Thị Ngọc Lan Tạ Thành Văn	
58	Số 347/QĐ- YDHP Ngày 11/4/2018	Cấp cơ sở	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của hội chứng ngưng thở khi ngủ trên bệnh nhân mắc hội chứng chuyển hoá điều trị tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng	TS. Nguyễn Thị Hồng Liên	1246/QĐ- YDHP ngày 23-11- 2018	14/12/2018	Khá		
59	Số 210/QĐ- YDHP Ngày 01/3/2019	Cấp cơ sở	Đặc điểm lâm sàng của hội chứng ngưng thở khi ngủ và một số yếu tố liên quan trên bệnh nhân mắc bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính điều trị tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng		Số 1068/QĐ- YDHP ngày 19-9- 2019	5/10/2019			
60	Số 360/QĐ- YDHP Ngày 31/3/2020	Cấp cơ sở	Tỷ lệ, biểu hiện lâm sàng của hội chứng ngưng thở tắc nghẽn khi ngủ trên cái đối tượng thừa cân, béo phì khám và điều trị tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng		Số 1725/QĐ- YDHP ngày 07-12- 2020	19/12/2020			

61	Số 324/QĐ- YDHP Ngày 09/3/2021	Cấp cơ sở	Nghiên cứu hội chứng ngưng thở tắc nghẽn khi ngủ trên các đối tượng cân nặng bình thường có tăng tỷ số khối mỡ		Số 1787/QĐ- YDHP Ngày 10-12- 2021	15/12/2021	Khá		
62	Số 722/QĐ- YDHP Ngày 18/4/2022	Cấp cơ sở	Một số rối loạn tâm thần trên đối tượng có tiền sử nhiễm/mắc Sars-Cov2/Covid-19 mức độ nhẹ và vừa		2763/QĐ- YDHP Ngày 19-12- 2022	27/12/2022	Khá	Nguyễn Thị Mai Thanh Bùi Thị Bích Huệ	
63	Số 711/QĐ- YDHP Ngày 11/4/2023	Cấp cơ sở	Đánh giá kết quả sau can thiệp thở áp lực dương liên tục trên đối tượng mắc hội chứng chuyển hoá có ngưng thở tắc nghẽn khi ngủ		Số 2550/QĐ- YDHP Ngày 8-12- 2023	17/12/2023	Khá	Phạm Văn Linh Phạm Trung Đức Phạm Thị Thanh Huyền Trần Thị Thu Hằng	
64	Số 347/QĐ- YDHP Ngày 11/4/2018	Cấp cơ sở	Nghiên cứu đặc điểm nhiễm Aeromonas trên bệnh nhân điều trị tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp năm 2016-2019	TS. Nguyễn Hùng Cường	Số 1246/QĐ- YDHP ngày 23-11- 2018		Khá		
65	Số 324/QĐ- YDHP Ngày 09/3/2021	Cấp cơ sở	Nghiên cứu tỉ lệ và mức độ nhạy cảm với kháng sinh của các chủng vi khuẩn gây nhiễm khuẩn huyết phân lập tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Tĩnh		Số 1787/QĐ- YDHP Ngày 10-12- 2021	17/12/2021	Khá		
66	Số 360/QĐ- YDHP Ngày 31/3/2020	Cấp cơ sở	Nghiên cứu đặc điểm nhiễm Aeromonas trên bệnh nhân điều trị tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp năm 2016-2019		Số 1725/QĐ- YDHP Ngày 07-12- 2020	20/12/2020	Khá		

67	Số 722/QĐ- YDHP Ngày 18/4/2022	Cấp cơ sở	Nghiên cứu mức độ nhạy cảm kháng sinh của vi khuẩn gây nhiễm khuẩn tiết niệu tại Bệnh viện đa khoa Tỉnh Thanh Hoá năm 2022		2763/QĐ- YDHP Ngày 19-12- 2022	29/12/2022	Xuất sắc	Lê Thị Hải Tâm Vũ Thị Luyến Vũ Thuỳ Dương Nguyễn Thị Thanh Phượng	
68	Số 711/QĐ- YDHP Ngày 11/4/2023	Cấp cơ sở	Ứng dụng xét nghiệm QuantiFERON®-TB Access trong chẩn đoán lao tiền ẩn tại quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng		Số 2550/QĐ- YDHP Ngày 8-12- 2023	17/12/2023	Xuất sắc	Bạch Thị Như Quỳnh Mạc Nguyễn Quỳnh Trâm	
69	Số 347/QĐ- YDHP Ngày 11/4/2018	Cấp cơ sở	Nghiên cứu đặc điểm hình thái bó hồi đai (Cingulum) ở người trưởng thành (trên 25 tuổi) bằng cộng hưởng từ sức căng khuếch tán 3 Tesla năm 2018		Số 1246/QĐ- YDHP ngày 23-11- 2018	15/12/2018	Khá		
70	Số 360/QĐ- YDHP Ngày 31/3/2020	Cấp cơ sở	Nghiên cứu đặc điểm hình thái vùng vỏ não hồi trước trung tâm và sau trung tâm của người trưởng thành bình thường bằng MRI 3.0 Tesla	TS. Phạm Thành Nguyên	Số 1725/QĐ- YDHP Ngày 07-12- 2020	19/12/2020	Khá		
71	Số 722/QĐ- YDHP Ngày 18/4/2022	Cấp cơ sở	Nghiên cứu đặc điểm hình thái vùng vỏ não thùy trán, thùy đỉnh, thùy chẩm và thùy thái dương của người trưởng thành bình thường bằng MRI 3.0 Tesla		Số 2763/QĐ- YDHP Ngày 19-12- 2022	27/12/2022	Khá		
72	Số 711/QĐ- YDHP Ngày 11/4/2023	Cấp cơ sở	Đặc điểm giải phẫu hệ thống tĩnh mạch cửa ở người trưởng thành bình thường bằng cắt lớp vi tính (CT Scanner)		Số 2550/QĐ- YDHP Ngày 8-12- 2023	17/12/2023	Xuất sắc	Trần Xuân Bách	

73	Số 347/QĐ- YDHP Ngày 11/4/2018	Cấp cơ sở	Thực trạng kiến thức – thái độ - thực hành của học sinh về bệnh lang ben và hiệu quả của các biện pháp truyền thông giáo dục sức khỏe tại hai trường trung học cơ sở thành phố Hải Phòng	TS. Võ Thị Thanh Hiền	1246/QĐ- YDHP ngày 23-11- 2018	14/12/2018	Khá		
74	Số 210/QĐ- YDHP Ngày 01/3/2019	Cấp cơ sở	Ứng dụng kỹ thuật PCR-RELP xác định loài Malassezia spp gây bệnh lang ben ở học sinh trung học cơ sở thành phố Hải Phòng		Số 1068/QĐ- YDHP ngày 19-9- 2019	5/10/2019	Xuất sắc		
75	Số 360/QĐ- YDHP Ngày 31/3/2020	Cấp cơ sở	Hiệu quả điều trị bệnh lang ben bằng thuốc bôi ketoconazole cho học sinh hai trường trung học cơ sở tại Hải Phòng		Số 1725/QĐ- YDHP ngày 07-12- 2020	19/12/2020	Khá		
76	Số 324/QĐ- YDHP Ngày 09/3/2021	Cấp cơ sở	Thực trạng và đặc điểm lâm sàng bệnh nấm da của bệnh nhân đến khám tại Bệnh viện Da liễu Thái Bình		Số 1787/QĐ- YDHP Ngày 10-12- 2021	16/12/2021	Khá	Đinh Thị Thanh Mai Vũ Văn Thái Nguyễn Thị Huyền Sương Trịnh Văn Khương Đỗ Thị Huyền	
77	Số 722/QĐ- YDHP Ngày 18/4/2022	Cấp cơ sở	Nghiên cứu đặc điểm các loài nấm gây bệnh da ở bệnh nhân đến khám tại phòng khám nấm Bệnh viện Da liễu Thái Bình		2763/QĐ- YDHP Ngày 19-12- 2022	27/12/2022	Khá	Nguyễn Thị Huyền Sương Đinh Thị Thanh Mai Đỗ Thị Huỳnh Trịnh Thị Thuý	

78	Số 711/QĐ- YDHP Ngày 11/4/2023	Cấp cơ sở	Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến bệnh nấm da ở bệnh nhân đến khám tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp năm 2023		Số 2550/QĐ- YDHP Ngày 8-12- 2023	17/12/2023	Xuất sắc	Đinh Thị Thanh Mai Trịnh Văn Khương Nguyễn Thị Huyền Sương	
79	Số 347/QĐ- YDHP Ngày 11/4/2018	Cấp cơ sở	Thực trạng và một số yếu tố liên quan tới nhiễm nấm ngoài da ở bệnh nhân đến xét nghiệm tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng từ tháng 6/2017 – 5/2018	TS. Vũ Văn Thái	Số 1246/QĐ- YDHP ngày 23-11- 2018	15/12/2018	Xuất sắc		
80	Số 210/QĐ- YDHP Ngày 01/3/2019	Cấp cơ sở	Thực trạng và một số yếu tố liên quan tới nhiễm nấm, trùng roi đường sinh dục dưới ở phụ nữ 18-49 có chồng tại xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh (2018-2019)		Số 1068/QĐ- YDHP ngày 19-9- 2019	6/10/2019	Xuất sắc		
81	Số 360/QĐ- YDHP Ngày 31/3/2020	Cấp cơ sở	Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến nhiễm giun đường ruột ở học sinh trường tiểu học xã Liên vị, Quảng Yên, Quảng Ninh (2019-2020)		Số 1725/QĐ- YDHP ngày 07-12- 2020	7/12/2020	Khá		
82	Số 324/QĐ- YDHP Ngày 09/3/2021	Cấp cơ sở	Thực trạng nhiễm giun truyền qua đất của học sinh tại hai trường Tiểu học thành phố Hà Tĩnh, năm 2021		Số 1787/QĐ- YDHP Ngày 10-12- 2021	17/12/2021	Khá	Đinh Thị Thanh Mai Võ Thị Thanh Hiền Nguyễn Thị Nguyệt Nguyễn Thị Huyền Sương Trịnh Văn Khương	
83	Số 722/QĐ- YDHP Ngày 18/4/2022	Cấp cơ sở	Nghiên cứu tỷ lệ và một số yếu tố liên quan đến nhiễm nấm Candida spp. đường sinh dục dưới ở nữ công nhân có chồng tại khu công nghiệp Nam Sách, Hải Dương năm 2020		2763/QĐ- YDHP Ngày 19-12- 2022	29/12/2022	Khá	Bùi Văn Thiện Cao Bá Lợi Trịnh Thị Thủy	

84	Số 711/QĐ- YDHP Ngày 11/4/2023	Cấp cơ sở	Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến hệ thống quản lý chất lượng xét nghiệm tại các phòng xét nghiệm của tỉnh Hải Dương năm 2023	Số 2550/QĐ- YDHP Ngày 8-12- 2023	17/12/2023	Xuất sắc	Cao Văn Tuyền Đinh Kinh Xuyên
----	--	-----------	---	--	------------	-------------	----------------------------------

PHÒNG QUẢN LÝ KHOA HỌC

Thuy
Nguyễn Thị Thuy Linh

BAN GIÁM HIỆU



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. *Đinh Thị Thanh Mai*

Mẫu 5

**Danh sách các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo trong 5 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ mở ngành đào tạo
(Kèm theo bản liệt kê có bản sao trang bìa tạp chí, trang phụ lục, trang đầu và trang cuối của công trình công bố)**

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
1	<i>Phạm Văn Linh</i> , Developing a machine learning-based predictive model for levothyroxine dosage estimation in hypothyroid patients: a retrospective study, Front. Endocrinol [doi.org/10.3389/fendo.2025.1415206]	Có minh chứng
2	<i>Phạm Văn Linh</i> , Fear and Impact of COVID-19 Among Post-Infected Adults: Types and Associations with Quality of Life and Post-Traumatic Stress Symptoms. J Epidemiol Glob Health [2024;14(4):1748-1763]	Có minh chứng
3	<i>Phạm Văn Linh</i> , Associations of COVID-19-related fear with kidney disease quality of life and its subscales among hemodialysis patients as modified by health literacy: a multi-hospital survey. Health Psychol Behav Med [2024; 12(1):2376585]	Có minh chứng
4	<i>Phạm Văn Linh</i> , Sex Differences in Clustering Unhealthy Lifestyles Among Survivors of COVID-19: Latent Class Analysis. JMIR Public Health Surveill [2024; DOI: 10.2196/50189]	Có minh chứng
5	<i>Phạm Văn Linh</i> , Carotane sesquiterpenes from Peperomia pellucida and their anti-infective activities. Natural Product Research [14786419.2023.2280923]	Có minh chứng
6	<i>Phạm Văn Linh</i> , Metabolic, renal, and hematological changes in chronic hepatitis C patients achieving rapid virologic response after 12 weeks of direct-acting antiviral treatment: A prospective cohort study. PLOS ONE [2023;10.1371/e.0290235]	Có minh chứng
7	<i>Phạm Văn Linh</i> , Clinical Epidemiology Features and Risk Factors for Acute Diarrhea Caused by Rotavirus A in Vietnamese Children. Int J Pediatr [Int J Pediatr 2023: 4628858].	Có minh chứng
8	<i>Phạm Văn Linh</i> , Digital Healthy Diet Literacy and Fear of COVID-19 as Associated with Treatment Adherence and Its Subscales among Hemodialysis Patients: A Multi-Hospital Study. Nutrients [Nutrients.2023;15(10):2292].	Có minh chứng
9	<i>Phạm Văn Linh</i> , Osteoporosis Risk in Hemodialysis Patients: The Roles of Gender, Comorbidities, Biochemical Parameters, Health and Diet Literacy. Nutrients [Nutrients.2022;14(23):5122]	Có minh chứng

10	<i>Phạm Văn Linh</i> , The Associations of Suspected COVID-19 Symptoms with Anxiety and Depression as Modified by Hemodialysis Dietary Knowledge: A Multi-Dialysis Center Study. <i>Nutrients</i> [Nutrients.2022;14(12):2364].	Có minh chứng
11	<i>Phạm Văn Linh</i> , Determination of Risk Factors Associated with the Failure of 12 Weeks of Direct-Acting Antiviral Therapy in Patients with Hepatitis C: A Prospective Study. <i>BioMed Research International</i> [Biomed Res Int; 2022:6054677].	Có minh chứng
12	<i>Phạm Văn Linh</i> , Negative Impacts of COVID-19 Induced Lockdown on Changes in Eating Behavior, Physical Activity, and Mental Health as Modified by Digital Healthy Diet Literacy and e-Health Literacy. <i>Frontiers in Nutrition</i> [2021;12;8:774328].	Có minh chứng
13	<i>Phạm Văn Linh</i> , Single and Combinative Impacts of Healthy Eating Behavior and Physical Activity on COVID-19-like Symptoms among Outpatients: A Multi-Hospital and Health Center Survey. [Nutrients 2021; 13(09):3258]	Có minh chứng
14	<i>Phạm Văn Linh</i> , Associations of Underlying Health Conditions With Anxiety and Depression Among Outpatients: Modification Effects of Suspected COVID-19 Symptoms, Health-Related and Preventive Behaviors. <i>Int'l Journal of Public Health</i> 2021;66:634904]	Có minh chứng
15	<i>Phạm Văn Linh</i> , Negative Impact of Fear of COVID-19 on Health-Related Quality of Life Was Modified by Health Literacy, eHealth Literacy, and Digital Healthy Diet Literacy: A Multi-Hospital Survey. <i>International Journal of Environmental Research and Public Health</i> [2021;18(9):4929].	Có minh chứng
16	<i>Phạm Văn Linh</i> , Impacts and interactions of COVID-19 response involvement, health-related behaviours, health literacy on anxiety, depression and health-related quality of life among healthcare workers: A cross-sectional study. [BMJ Open, 2020;10:e04139]	Có minh chứng
17	<i>Phạm Văn Linh</i> , Health Literacy and Preventive Behaviors Modify the Association between Pre-Existing Health Conditions and Suspected COVID-19 Symptoms: A Multi-Institutional Survey. <i>International Journal of Environmental Research and Public Health</i> [2020;17(22), 8598].	Có minh chứng

18	<i>Phạm Văn Linh</i> , Determinants of Health Literacy and Its Associations With Health-Related Behaviors, Depression Among the Older People With and Without Suspected COVID- 19 Symptoms: A Multi-Institutional Study. <i>Frontiers in Public Health</i> [2020; 8:581746]	Có minh chứng
19	<i>Phạm Văn Linh</i> , Healthy Dietary Intake Behavior Potentially Modifies the Negative Effect of COVID-19 Lockdown on Depression: A Hospital and Health Center Survey. <i>Frontiers in Nutrition</i> [2020; 7:581043].	Có minh chứng
20	<i>Phạm Văn Linh</i> , People with Suspected COVID-19 Symptoms Were More Likely Depressed and Had Lower Health-Related Quality of Life: The Potential Benefit of Health Literacy. <i>Journal of Clinical Medicine</i> [2020; 9(4), 965]	Có minh chứng
21	<i>Phạm Văn Thức</i> , Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến bệnh tăng huyết áp ở người dân ≥ 40 tuổi tại huyện Cô Tô, tỉnh Quảng Ninh năm 2022. Hướng dẫn luận văn BSCK II năm	Có minh chứng
22	<i>Phạm Văn Thức</i> , Thực trạng chất lượng bệnh viện và sự hài lòng của người bệnh điều trị nội trú tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh. Hướng dẫn luận văn BSCK II năm 2023	Có minh chứng
23	<i>Phạm Văn Thức</i> , Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến thiếu máu trước sinh ở sản phụ sinh con tại bệnh viện Sản Nhi Hưng Yên năm 2023. Hướng dẫn luận văn BSCK II năm 2024	Có minh chứng
24	<i>Phạm Văn Thức</i> , Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và một số yếu tố liên quan đến hen phế quản điều trị ngoại trú tại Viện Y học Biển Việt Nam. Hướng dẫn luận văn BSCK II năm 2024	Có minh chứng
25	<i>Phạm Văn Thức</i> , Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và một số yếu tố liên quan đến quản lý điều trị ngoại trú bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính tại Bệnh viện Việt Nam Thụy Điển Uông Bí. Hướng dẫn luận văn BSCK II năm 2024	Có minh chứng
26	<i>Phạm Văn Thức (2020)</i> . Chromium, cadmium, lead and arsenic concentrations in water, vegetables and seafood consumed in a coastal area in Northern Vietnam, <i>Environmental Health Insights</i> Volume 14: 1-9	Có minh chứng
27	<i>Phạm Văn Thức (2022)</i> . Giá chi trả viện phí cho điều trị tai biến sản khoa tại Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An giai đoạn 2019-2020. Tạp chí Y học dự phòng năm 2022, Tập 32 số 1	Có minh chứng
28	<i>Phạm Văn Thức (2022)</i> : Kiến thức, thái độ thực hành về giao tiếp với người bệnh của điều dưỡng, kỹ thuật viên các khoa lâm sàng tại Bệnh viện trẻ em Hải Phòng. <i>Tạp chí Y học dự phòng năm 2022</i> , Tập 32 số 1	Có minh chứng

29	<i>Phạm Văn Thức (2023): Kết quả một số test chẩn đoán Hen phế quản dị ứng do mạt bụi nhà tại Viện Y học biển Việt Nam năm 2021-2022. Tạp chí Y học Việt Nam 2023, Tập 529, Tháng 8, Số chuyên đề 2023 Công trình nghiên cứu khoa học Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.</i>	Có minh chứng
30	<i>Phạm Văn Thức (2024). Hiệu quả phục hồi chức năng vận động trên bệnh nhân liệt nửa người do nhồi máu não giai đoạn cấp bằng phương pháp điện châm kết hợp xoa bóp bấm huyệt tại bệnh viện Kiên An. Y học Việt Nam tập 539, tháng 6, số đặc biệt</i>	Có minh chứng
31	<i>Nguyễn Thị Hồng Liên (2021). “Tỷ lệ, biểu hiện lâm sàng của hội chứng ngưng thở tắc nghẽn khi ngủ trên các đối tượng thừa cân béo phì tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng” Tạp chí Y học Việt Nam, Số đặc biệt, Số tr 106-111</i>	Có minh chứng
32	<i>Nguyễn Thị Hồng Liên (2023). Kết quả can thiệp thở áp lực dương liên tục trên đối tượng mắc hội chứng chuyển hóa có ngưng thở tắc nghẽn khi ngủ tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng, Tạp chí Y học Việt Nam .Số đặc biệt, Số tr 130-136</i>	Có minh chứng
33	<i>Nguyễn Thị Hồng Liên (2023). Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả đa ký hô hấp ở người bệnh có hội chứng chuyển hóa chưa xác định có ngưng thở tắc nghẽn khi ngủ tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng. Tạp chí Y học Việt Nam .Số đặc biệt, Số tr 194-201</i>	Có minh chứng
34	<i>Nguyễn Thị Hồng Liên (2023). Kết quả của thông khí áp lực dương liên tục, hành vi sức khỏe kết hợp tập luyện trên người bệnh đống mắc hội chứng chuyển hóa và ngưng thở tắc nghẽn khi ngủ. Tạp chí Y học Việt Nam .Số đặc biệt, Số tr 392-400</i>	Có minh chứng
35	<i>Nguyễn Thị Hồng Liên (2022). Osteoporosis Risk in Hemodialysis Patients: The Roles of Gender, Comorbidities, Biochemical Parameters, Health and Diet Literacy. Tạp chí Nutrients . Số tr 14(23):5122</i>	Có minh chứng
36	<i>Nguyễn Thị Hồng Liên (2022). Personalized Medicine and Obstructive Sleep Apnea . Tạp chí Journal of personalized medicine. Số tr 12(12):2034</i>	Có minh chứng

37	<i>Nguyễn Thị Hồng Liên (2023)</i> . Digital Healthy Diet Literacy and Fear of COVID-19 as Associated with Treatment Adherence and Its Subscales among Hemodialysis Patients: A Multi-Hospital Study. Tạp chí Nutrients . Số tr 15(10):2292	Có minh chứng
38	<i>Nguyễn Thị Hồng Liên (2024)</i> . Impact of long COVID-19 on posttraumatic stress disorder as modified by health literacy: an observational study in Vietnam. Tạp chí Osong Public Health Res Perspect . Số tr 15(1):33-44	Có minh chứng
39	<i>Nguyễn Thị Hồng Liên (2024)</i> . Sex Differences in Clustering Unhealthy Lifestyles Among Survivors of COVID-19: Latent Class Analysis. Tạp chí JMIR PUBLIC HEALTH AND SURVEILLANCE . Số tr 2:10:e50189	Có minh chứng
40	<i>Nguyễn Thị Hồng Liên (2024)</i> . Associations of COVID-19-related fear with kidney disease quality of life and its subscales among hemodialysis patients as modified by health literacy: a multi-hospital survey. Tạp chí Health Psychology and Behavioral Medicine. Số tr 12(1):2376585	Có minh chứng
41	<i>Nguyễn Thị Hồng Liên (2025)</i> . Association between underlying health conditions and long COVID among non-hospitalized and hospitalized individuals as modified by health literacy: A multi-center study. Tạp chí Public Health .Số tr 239, tr87-93	Có minh chứng
42	<i>Nguyễn Bảo Trân (2023)</i> . Khảo sát đặc điểm lâm sàng, hình thái polyp qua nội soi của bệnh nhân polyp dạ dày tại Hải Phòng. Tạp chí Y học Việt Nam. Số tr 230-237	Có minh chứng
43	<i>Nguyễn Bảo Trân (2021)</i> . Construct validity of the Vietnamese version of maslach burnout inventory-general survey. Tạp chí NurseLine Journal	Có minh chứng
44	<i>Nguyễn Bảo Trân (2021)</i> . Association Between Patient Satisfaction and the Willingness to Return for Rehabilitation - A Pilot Study. Tạp chí The Open Public Health Journal	Có minh chứng
45	<i>Nguyễn Bảo Trân (2020)</i> . Chromium, Cadmium, Lead, and Arsenic Concentrations in Water, Vegetables, and Seafood Consumed in a Coastal Area in Northern Vietnam. Tạp chí Environmental Health Insights	Có minh chứng
46	<i>Nguyễn Bảo Trân (2019)</i> . Đặc điểm lâm sàng và hình ảnh nội soi polyp đại trực tràng u tuyến và tăng sản. Tạp chí Y học Việt Nam. Số tr 214-218	Có minh chứng
47	<i>Võ Thị Thanh Hiền (2020)</i> . Thực trạng kiến thức, thái độ, thực hành và một số yếu tố liên quan về bệnh sốt xuất huyết của người dân hai xã huyện Kiến Thụy, Hải Phòng năm 2018. Tạp chí Phòng bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng. Số tr 1 (115), 42 – 49	Có minh chứng

48	<i>Võ Thị Thanh Hiền</i> (2020). Epidemiological characterization of pityriasis versicolor and distribution of <i>Malassezia</i> species among students in Hai Phong city, Vietnam. Tạp chí Current medical mycology .Số tr 6(2),11-17	Có minh chứng
49	<i>Võ Thị Thanh Hiền</i> (2024). Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến nhiễm nấm <i>Candida spp</i> ở phụ nữ viêm đường sinh dục dưới tại bệnh viện Phụ sản Hải Phòng năm 2023. Tạp chí Y học Việt Nam Số đặc biệt (545), 180 – 186	Có minh chứng
50	<i>Đào Thu Hồng</i> (2019) Đánh giá hình thái và chức năng thất trái bằng siêu âm tim trên bệnh nhân đái tháo đường type 2 tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2018. Tạp chí Y học Việt Nam. Số tr 448, 388-394	Có minh chứng
51	<i>Đào Thu Hồng</i> (2021) Đặc điểm siêu âm và thang điểm IPSS, QOL ở bệnh nhân 40-80 tuổi phì đại tuyến tiền liệt khám tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2020. Tạp chí Y học Việt Nam. Số tr 503, 316-322	Có minh chứng
52	<i>Đào Thu Hồng</i> (2022)Nghiên cứu đặc điểm siêu âm tim ở bệnh nhân suy thận mạn tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2021. Tạp chí Y học Việt Nam. Số tr 515, 108-115	Có minh chứng
53	<i>Đào Thu Hồng</i> (2023)Phản hồi của sinh viên y đa khoa Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về dạy học trực tuyến trong điều kiện dịch Covid-19. Tạp chí Y học Việt nam. Số tr 527,355-364	Có minh chứng
54	<i>Đào Thu Hồng</i> (2024) Thực trạng hoạt động tự học của sinh viên y khoa năm thứ 5 Trường Đại học Y Dược Hải Phòng năm 2023. Tạp chí Y học Việt nam. Số tr 539,316-325	Có minh chứng
55	<i>Nguyễn Trường Giang</i> (2023). Nghiên cứu vai trò của yếu tố phân tử P53 trong ung thư đường niệu tại bệnh viện Việt Tiệp Hải Phòng. Tạp chí Y học Việt nam, tập 436.	Có minh chứng
56	<i>Nguyễn Trường Giang</i> (2020). Mô bệnh học ung thư biểu mô tiết niệu qua mẫu phẫu thuật tại bệnh viện Việt Đức. Tạp chí Y học Việt nam tập 497.	Có minh chứng
57	<i>Nguyễn Trường Giang</i> (2021). Bộc lộ dấu ấn hóa mô miễn dịch CK20 trong ung thư biểu mô bàng quang.Tạp chí Y học Việt Nam tập 504. Số tr 219-223.	Có minh chứng
58	<i>Phạm Huy Quyến</i> (2020). Tạp chí quốc Study of the Correlation between HRCT Semi-quantitative Scoring, Concentration of Alveolar Nitric Oxide, and Clinical-functional Parameters of Systemic Sclerosis-induced Interstitial Lung Disease	Có minh chứng

59	<i>Nguyễn Thị Kim Hương</i> (2020). Nghiên cứu độc tính dược chất cao lá khế trên chuột	Có minh chứng
60	<i>Nguyễn Thị Kim Hương</i> (2021). Thực trạng dị ứng thuốc tại khoa dị ứng – MDLS Bệnh viện đại học Y Hải Phòng từ năm 2020 – 2021	Có minh chứng
61	<i>Nguyễn Thị Kim Hương</i> (2022). Mô hình gây tăng lipid máu trên chuột thực nghiệm bằng p407	Có minh chứng
62	<i>Nguyễn Thị Kim Hương</i> (2023). Mô hình gây tăng lipid máu trên chuột thực nghiệm bằng hỗn hợp giàu cholesterol	Có minh chứng
63	<i>Nguyễn Thị phương Thảo</i> (2020). Chẩn đoán trước sinh cho 02 thai phụ có đột biến GAA gây bệnh Pompe. Tạp chí Y học Việt Nam. Số 496, trang 205-210	Có minh chứng
64	<i>Nguyễn Thị phương Thảo</i> (2023). Xác định đột biến gen GAA và đặc điểm di truyền của bệnh Pompe. Tạp chí Nghiên cứu y học Trường Đại học Y Hà Nội. Số tr 18-24	Có minh chứng
65	<i>Nguyễn Thị Phương Mai</i> (2020). Bước đầu đánh giá genotype của <i>Human papillomavirus</i> tại mô ung thư âm hộ. Tạp chí Nghiên cứu Y học, trang 33-39	Có minh chứng
66	<i>Nguyễn Thị Phương Mai</i> (2019). Phát hiện đột biến gen GLA ở một gia đình mắc bệnh Fabry tại Việt Nam. Tạp chí Y học Việt Nam, trang 645-650	Có minh chứng
67	<i>Nguyễn Thị Phương Mai</i> (2021). Hình ảnh siêu âm gan và hoạt độ AST, ALT, GGT huyết thanh của một số bệnh nhân mắc rối loạn lipid máu tại bệnh viện Đại học Y Hải Phòng, năm 2020. Tạp chí Y học Việt Nam, trang 3-7	Có minh chứng
68	<i>Nguyễn Thị Phương Mai</i> (2021). Nghiên cứu nồng độ Prealbumin và CRP huyết tương ở bệnh nhân bệnh thận mạn tính lọc máu chu kỳ. Tạp chí Y Dược, trang 106-109	Có minh chứng
69	<i>Nguyễn Thị Phương Mai</i> (2023). Kết quả đào tạo liên tục kỹ năng dạy học cho giảng viên theo chương trình đổi mới giáo dục y khoa dựa trên năng lực của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng. Tạp chí Khoa học Sức khỏe, trang 189-194	Có minh chứng
70	<i>Nguyễn Thị Phương Mai</i> (2023). Rối loạn lo âu, trầm cảm và một số yếu tố liên quan của sinh viên Y khoa năm nhất, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, năm 2024. Tạp chí Khoa học Sức khỏe, trang 19-26	Có minh chứng


71	<i>Vũ Văn Thái</i> (2022).Thực trạng nhiễm giun truyền qua đất ở học sinh tại hai trường Tiểu học thành phố Hà Tĩnh, năm 2021. Số tr 113-120.	Có minh chứng
72	<i>Vũ Văn Thái</i> (2023).Thực trạng chất lượng phòng xét nghiệm của các bệnh viện tuyến huyện, tuyến tỉnh tại Hải Dương năm 2022. Số tr 187-192.	Có minh chứng
73	<i>Vũ Văn Thái</i> (2024).Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến nhiễm nấm <i>Candida</i> spp. ở phụ nữ viêm đường sinh dục dưới tại bệnh viện Phụ Sản Hải Phòng năm 2023. Số tr 180-186	Có minh chứng
74	<i>PGS.TS. Đinh Thị Thanh Mai</i> (2020).Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến nhiễm trùng roi, nấm, vi khuẩn ở phụ nữ có chồng từ 18-49 tuổi tại thị xã Quảng Yên, Quảng Ninh, năm 2019-2020	Có minh chứng
75	<i>PGS.TS. Đinh Thị Thanh Mai</i> (2019).Nghiên cứu phân lập và định danh một số chủng vi nấm biến ở khu vực phía Bắc có hoạt tính kháng vi sinh vật kiểm định	Có minh chứng
76	<i>PGS.TS. Đinh Thị Thanh Mai</i> (2021).Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến nhiễm sán lá gan nhỏ ở người dân xã Đoàn Xá, huyện Kiến Thụy Hải Phòng, năm 2021	Có minh chứng
77	<i>PGS.TS. Đinh Thị Thanh Mai</i> (2022).Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến nhiễm giun đường ruột ở người dân xã Đoàn Xá, huyện Kiến Thụy Hải Phòng, năm 2021	Có minh chứng
78	<i>PGS.TS. Đinh Thị Thanh Mai</i> (2023).Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến nhiễm nấm <i>Candida</i> sp. ở phụ nữ viêm đường sinh dục dưới đến khám tại bệnh viện Phụ sản Hải Phòng, năm 2023	Có minh chứng
79	<i>PGS.TS. Đinh Thị Thanh Mai</i> (2022).Nghiên cứu một số đặc điểm nhiễm giun móc/mỏ (<i>Ancylostoma duodenale/Necator americanus</i>) tại hai xã huyện Thuỷ NguyênHải Phòng. Tập 1, trang 85-91	Có minh chứng
80	<i>PGS.TS. Đinh Thị Thanh Mai</i> (2020). Thực trạng kiến thức, thái độ, thực hành và một số yếu tố liên quan về bệnh sốt xuất huyết của người dân hai xã huyện Kiến Thụy, Hải Phòng, năm 2018. Tạp chí Phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng, số 115, trang 42-49	Có minh chứng
81	<i>PGS.TS. Đinh Thị Thanh Mai</i> (2020).Epidemiological characterization of pityriasis versicolor and distribution of <i>Malassezia</i> species among students in Hai Phong city, Vietnam. Tạp chí CMM (Current Medical Mycology	Có minh chứng
82	<i>PGS.TS. Đinh Thị Thanh Mai</i> (2021).Thực trạng loãng xương ở phụ nữ đến khám tại bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An năm 2020. . Tạp chí Y học Việt Nam, Số đặc biệt, trang 234-243	Có minh chứng

83	<i>PGS.TS. Đinh Thị Thanh Mai (2021).</i> Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến sự hài lòng với chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh của người bệnh nội trú tại bệnh viện Đa khoa Diễn Châu – Nghệ An, năm 2020. Tạp chí Y học Việt Nam, Số đặc biệt, trang 244-254	Có minh chứng
84	<i>PGS.TS. Đinh Thị Thanh Mai (2021).</i> Chất lượng cuộc sống ở phụ nữ loãng xương đến khám tại bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An năm 2020. Tạp chí Y học Việt Nam, Số đặc biệt, trang 400-410	Có minh chứng
85	<i>PGS.TS. Đinh Thị Thanh Mai (2021).</i> Thực trạng và một số yếu tố liên quan tới loãng xương ở phụ nữ đến khám tại bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An năm 2020. Tạp chí Y học Việt Nam, Số đặc biệt, trang 252-259	Có minh chứng
86	<i>PGS.TS. Đinh Thị Thanh Mai (2021).</i> Thực trạng sự hài lòng của người bệnh điều trị nội trú về thời gian chờ tiếp cận dịch vụ khám chữa bệnh và chăm sóc của điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên tại bệnh viện Đa khoa Diễn Châu , Nghệ An, năm 2020. Tạp chí Y học Việt Nam, Số đặc biệt, trang 260- 268	Có minh chứng
87	<i>PGS.TS. Đinh Thị Thanh Mai (2021).</i> Thực trạng và một số yếu tố liên quan tới nhiễm nấm ngoài da ở bệnh nhân đến xét nghiệm tại bệnh viện Đại học Y Hải Phòng. Tạp chí Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, trang 41-47	Có minh chứng
88	<i>PGS.TS. Đinh Thị Thanh Mai (2021).</i> Thực trạng và một số yếu tố liên quan tới nhiễm trùng đường sinh dục dưới ở phụ nữ có chồng từ 18-49 tuổi tại thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, năm 2019-2020. Tạp chí Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, trang 48-54	Có minh chứng
89	<i>PGS.TS. Đinh Thị Thanh Mai (2022).</i> Thực trạng bệnh nhân nhiễm vi rút viêm gan C tại Bệnh viện Nhiệt đới Hải Dương, năm 2021. Tạp chí Y học Việt Nam, Số đặc biệt, trang 176-184	Có minh chứng
90	<i>PGS.TS. Đinh Thị Thanh Mai (2022).</i> Một số yếu tố liên quan đến tiếp cận điều trị ở bệnh nhân nhiễm vi rút viêm gan C tại Bệnh viện Nhiệt đới Hải Dương, năm 2021. Tạp chí Y học Việt Nam, Số đặc biệt, trang 219-227	Có minh chứng
91	<i>PGS.TS. Đinh Thị Thanh Mai (2022).</i> Thực trạng bệnh nấm da của bệnh nhân đến khám tại Bệnh viện Da liễu Thái Bình. Tạp chí Y học Việt Nam, Số đặc biệt, trang 219-227	Có minh chứng
92	<i>PGS.TS. Đinh Thị Thanh Mai (2022).</i> Nghiên cứu tỷ lệ và một số yếu tố liên quan đến bệnh nấm da ở bệnh nhân đến khám tại bệnh viện Da liễu Thái Bình . Tạp chí Y học Việt Nam, Số đặc biệt, trang 304- 311	Có minh chứng
93	<i>PGS.TS. Đinh Thị Thanh Mai (2023).</i> Phân lập, định danh vi nấm biển có hoạt tính kháng vi sinh vật từ đảo Bạch Long Vĩ, Hải Phòng. Tạp chí Nghiên cứu Y học, số 2, trang 110-112	Có minh chứng

94	<i>PGS.TS. Đinh Thị Thanh Mai (2023).</i> Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến nhiễm sán lá gan nhỏ ở người dân xã Đoàn Xá, Kiến Thụy, Hải Phòng. Tạp chí Y học Việt Nam, Số chuyên đề, trang 270-276	Có minh chứng
95	<i>PGS.TS. Đinh Thị Thanh Mai (2024).</i> Thực trạng suy dinh dưỡng ở trẻ dưới 5 tuổi tại 3 xã huyện Kim Động, Hưng Yên năm 2023. Tạp chí Y học Việt Nam, Số đặc biệt, trang 42-48	Có minh chứng
96	<i>PGS.TS. Đinh Thị Thanh Mai (2024).</i> Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến nhiễm nấm <i>Candida spp.</i> ở phụ nữ viêm đường sinh dục dưới tại bệnh viện Phụ sản Hải Phòng năm 2023. Tạp chí Y học Việt Nam, Số đặc biệt, trang 180-186	Có minh chứng
97	<i>Vũ Thuý Hà (2023).</i> Đánh giá mối liên quan giữa hình thái phôi nang với tỉ lệ làm tổ ở nhóm bệnh nhân làm thụ tinh ống nghiệm chuyên đơn phôi nang đông lạnh. Tạp chí Y học Việt Nam, tập 522, Số 2.	Có minh chứng
98	<i>Vũ Thuý Hà (2024).</i> Adenosine Deaminase Family Acting on RNA 1 (ADAR1) May Be a De Novo Target for Endometriosis Treatment. In Vivo, 38(2), 683-690.	
99	<i>Vũ Thuý Hà (2024).</i> Apolipoprotein-B mRNA-editing complex 3B could be a new potential therapeutic target in endometriosis. Scientific Reports, 14 (1), 2496-8	Có minh chứng
100	<i>Vũ Thuý Hà (2024).</i> ADAR1 could be a potential diagnostic target for intrauterine infection patients, Scientific Reports, 14 (29), 419	Có minh chứng
101	<i>Vũ Thuý Hà (2025).</i> CD63 as a potential biomarker for patients with ovarian cancer. European Journal of Obstetrics and Gynecology and Reproductive Biology, 306:87-93	Có minh chứng
102	<i>Nguyễn Hùng Cường (2021).</i> Construct validity of the vietnamese version of maslach burnout inventory-general survey. NurseLine Journal, 6 No 1.	Có minh chứng
103	<i>Nguyễn Hùng Cường (2024).</i> Nghiên cứu đặc điểm chỉ số ANTI-MULLERIAN HORMONE (AMH), ANTRAL FOLLICLE COUNT (AFC), OVARIAN RESPONSE PREDICTION INDEX (ORPI) trên phụ nữ được chỉ định IVF tại bệnh viện Quốc tế Sản Nhi Hải Phòng, Tạp chí Y học Việt Nam, tập 545, trang 390-394.	Có minh chứng
104	<i>Nguyễn Hùng Cường (2024).</i> Đánh giá hiệu quả nâng cao mức chất lượng phòng xét nghiệm của các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Hải Dương năm 2024. Tạp chí Y học Việt Nam, tập 542, trang 197-202.	Có minh chứng

105	Nguyễn Hùng Cường (2023). Kết quả can thiệp quản lý quá trình xét nghiệm tại các bệnh viện hạng II tỉnh Hải Dương năm 2023. Tạp chí Y học Việt Nam, tập 526, trang 159 -165.	Có minh chứng
106	Nguyễn Hùng Cường (2022). Nghiên cứu tỷ lệ và một số đặc điểm kháng kháng sinh của <i>taphylococcus aureus</i> phân lập từ bệnh phẩm lâm sàng tại bệnh viện Hữu nghị Việt –Tiệp (1/2020-12/2020). Tạp chí Y học Việt Nam, tập 515, trang 299-303.	Có minh chứng
107	Nguyễn Hùng Cường (2022). Nghiên cứu vai trò xét nghiệm Glycomark (1,5 AG) trong theo dõi điều trị bệnh nhân đái tháo đường typ 2. Tạp chí Y học Việt Nam, tập 515, trang 327-334.	Có minh chứng
108	Nguyễn Hùng Cường (2022). So sánh chỉ số FIB-4 với kết quả Fibroscan trong chẩn đoán xơ hóa gan tại bệnh viện Việt Tiệp năm 2021. Tạp chí Y học Việt Nam, tập 515, trang 162-169.	Có minh chứng
109	Nguyễn Hùng Cường (2020). Ứng dụng phương pháp Six Sigma trong kiểm soát chất lượng hóa sinh tại bệnh viện Đại học Y Hải Phòng Tỷ lệ nhiễm và genotype của Human papillomavirus ở bệnh nhân khám tại bệnh viện Đại học Y Hải Phòng. Tạp chí Nghiên cứu Y học, tập 503, trang 16-22.	Có minh chứng

PHÒNG QUẢN LÝ KHOA HỌC


 Nguyễn Thị Thuý Linh

BAN GIÁM HIỆU



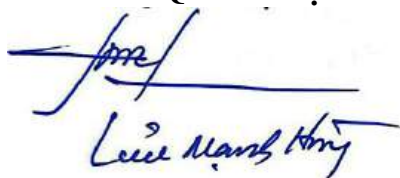
 PHÓ HIỆU TRƯỞNG
 PGS. TS. Đinh Thị Thanh Mai

Mẫu 6:

Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện Chương trình đào tạo thuộc ngành đào tạo dự kiến mở trình độ Đại học/ Thạc sĩ/ Tiến sĩ của cơ sở đào tạo

STT	Hạng mục	Số lượng (Phòng)	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần/ Môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, giảng viên cơ hữu	150	9450.4	Tất cả các môn học	4 kỳ	
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	2	944	Tất cả các môn học	4 kỳ	
1.2	Phòng học từ 100 đến 200 chỗ	6	805	Tất cả các môn học	4 kỳ	
1.3	Phòng học từ 50 đến 100 chỗ	30	2165.5	Tất cả các môn học	4 kỳ	
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	5	289.9	Tất cả các môn học	4 kỳ	
1.5	Số phòng học đa năng	11	1637	Tất cả các môn học	4 kỳ	
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	96	3609	Tất cả các môn học	4 kỳ	
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	1000.2	Tất cả các môn học	4 kỳ	
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	73	29685.3	Tất cả các môn học	4 kỳ	

PHÒNG QUẢN TRỊ


Lê Mạnh Hùng

BAN GIÁM HIỆU


HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. Nguyễn Văn Hải

Mẫu 7
Thư viện

STT	Tên sách, tên tạp chí (chỉ ghi những sách, tạp chí xuất bản trong 5 năm trở lại đây)	Nước xuất bản/Tác giả/Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Giáo trình Triết học Mác - Lênin (Dành cho đào tạo trình độ Ths, TS các ngành KHXH-NV không chuyên ngành Triết học)	Nhà xuất bản ĐHSP – 2020.	5	Triết học	KHYS.01	I	
2	Giáo trình thống kê y sinh ứng dụng	NXB Y học, Hà Nội - Phạm Minh Khuê - 2021.	304	Thống kê Y sinh ứng dụng	KHYS.03	I	
3	Phương pháp dạy học Y học cơ bản	NXB Y học Hà Nội - Nguyễn Thị Phương Mai, Đào Thu Hồng - 2024.	5	Phương pháp dạy học	KHYS.04	I	
4	Sự phạm Y học Thực hành	NXB Giáo dục Việt Nam - Phạm Thị Minh Đức - 2020.	3	Phương pháp dạy học	KHYS.04	I	

5	Giảng dạy lâm sàng dựa trên năng lực	NXB Y học TP HCM - Trần Diệp Tuấn – 2020.	5	Phương pháp dạy học	KHYS.04	I	
6	Hướng dẫn dạy và học trong khối ngành sức khỏe	NXB Y học Hà Nội - Nghiêm Xuân Đức, Phạm Văn Tác – 2020.	7	Phương pháp dạy học	KHYS.04	I	
7	Dược lý học cơ bản	Nhà xuất bản Y học, Hà Nội - Nguyễn Văn Hùng, Nguyễn Thị Thu Phương - 2021.	640	Dược lý ứng dụng	KHYS.05	I	
8	Dược lý học lâm sàng	Nhà xuất bản Y học, Hà Nội - Đào Văn Phan – 2023.	5	Dược lý ứng dụng	KHYS.05	I	
9	Giải phẫu đại cương, đầu mặt cổ, giác quan	NXB Y học - Nguyễn Hữu Chính - 2018	500	- Giải phẫu đại cương - Giải phẫu người trong Chẩn đoán hình ảnh - Giải phẫu mạch máu		II, III, IV	

				<ul style="list-style-type: none"> - Giải phẫu nhân trắc - Giải phẫu thần kinh 			
10	Giải phẫu người	- NXB Y học - Nguyễn Văn Huy – 2022, 2024	5	<ul style="list-style-type: none"> - Giải phẫu đại cương - Giải phẫu người trong Chẩn đoán hình ảnh - Giải phẫu mạch máu - Giải phẫu nhân trắc - Giải phẫu thần kinh 		II, III, IV	
11	Giải phẫu chi	NXB Y học - Nguyễn Hữu Chính	839	- Giải phẫu mạch máu		II, III, IV	
12	Sinh lý học dùng cho đào tạo sau đại học – Tập 1	NXB Giáo dục- Phạm Thị Minh Đức – 2023.	15	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh lý học - Sinh lý Máu và dịch thể, thần kinh 	- KHYS.09 - KHYS15.1	II, III, IV	
13	Sinh lý học dùng cho đào tạo sau đại học – Tập 2	NXB Giáo dục - Phạm Thị Minh Đức – 2023.	15	- Sinh lý tuần hoàn và hô hấp	-15.5.		

14	Sinh lý học	NXB Y học - Phạm Thị Minh Đức – 2022.	1	- sinh lý tiết niệu và tiêu hoá - Sinh lý Nội tiết - Sinh sản			
15	Sinh lý học y khoa	NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh - Trần Văn Ngọc, Nguyễn Thị Lệ - 2020.	11	- Thăm dò chức năng			
16	Cẩm nang an toàn sinh học phòng xét nghiệm	Tổ chức Y tế thế giới – 2016.	7	An toàn sinh học	KHYS.10	II	
17	Hóa sinh lâm sàng	Nhà xuất bản Y học - Tạ Thành Văn – 2022.	5	- Hóa sinh ứng dụng 1: Cấu tạo và chuyển hoá chất.	KHYS.13.1-13.4	II, III, IV	
18	Hóa sinh: Sách đào tạo bác sĩ đa khoa	Nhà xuất bản Y học - Tạ Thành Văn – 2022.	5	- Hóa sinh ứng dụng 2: Hoá sinh Mô, cơ quan.			
19	Principles of biochemistry 8th edition	New York: Macmillan Learning - David L.Nelson - 2021	1	- Hóa sinh ứng dụng 3: Các bệnh rối loạn chuyển hoá. - Hóa sinh ứng dụng 4: Hoá sinh sản nhi.			

20	Tổ chức và quản lý phòng xét nghiệm (sách đào tạo đại học và sau đại học).	Nhà xuất bản Y học - Đặng Thị Ngọc Dung - 2020	1	- Hóa sinh ứng dụng 5: Đảm bảo chất lượng xét nghiệm.	KHYS.13. 5		
21	Sinh lý bệnh học	NXB Y học - Phan Thị Phi Phi - 2022	45	- Sinh lý bệnh đại cương.	KHYS.15. 1-15.5	III, IV	
22	Sinh lý bệnh học	NXB Y học – Nguyễn Ngọc Lanh - 2022.	5	- Sinh lý bệnh Hệ thống và cơ quan.			
23	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	NXB Y học - Trần Ngọc Dung - 2020	1	- Sinh lý bệnh đại cương. - Sinh lý bệnh Hệ thống và cơ quan. - Miễn dịch học cơ sở, nâng cao. - Miễn dịch bệnh lý. - Miễn dịch ứng dụng.	KHYS.16. 1-16.5	III, IV	
24	Miễn dịch học	NXB Y học - Nguyễn Ngọc Lanh – 2022.	5	- Miễn dịch học cơ sở, nâng cao.	KHYS.16. 1-16.5	III, IV	

25	Sinh lý bệnh và miễn dịch: Phần miễn dịch học	NXB Y học - Văn Đình Hoa – 2020.	3	- Miễn dịch bệnh lý. - Miễn dịch ứng dụng.			
26	Miễn dịch trị liệu trong ung thư	NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội - Lisa H. Butterfield – 2022.	7 (tập 1, 2)				
27	Mô-phôi: phần mô học	Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.- Trịnh Bình – 2023.	5	- Mô học. - Phôi thai học. - Kỹ thuật ứng dụng trong mô học. - Phân lập và nuôi cấy tế bào.	KHYS.11. 1-11.5	III, IV	
28	Giải phẫu bệnh học	Nhà xuất bản Y học - Nguyễn Văn Hưng – 2022.	5	- Giải phẫu bệnh. - Giải phẫu bệnh cơ quan 1.			
29	Giải phẫu bệnh học	Nhà xuất bản Y học - Nguyễn Văn Hưng – 2020.	3	- Giải phẫu bệnh cơ quan 2. - Giải phẫu bệnh đại cương.	KHYS.12. 1-12.5	III, IV	

30	Vi sinh vật y học	Nhà xuất bản y học – PGS. TS. Lê Huy Chính - 2007.	465	- Vi sinh đại cương - Chuyên đề vi khuẩn - Chuyên đề virus			
31	Hướng dẫn thực hành kỹ thuật xét nghiệm Vi sinh lâm sàng	Bộ Y Tế - 2017	1	- Vi sinh đại cương - Chuyên đề vi khuẩn - Chuyên đề virus			
32	Ký sinh trùng y học, Giáo trình đào tạo sau đại học	Nhà xuất bản Y học - Đinh Thị Thanh Mai, Vũ Văn Thái, Võ Thị Thanh Hiền – 2025.	25 (tập 1, 2)	Ký sinh trùng 1. Ký sinh trùng 2. Ký sinh trùng 3.	KHYS.14. 1-14.3	III, IV	
33	Ký sinh trùng và côn trùng y học, Giáo trình giảng sau đại học.	Nhà xuất bản Quân đội nhân dân - Lê Bách Quang - 2005	5	Ký sinh trùng 1. Ký sinh trùng 2. Ký sinh trùng 3.	KHYS.14. 1-14.3	III, IV	

34	Thực hành ký sinh trùng, Giáo trình đào tạo đại học.	Nhà xuất bản y học - Đinh Thị Thanh Mai, Vũ Văn Thái - 2015	240	Ký sinh trùng 1. Ký sinh trùng 2. Ký sinh trùng 3.	KHYS.14. 1-14.3	III, IV	
35	Bài giảng Bệnh Truyền Nhiễm	Nhà xuất bản Y học - Bộ môn Truyền Nhiễm trường Đại Học Y dược TP Hồ Chí Minh – 2020.	5	Các bệnh truyền nhiễm mới nổi	KHYS.20	IV	

TRUNG TÂM THÔNG TIN THƯ VIỆN

Hoàng Thị Hoàng Đan

HIỆU TRƯỞNG

 *Nguyễn Văn Khải*

HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. *Nguyễn Văn Khải*

MẪU 8

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU, PHÒNG THÍ NGHIỆM, THỰC NGHIỆM, CƠ SỞ THỰC HÀNH, THỰC TẬP, LUYỆN TẬP
THEO YÊU CẦU CỦA NGÀNH ĐÀO TẠO DỰ KIẾN MỞ**


Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/ môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/ máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Máy ly tâm Universal 320, Hettich		1	Cái	Sinh học phân tử và ứng dụng Môn chuyên ngành	II II, III, IV	1/1	
2	Pipeter bán tự động EPPENDORF		2	Bộ	Môn chuyên ngành	II, III, IV	1/1	
3	Máy đo nồng độ acid Nucleic		1	Cái	Môn chuyên ngành	II, III, IV	1/1	
4	Máy vonter IKA, vortex 4 digital		1	Cái	Môn chuyên ngành	II, III, IV	1/1	
5	Máy điện di DNA, Mupid - EXU		1	Cái	Môn chuyên ngành	II, III, IV	1/1	
6	Máy PCR Eppendorf Mastercycler Pro S		1	Bộ	Môn chuyên ngành	II, III, IV	1/1	
7	Máy Realtime – PCR, BioRad, CFX 96		1	Bộ	Môn chuyên ngành	II, III, IV	1/1	
8	Máy xét nghiệm huyết học tự động Unicel DxH 690T Beckman Coulter B		1	Cái	- Sinh lý học, - Sinh lý máu, Thần kinh	II, III, IV	1/1	
9	Máy xét nghiệm đông máu tự động CS-1600 Sysmex Corporation C		1	Cái	- Sinh lý học, - Sinh lý máu, Thần kinh	II, III, IV	1/1	

10	Kính hiển vi Olympus CX 23		5	Cái	Sinh lý học	II	1/1	
11	Máy đo huyết áp		5	Cái	- Sinh lý học, - Sinh lý máu, Thần kinh - Sinh lý tuần hoàn, hô hấp	II, III, IV	1/1	
12	Máy đo chức năng hô hấp Hi-810 Chest		1	Cái	Sinh lý học	II	1/1	
13	Xe đạp lực kế		1	Cái	Sinh lý Tuần hoàn, Hô hấp	III, IV	1/1	
14	Máy đo đường huyết mao mạch On call plus		5	Cái	Sinh lý Nội tiết, sinh sản	III, IV	1/1	
15	Bút thử đường huyết mao mạch		5	Cái	Sinh lý Nội tiết, sinh sản	III, IV	1/1	
16	Máy điện tim 6 cần Nihon Kohden cardiofax S, ECG-1250k		1	Cái	Thăm dò chức năng	II, III, IV	1/1	
17	Máy siêu âm tim Logic 7, GE		1	Cái	Thăm dò chức năng	III, IV	1/1	
18	Máy đo lực bóp tay GRIP-D, Takei		1	Cái	Thăm dò chức năng	III, IV	1/1	
19	Máy đo lực ép 2 tay		1	Cái	Thăm dò chức năng	III, IV	1/1	
20	Máy đo lực kéo thân Taikei Back – DTTK - 5420		1	Cái	Thăm dò chức năng	III, IV	1/1	
21	Máy điện não		1	Cái	Thăm dò chức năng	III, IV	1/1	
22	Bộ test trí tuệ		5	Cái	Thăm dò chức năng	III, IV	1/1	
23	Bể ủ ấm Wise Bath		1	Cái	Hóa sinh ứng dụng 1, 2	III, IV	1/1	
24	Tủ sấy Froilabo, Air performance		1	Cái	Hóa sinh ứng dụng 1, 2	III, IV	1/1	
25	Máy bán tự động A25 Bio Systems		1	Cái	Hóa sinh ứng dụng 1, 2, 5	III, IV	1/1	

26	Máy tự động AU64		1	Cái	Hóa sinh ứng dụng 1, 2, 4	III, IV	1/1	
27	Máy khí máu		1	Cái	Hóa sinh ứng dụng 2	III, IV	1/1	
28	Máy điện giải đồ ISE 5000, FI		1	Cái	Hóa sinh ứng dụng 1, 2	III, IV	1/1	
29	Máy đo HbA1c D-10		1	Cái	Hóa sinh ứng dụng 1, 2 Hóa sinh ứng dụng 3 Miễn dịch ứng dụng	III, IV	1/1	
30	Máy miễn dịch YHLO, Biotech		1	Cái	Hóa sinh ứng dụng 2, 4, 5	III, IV	1/1	
31	Máy điện di Helena và thiết bị đi kèm		1	Cái	Hóa sinh ứng dụng 4, 5	III, IV	1/1	
32	Máy li tâm Hitachi Himac, CT6E		1	chiếc	Sinh lý bệnh đại cương Sinh lý học	II, III, IV	1/1	
33	Tủ sấy Binder ED-53		1	chiếc	Sinh lý bệnh đại cương Môn chuyên ngành	III, IV II, III, IV	1/1	
34	Tủ ẩm SHELLAB, SMI2-2		1	chiếc	Sinh lý bệnh đại cương Môn chuyên ngành	III, IV II, III, IV	1/1	
35	Tủ an toàn sinh học cấp II, THERMO, 1300 series A2			Cái	Tế bào gốc và các kỹ thuật nuôi cấy tế bào Môn chuyên ngành	III, IV II, III, IV	1/1	
36	Kính hiển vi quang học, Zeiss, Primo star				- Mô học - Phôi thai học - Giải phẫu bệnh cơ quan 1, 2 - Giải phẫu bệnh đại cương	III, IV	1/1	
37	Kính hiển vi chụp ảnh, AXIO, LAB.A1			cái	- Mô học - Phôi thai học	III, IV	1/1	
38	Kính hiển vi Olympus CX 23		30	cái	Ký sinh trùng 1 Ký sinh trùng 2	III, IV	1/1	

					Ký sinh trùng 3			
39	Máy miễn dịch tự động SNIBE X3		1	Máy	Miễn dịch ứng dụng	III, IV	1/1	
40	Máy ly tâm		1	Máy	Miễn dịch ứng dụng	III, IV	1/1	
41	Hệ thống máy ELISA Immunochem-2100		1	Máy	Miễn dịch ứng dụng	III, IV	1/1	
42	Kính hiển vi quang học CXL, Labomed		1	Máy	Miễn dịch ứng dụng	III, IV	1/1	

Đại diện trưởng các đơn vị chuyên môn quản lý kê khai
(theo từng mẫu trên)
(Ký tên xác nhận)


Nguyễn Ngọc Quỳnh

Thủ trưởng cơ sở đào tạo
(Ký tên đóng dấu)


PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. Đinh Thị Thanh Mai

THÔNG BÁO

Về việc công bố Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ quy định về Tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

Căn cứ Công văn số 376/K2ĐT-ĐH ngày 26/4/2018 của Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 09/2025/QĐ-UBND ngày 27/02/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Hải Phòng;

Sau khi xem xét hồ sơ đề nghị của Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp tại Công văn số 1331/BVVT-TTĐTCDT ngày 14/4/2025 và đối chiếu với các quy định tại khoản 2 Điều 8, Điều 9 và khoản 2 Điều 10 Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ, Sở Y tế thông báo về việc Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe trên địa bàn thành phố Hải Phòng như sau:

1. Tên cơ sở được công bố: **BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT TIỆP**

2. Số giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh:

2.1. Cơ sở 1:

- Số giấy phép hoạt động: 07/2014/HP-GPHĐ. Cơ quan cấp: Sở Y tế Thành phố Hải Phòng ngày 21/02/2025.

- Địa chỉ: Số 1, đường Nhà Thương, phường An Biên, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

2.2. Cơ sở 2:

- Số giấy phép hoạt động: 000263/HP-GPHĐ. Cơ quan cấp: Sở Y tế Thành phố Hải Phòng ngày 21/02/2025.

- Địa chỉ: Thôn Cái Tắt, phường An Đông, quận An Dương, thành phố Hải Phòng.

3. Điện thoại liên hệ: (0225) 3700436

4. Đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành: Theo danh mục tại Phụ lục 1.

- Tiến sĩ Dược lý và dược lâm sàng;
- Chuyên khoa II Ung thư;
- Chuyên khoa II Thần kinh;
- Chuyên khoa II Hồi sức cấp cứu;
- Thạc sĩ Quản lý Bệnh viện;
- Thạc sĩ Y sinh;
- Bác sĩ nội trú Tai - Mũi - Họng;
- Bác sĩ nội trú Gây mê hồi sức;
- Bác sĩ nội trú Y học cổ truyền;
- Bác sĩ nội trú Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ;
- Bác sĩ nội trú Da liễu;
- Bác sĩ nội trú truyền nhiễm;
- Bác sĩ nội trú Thần kinh;
- Chuyên khoa I Tổ chức Quản lý Dược;
- Chuyên khoa I Hồi sức cấp cứu;
- Chuyên khoa I Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới;
- Chuyên khoa I Thần kinh.

5. Tên môn thực hành, nội dung thực hành, số lượng người thực hành có thể nhận được công bố chi tiết: Theo danh mục tại Phụ lục 1.

6. Trách nhiệm của cơ sở thực hành:

a) Cơ sở thực hành chỉ được ký hợp đồng đào tạo thực hành sau khi được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Sở Y tế và tổ chức triển khai hoạt động đào tạo thực hành theo chương trình đào tạo thực hành đã công bố;

b) Bảo đảm các yêu cầu của cơ sở thực hành theo quy định của Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ;

c) Phối hợp với cơ sở giáo dục đảm bảo chất lượng đào tạo thực hành theo chương trình đào tạo thực hành;

d) Xác nhận kết quả thực hành của người học thực hành;

e) Thường xuyên cập nhật trên trang thông tin điện tử của cơ sở: danh sách người giảng dạy thực hành, số lượng, loại hình, ngành, chuyên ngành, trình độ

đào tạo thực hành, số lượng tối đa người học thực hành có thể nhận, số lượng người học thực hành đang thực hành tại cơ sở.

(Đính kèm hồ sơ đề nghị Công bố của Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiếp)

Sở Y tế trân trọng thông báo đến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan được biết./.

Nơi nhận:

- Cục KHCN và DT, Bộ Y tế;
- GD và PGD SYT;
- Các đơn vị trực thuộc SYT;
- Các Phòng thuộc SYT;
- Công TTĐT SYT;
- Lưu: VT, TCHC (L.DH-03b).



Lê Minh Quang

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT TIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 31/2025/HĐTH-BVVT

Hải Phòng, ngày 16 tháng 04 năm 2025

**HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC
VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH**

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

Căn cứ Bản công bố số 830/BVVT-TTĐTCĐT ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp công bố cơ sở KCB đáp ứng yêu cầu là cơ sở đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

Căn cứ Bản công bố số 1331/BVVT-TTĐTCĐT ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp công bố cơ sở khám chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

Hôm nay, ngày tháng năm 20 tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp, chúng tôi gồm:

BÊN A: BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT TIỆP

Địa chỉ: Số 1 Nhà Thương, Phường An Biên, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng

Điện thoại: 0225 3 700 436

Đại diện là: Ông Đỗ Mạnh Thắng

Chức vụ: Giám đốc Bệnh viện

BÊN B: TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 72A Nguyễn Bình Khiêm, Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0225.3731907; Fax: 0225.3733315

Đại diện là: Ông Nguyễn Văn Khải

Chức vụ: Hiệu trưởng

Thỏa thuận ký kết hợp đồng đào tạo thực hành với những nội dung cơ bản sau đây:

Điều 1: Điều khoản chung.

1. Đối tượng thực hành:

- 1.1. Nghiên cứu sinh: Nội khoa, Ngoại khoa, Nhi khoa, Y tế công cộng, Dược lý;
- 1.2. Thạc sĩ: Nội khoa, Ngoại khoa, Nhi Khoa, Y tế công cộng, Xét nghiệm Y học, Dược lý & Dược lâm sàng, Điều dưỡng, Y học dự phòng, Y sinh, Sản phụ khoa, Quản lý bệnh viện.
- 1.3. Chuyên khoa cấp II: Nội hô hấp, Nội tim mạch, Nội chung, Sản phụ khoa, Nhi chung, Nhi-thận tiết niệu, Nhi Hô hấp, Ngoại chung, Ngoại chấn thương chỉnh hình, Ngoại tiêu hoá, Răng Hàm Mặt, Tai Mũi Họng, Y học cổ truyền, Gây mê hồi sức, Chẩn đoán hình ảnh, Ung thư, Thần kinh, Hồi sức cấp cứu.
- 1.4. Chuyên khoa cấp I: Nội khoa, Ngoại khoa, Sản phụ khoa, Nhi khoa, Mắt, Tai Mũi Họng, Hoá sinh, Răng Hàm Mặt, Chẩn đoán hình ảnh, Lao, Y học cổ truyền, Y học gia đình, Y tế công cộng, Ung thư, Xét nghiệm Y học, Gây mê hồi sức, Điều dưỡng, Dược lý & Dược lâm sàng, Y học dự phòng, Da liễu, Phục hồi chức năng, Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ, Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới, Hồi sức cấp cứu, Tổ chức quản lý Dược, Thần kinh.
- 1.5. Bác sĩ nội trú: Nội khoa, Ngoại khoa, Sản phụ khoa, Nhi khoa, Răng Hàm Mặt, Chẩn đoán hình ảnh, Truyền nhiễm, Da liễu, Gây mê hồi sức, Y học cổ truyền, Tai Mũi Họng, Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ, Thần kinh

2. Số lượng người thực hành: theo Hợp đồng chi tiết hàng năm

3. Người hướng dẫn thực hành:

- a) Người hướng dẫn thực hành của cơ sở thực hành: Số lượng theo thực tế sinh viên đi thực tập; Danh sách kèm theo từng đợt thực tập cụ thể kèm Hợp đồng chi tiết hàng năm;
- b) Người hướng dẫn thực hành của cơ sở giáo dục: Số lượng theo thực tế sinh viên đi thực tập; Danh sách kèm theo từng đợt thực tập cụ thể kèm Hợp đồng chi tiết hàng năm;

4. Nội dung chuyên môn thực hành: các học phần thực hành theo chương trình đào tạo

5. Thời gian thực hành: từ tháng 04 năm 2025 đến tháng 04 năm 2029;

6. Địa điểm thực hành: Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp

Y
J
H
D
P
H

7. Chi phí thực hành: theo thoả thuận
8. Thời hạn của Hợp đồng đào tạo thực hành: 04 năm
9. Chương trình thực hành chi tiết đã được phê duyệt và gửi kèm hợp đồng chi tiết hàng năm.
10. Tên cơ sở thực hành đáp ứng khoản 2, Điều 10, Nghị định 111/2017/NĐ-CP: Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp.

Điều 2. Phương thức và thời hạn thanh toán chi phí thực hành (nếu có)

1. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc tiền mặt (nếu có)
2. Thời hạn thanh toán: Căn cứ Hợp đồng chi tiết, Biên bản nghiệm thu đào tạo thực hành từng năm học.
3. Chi phí đào tạo: Cụ thể trong Hợp đồng chi tiết ký từng năm học.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

1. Bên A có quyền:

- a) Bố trí, phân công người hướng dẫn thực hành để hướng dẫn người thực hành thực hành theo đúng các điều khoản ghi trong Hợp đồng.
- b) Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc các biện pháp xử lý khác nếu cơ sở giáo dục vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.
 - a) Thu chi phí thực hành theo thỏa thuận với Bên B.
 - b) Các quyền khác (nếu có)

2. Bên A có nghĩa vụ:

- a) Bảo đảm các điều kiện thuận lợi để người thực hành được thực hành theo đúng các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.
- b) Bảo đảm giảng dạy đúng nội dung chuyên môn thực hành, tiến độ thực hành đã được thống nhất trong kế hoạch đào tạo thực hành.
- c) Bố trí người thực hành của cơ sở giáo dục tham gia các hoạt động chuyên môn với thời gian phù hợp và chỉ trả thù lao cho người thực hành theo quy chế chi tiêu nội bộ tại cơ sở.
 - d) Bảo đảm quyền lợi của người thực hành theo quy định của pháp luật (nếu có).
 - đ) Xác nhận kết quả thực hành của người thực hành theo quy định,
 - e) Chịu trách nhiệm về quá trình thực hành của người thực hành tại cơ sở.
 - g) Các nghĩa vụ khác (nếu có).

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

1. Bên B có quyền:

- a) Được đưa người thực hành của cơ sở mình đến cơ sở thực hành để hướng dẫn thực hành hoặc tham gia các hoạt động chuyên môn với thời gian phù hợp theo thỏa thuận trong Hợp đồng.
- b) Được cung cấp thông tin, kiểm tra về quá trình thực hành của người thực hành tại cơ sở thực hành.
- c) Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc các biện pháp xử lý khác nếu cơ sở thực hành vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng (nếu có).
- d) Các quyền khác (nếu có).

2. Bên B có nghĩa vụ:

- a) Cung cấp cho Bên A thông tin của người thực hành; kế hoạch đào tạo thực hành của học phần/tín chỉ.
- b) Chi trả chi phí thực hành đầy đủ theo thỏa thuận với Bên A.
- c) Chịu trách nhiệm và xử lý vi phạm đối với người hướng dẫn thực hành của cơ sở mình tham gia hướng dẫn thực hành và hoạt động chuyên môn tại cơ sở thực hành.
- d) Các nghĩa vụ khác (nếu có).

Điều 5. Điều khoản thi hành

- 1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và sẽ hết hiệu lực khi kết thúc thời gian thực hành và các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ của Hợp đồng.
- 2. Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản nêu trên, bên nào vi phạm bên đó phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu xảy ra tranh chấp thì hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết, nếu không thống nhất thì đưa ra Tòa án để giải quyết.
- 3. Hợp đồng này làm thành 06 (sáu) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ (03) ba bản./.

**BÊN A
GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN**



Đỗ Mạnh Thắng

**BÊN B
HIỆU TRƯỞNG**



Nguyễn Văn Khải

I. Thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng thẩm định
trình độ thạc sĩ Ngành Khoa học Y sinh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25/01/1999 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng;

Căn cứ quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT – BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT- BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở mã ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 12/2024/TT- BGDĐT ngày 10/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2022/TT- BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở mã ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ thông tư 23/2021/TT-BGD-ĐT ngày 30/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ quyết định số 1359/QĐ-TTg ngày 15/10/2021 của Trường Đại học Y Hải Phòng về việc quy định xây dựng, phát triển, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Theo đề nghị của Ông (Bà): Trưởng phòng Quản lý đào tạo Sau đại học, Trường khoa Y.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Thành lập Hội đồng thẩm định trình độ thạc sĩ ngành Khoa học Y sinh Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2: Hội đồng thẩm định trình độ thạc sĩ ngành Khoa học Y sinh hoạt động theo sự chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng, các quy định của nhà nước và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3: Các Ông (Bà) Trưởng phòng: Tổ chức cán bộ, Tài chính kế toán, Quản lý đào tạo Sau đại học, Trường khoa Y và các ông bà có tên trong Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu QLĐTSDH; VT.



HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. Nguyễn Văn Khai

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG
THẨM ĐỊNH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÀNH KHOA HỌC Y SINH
(Kèm theo Quyết định số: 1661/QĐ-YDHP ngày 15 / 5 / 2025)

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Nhiệm vụ
1.	GS. TS. Nguyễn Duy Bắc	Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo, Học viện Quân Y.	Chủ tịch HĐ
2.	GS. TS. Trần Huy Thịnh	Trưởng Phòng Quản lý Khoa học và Công nghệ. Giám đốc Trung tâm Kiểm chuẩn Chất lượng Xét nghiệm, Trường ĐHY Hà Nội.	Phản biện 1
3.	PGS.TS. Đỗ Ngọc Ánh	Trưởng Bộ môn sốt rét – Ký sinh trùng và Côn trùng, Học viện Quân Y	Phản biện 2
4.	TS. Lưu Vũ Dũng	Phó Giám đốc Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng.	Ủy viên
5.	TS. Phạm Thị Lộc	Phó trưởng Bộ môn Huyết học, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.	Ủy viên thư ký



HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. Nguyễn Văn Khải

Hải Phòng, ngày 09 tháng 6 năm 2025

Số: 1407/QĐ-YDHP

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành chuẩn đầu ra
đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Khoa học y sinh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ - TTg ngày 25/01/1999 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2153/QĐ - TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT - BGDDT ngày 22/6/2021 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư 23/2021/TT - BGDDT ngày 30/8/2021 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT - BGDDT ngày 18/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành hoặc chuyên ngành phép đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1359/QĐ - YDHP ngày 15/10/2021 của Trường Đại học Y Hải Phòng về việc quy định xây dựng, phát triển, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Theo đề nghị của Ông (Bà): Trưởng phòng Quản lý đào tạo Sau đại học, Trường khoa Y.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định chuẩn đầu ra đào tạo trình độ thạc sĩ Ngành Khoa học y sinh của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà): Trưởng phòng Quản lý đào tạo Sau đại học, Trường Khoa Y và các Khoa/Bộ môn liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, QLĐTSDH.

HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. Nguyễn Văn Khải

QUY ĐỊNH

Chuẩn đầu ra đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Khoa học y sinh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 407/QĐ-YDHP ngày 09 tháng 6 năm 2025)

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives – PO)

Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objective - PO) Thạc sĩ khoa học y sinh là đào tạo những học viên sau khi tốt nghiệp có năng lực:

PO1. Ứng dụng kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức nền tảng chuyên sâu của y học, kết quả nghiên cứu để tư vấn các vấn đề thực tiễn lâm sàng.

PO2. Thực hiện các quy trình kỹ thuật chuyên môn và đề xuất, triển khai nghiên cứu về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, hướng can thiệp, dự phòng để hỗ trợ giải quyết các vấn đề sức khỏe.

PO3. Hành nghề chuyên nghiệp, tự định hướng, tự chịu trách nhiệm trong môi trường làm việc độc lập hoặc theo nhóm.

2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Người học sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo Thạc sĩ Khoa học y sinh có khả năng:

PLO	Nội dung	Kiến thức	Kỹ năng	Mức độ tự chủ trách nhiệm
1	Vận dụng được các nguyên lý triết học, kiến thức cơ sở cập nhật, phương pháp dạy học và nghiên cứu trong hoạt động nghề nghiệp và nghiên cứu.	x		
2	Áp dụng được kiến thức chuyên ngành khoa học y sinh trong hỗ trợ tư vấn lâm sàng.	x		
3	Triển khai được kỹ thuật chuyên ngành y sinh và nhận định kết quả.		x	x
4	Thiết kế và triển khai đề tài nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực khoa học y sinh.		x	x
5	Tuân thủ các quy định, nguyên tắc đạo đức trong hoạt động nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học.		x	x
6	Thể hiện khả năng làm việc nhóm, khả năng học tập suốt đời trong thực hành nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học.		x	x

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
Y DƯỢC
HẢI PHÒNG
HIỆU TRƯỞNG
TS. Nguyễn Văn Khải

IV. Thẩm định quy trình, hồ sơ mở mã ngành đào tạo trình độ thạc sĩ

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
Ngành: Khoa học y sinh
Mã số: 8720101

Căn cứ Nghị quyết số 58-NQ/ĐU ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Đảng ủy trường Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, trong đó có chủ trương mở mới ngành Khoa học y sinh trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 815/QĐ-YDHP ngày 09 tháng 04 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc thành lập Hội đồng xây dựng chương trình và đảm bảo chất lượng chương trình thạc sĩ ngành Khoa học y sinh;

Căn cứ Quyết định số 1000/QĐ-YDHP ngày 25 tháng 04 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc thành lập Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Khoa học y sinh

Hôm nay, ngày 24 tháng 05 năm 2025, tại Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng thực tế chương trình thạc sĩ Khoa học y sinh, tiến hành thẩm định với 5 thành viên theo Quyết định gồm:

- | | |
|---------------------------|-------------------|
| 1. GS.TS. Nguyễn Duy Bắc | Chủ tịch hội đồng |
| 2. GS. TS. Trần Huy Thịnh | Phản biện 1 |
| 3. PGS. TS. Đỗ Ngọc Ánh | Phản biện 2 |
| 4. TS. Lưu Vũ Dũng | Ủy viên |
| 5. TS. Phạm Thị Lộc | Ủy viên thư ký |

❖ Đại diện Nhà trường:

1. PGS.TS. Nguyễn Văn Khải – Hiệu trưởng;
2. PGS.TS. Phạm Văn Linh – Phó Hiệu trưởng;
3. PGS.TS. Đinh Thị Thanh Mai – Phó Hiệu trưởng; Trưởng Khoa Y;
4. Th.S Lê Tiến Thành – Phó trưởng phòng Quản lý đào tạo Sau đại học.

❖ Lãnh đạo và các giảng viên khoa Y

GS.TS. Nguyễn Duy Bắc – Chủ tịch hội đồng điều hành buổi thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng trình độ thạc sĩ ngành Khoa học y sinh.

NỘI DUNG BUỔI THẨM ĐỊNH

1. Đại diện cơ sở đào tạo đề nghị thẩm định chương trình đào tạo:

Đại diện cơ sở đào tạo trình bày tóm tắt về chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng trình độ thạc sĩ, ngành Khoa học y sinh trong thời gian 10 phút gồm các vấn đề: Căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo, mục tiêu chương trình đào tạo, đối tượng dự thi, cấu trúc chương trình đào tạo, thời lượng chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần và các điều kiện đảm bảo chất lượng thực tế, thực hiện chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra.

2. Hai thành viên phản biện của Hội đồng đọc nhận xét và các thành viên của Hội đồng đặt câu hỏi:

2.1. GS. TS. Trần Huy Thịnh:

- Trường Đại học Y Dược Hải Phòng đã có hơn 45 năm hình thành và phát triển. Cho đến nay Trường đã khẳng định được vị thế trong các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và chăm sóc sức khỏe người dân. Chất lượng đào tạo của trường không ngừng được nâng cao, đáp ứng nhu cầu của người học và của các nhà tuyển dụng. Trường đã và đang đào tạo cho 07 đối tượng bậc đại học, 08 chuyên ngành Thạc sĩ, 23 chuyên ngành CK1, 16 chuyên ngành CK2, 06 chuyên ngành BSNT và 04 chuyên ngành Tiến sĩ.

- Đề án mở chương trình đào tạo đã nêu bật được cơ sở pháp lý, năng lực của cơ sở đào tạo, tính hợp lý trong cấu trúc của chương trình và các điều kiện cần thiết khác để đảm bảo chất lượng đào tạo. Chương trình đào tạo của trường có sự tương đồng cao với các chương trình đào tạo khác trong cùng lĩnh vực đang được các cơ sở đào tạo khác trong nước và quốc tế triển khai. Chương trình đào tạo đảm bảo tính khả thi và phù hợp trong tổ chức, triển khai đào tạo.

- Cao học KHYS dành cho nhiều chuyên ngành, để tạo điều kiện cho học viên học tập sâu hơn thì nên xây dựng học phần chuyên ngành tự chọn nhiều hơn, theo từng chuyên ngành.

- Khi đưa đề án mở mã ngành lên bộ: tên mở mã ngành: cơ hữu trường y cho mở mã ngành cho trường khác: rà soát lại tránh bị làm lại.

Mục tiêu của chương trình đào tạo gồm mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể về kiến thức và kỹ năng. Các mục tiêu này phù hợp với nội dung, cấu trúc chương trình và với yêu cầu của trình độ đào tạo.

Cấu trúc và bố cục của chương trình đào tạo là khá hợp lý và chặt chẽ.

- Đề cao khối kiến thức tự chọn nên đáp ứng nhu cầu thực tế
- Thời lượng CT: theo CTĐT: 60 tín: chưa tham khảo tài liệu quốc tế, nên tham khảo tài liệu quốc tế để đáp ứng cho tương lai
- Đa dạng chuyên ngành: Đảm bảo tính hội nhập, đan xen các chuyên ngành với nhau

Đề cương chi tiết của học phần/môn học được trình bày đầy đủ và chi tiết đáp ứng chuẩn đầu ra.

Các điều kiện đảm bảo chất lượng thực tế: Đội ngũ giảng viên cơ hữu, cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện.

Sửa chữa:

- Môn chuyên ngành khác nhau, khối cơ sở: thống nhất lượng giá và thi hết môn giữa các môn với nhau.
- Tên các giảng viên, hồ sơ năng lực của các GV: chưa đầy đủ, chưa có
- Bài học thì có mục tiêu, nên có mục tiêu cho các học phần để đánh giá: có đáp ứng được CDR cho học phần đó
- Cân nhắc nên tăng thời lượng cho các học phần tự chọn chuyên ngành.
- Quản lý chất lượng xét nghiệm: cân nhắc đưa vào phần chuyên ngành tự chọn.

Kết luận: Đạt yêu cầu sau khi bổ sung sửa chữa theo ý kiến của hội đồng.

2.2. PGS. TS. Đỗ Ngọc Ánh

- Nhất trí với các ý kiến của phân biện 1
- mục tiêu của ct đào tạo: bao quát được CDR và nội dung của mã ngành đào tạo
- thời lượng ĐT, Nội dung, ĐC chi tiết, học phần: phù hợp
- HP môn học: có môn có mục tiêu, có môn ko có mục tiêu: thống nhất lại form mẫu
- Điều kiện đảm bảo cơ sở vật chất

Sửa chữa: đối tượng đầu vào: ko là y: ngành nào có thể ứng tuyển vào: cụ thể hơn như CN CNSH...

- Phương thức tuyển sinh: xét tuyển: 1 số môn chuyên ngành: 1 số môn không chuyên ngành chưa rõ ràng
- CDR: phù hợp, vd: CDR số 4: HV sau khi học xong mà thiết kế được thì hơi cao: thiết kế triển khai dưới sự hướng dẫn để đảm bảo trình độ kiến thức ở bậc này cho phù hợp

Kết luận: Đạt yêu cầu sau khi bổ sung sửa chữa theo ý kiến của hội đồng

2.3. TS. Lưu Vũ Dũng:

- Nhất trí với các ý kiến của 2 phân biện.
- Còn một số lỗi chính tả.

RI
A
Y
ÁI

- Mục Phân bố học phần/môn học theo học kì (không ghi mục mã số KHYS 11-16) vì đây là tổ hợp tự chọn.
- Đề cương chi tiết Học phần Triết học bò: vật tư tiêu hao (trang 32)
- Đề cương chi tiết Học phần Sinh lý học chuyên: Bút thử đường huyết và máy đo đường huyết mao mạch từ vật tư tiêu hao sang Danh mục các TTB.
- Đề cương chi tiết Học phần Hóa sinh ứng dụng bò: máy sinh hóa bán tự động.
- Bài giảng và thực hành của Học phần SHPT và ứng dụng chỉ ở mức độ cơ bản; Các kĩ thuật chuyên sâu hơn sẽ giảng và thực hành trong Học phần bệnh học SHPT.
- Bài giảng của Học phần Sinh lý và Sinh lý nâng cao: cần cụ thể hóa các bài giảng để không giảng trùng lặp lại kiến thức. Ví dụ: Bài 1: Nội dung bài sinh lí tế bào (Sinh lý) giống nội dung Bài 1: Chuyên đề trao đổi chất qua màng trong Sinh lý học nâng cao...
- Cần chỉnh sửa lỗi chính tả.

Kết luận: Đạt yêu cầu sau khi bổ sung sửa chữa theo ý kiến của hội đồng

2.4. TS. Phạm Thị Lộc:

Nhất trí với các ý kiến của các thành viên trong hội đồng

- Trường có nhiều thế mạnh về nguồn nhân lực và cơ sở vật chất.
- Thống nhất lại Form mẫu cho các bộ môn soạn theo.
- Chỉnh lại giáo trình, tài liệu học tập và tài liệu tham khảo còn sai sót nhiều

Chương trình đạt hết các tiêu chí đề ra

Kết luận: Đạt yêu cầu sau khi bổ sung sửa chữa theo ý kiến của hội đồng

2.5. GS. TS. Nguyễn Duy Bắc

- Chương trình đạt các tiêu chí đề ra, biên soạn đầy đủ, chi tiết, từ mục tiêu CDR đầu vào và cấu trúc học phần đáp ứng được ct đào tạo, đủ điều kiện
- Góp ý: Hồ sơ chuẩn bị ctdt: chuẩn bị chưa kĩ tên quyết định thẩm định ko chính xác: thẩm định chương trình, ko có trình độ
- Trình bày theo căn cứ của bộ: phiếu thẩm định và đề cử: căn cứ mở ngành tt 17 phải có để xây dựng ct, bên cạnh đó có căn cứ khác cũng như nước ngoài hoặc thêm kinh nghiệm của nhà trường: do mỗi trường có đặc thù riêng.
- Mục tiêu: 03 trình bày khái quát (MT, CDR khác nhau vd "được") nên viết cụ thể hơn để gắn vào các chuyên ngành mà mình định hướng
- CDR: 06, tích hợp lại khó viết, tách ra và không tích hợp lại được của CDR của 4 CDR sau.
- CDV: đk tuyển sinh: 04 hp bổ sung có áp dụng chung hay có sự khác biệt?
- Khối lượng học tập: kiến thức chuyên ngành và luận văn: cân nhắc tăng lên

- Đề cương: xd mẫu đề cương thống nhất, mục tiêu và cđr của học phần, cách viết mục tiêu ko thống nhất. KT, KN, TĐ, thiếu ma trận, IRM: theo đó nhưng ko thể hiện ra.
- MT học tập: liên quan gì, đáp ứng gì: cũng thiếu, nên sử dụng IRM trong suốt quá trình viết.
- Khung: có tên bài, tên đề mục là ko xác định được. Nên đổi hết sang mục tiêu
- Đây là trình độ bậc 7: mà đánh giá mức 1 là quá thấp. rà soát lại ít nhất mức 2,3
- Thi hết học phần: được cho phép vắng 10% số buổi, 80% , 90% số tiết...? áp quy chế chung.
- đánh giá hết học phần: chia 3 phần: quá khó đánh giá, nên cho 1 điểm cuối cùng
- Giáo trình: tài liệu tham khảo: đều là tài liệu học tập
- tránh trùng lặp giữa các học phần, xác định phần tự chọn cao hơn để có cơ sở sau này giảng dạy

Kết luận: Đạt yêu cầu sau khi bổ sung sửa chữa theo ý kiến của hội đồng

3. Đại diện cơ sở đào tạo có chương trình thẩm định trả lời và giải thích.

(Ghi rõ nội dung câu hỏi, câu trả lời và giải trình)

- PGS. TS Định Thị Thanh Mai: trân trọng cảm ơn ý kiến đóng góp của các thành viên Hội đồng thẩm định. Khoa sẽ rà soát và điều chỉnh cuốn đề án theo ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định.
- điều chỉnh tin của luận văn
- Học Phần quản lý phòng xét nghiệm: đã và đang mở
- Chuyên ngành: mở cho b.s ở y học cơ sở: mở rộng kiến thức chuyên ngành: tăng tin và học nhiều môn hơn
- Mở rộng đối tượng đầu vào, bổ sung thêm kiến thức bổ sung trước khi xét tuyển đầu vào. Nộp bằng B1, xét tuyển không thi.

PGS. TS. Phạm Văn Linh: nhận xét chính xác và mang tính nguyên tắc cao.

- Chính sửa lại chìn chu, chính xác, logic và thống nhất cao

4. Hội đồng đã họp riêng để thảo luận, tiến hành bỏ phiếu kín (phiếu thẩm định) và thông qua kết luận.

KẾT LUẬN CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

1. Căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo.

Đủ các căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo.

Mục tiêu chương trình đạt yêu cầu đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Khoa học y sinh

3. Cấu trúc chương trình đào tạo.

Cấu trúc chương trình phù hợp, đạt yêu cầu.

4. Thời lượng của chương trình đào tạo.

Thời gian đào tạo 2 năm đáp ứng yêu cầu và phù hợp.

5. Nội dung của chương trình đào tạo.

- Đáp ứng được mục tiêu đào tạo.
- Phù hợp với trình độ đào tạo, đảm bảo tính hiện đại và hội nhập.

6. Đề cương chi tiết của học phần/môn học

- Đề cương chi tiết đầy đủ

7. Các điều kiện đảm bảo chất lượng thực tế.

- Số lượng giảng viên cơ hữu đảm bảo để mở mã ngành Khoa học y sinh, trình độ thạc sĩ
- Chương trình đào tạo đã đáp ứng theo chuẩn chương trình đào tạo quy định
- Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo đáp ứng đủ như:
 - + Phòng học, giảng đường đáp ứng đầy đủ.
 - + Cơ sở thực hành: Học viên được thực hành tại các phòng thực hành và Labo trong trường, bệnh viện trường và Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng, như vậy đáp ứng đủ.
 - + Trang thiết bị đáp ứng đủ để phục vụ cho học tập và giảng dạy.
 - + Trường có Thư viện điện tử, các đầu sách đáp ứng được nhu cầu học tập và nghiên cứu khoa học cho học viên.
 - + Mạng công nghệ thông tin đầy đủ, có hệ thống Wifi trong trường.

KẾT LUẬN CHUNG

Kết quả: Tổng số phiếu đạt yêu cầu: 05/05 phiếu.

Căn cứ quy định Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ban hành ngày 22/06/2021 của Bộ Trưởng Bộ Giáo Dục & Đào Tạo về quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ban hành ngày 18/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Giáo Dục & Đào Tạo về quy định điều kiện, trình tự mở mã ngành đào tạo, định chi hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

Căn cứ thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ.

Căn cứ thông tư 12/2024/TT-BGDĐT ban hành ngày 10/10/2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ban hành ngày 18/01/2022 của

Bộ Trường Bộ Giáo Dục & Đào Tạo về quy định điều kiện, trình tự mở mã ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ

- Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Khoa học y sinh của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng đạt yêu cầu theo các quy định của Bộ giáo dục và đào tạo. Trường cần hoàn thiện bổ sung theo các góp ý của các thành viên Hội đồng thẩm định nêu trên.
- Căn cứ vào các điều kiện đảm bảo chất lượng thực tế: đội ngũ giảng viên cơ hữu, cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành, trang thiết bị phục vụ cho đào tạo, thư viện, mạng công nghệ thông tin. Trường Đại học Y Dược Hải Phòng đáp ứng được yêu cầu đảm bảo chất lượng thực tế và đủ điều kiện mở mã ngành đào tạo Khoa học y sinh trình độ thạc sĩ.

Hải Phòng, ngày 24 tháng 05 năm 2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

GS. TS. Nguyễn Duy Bắc

ỦY VIÊN THƯ KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên)

TS. Phạm Thị Lộc

**XÁC NHẬN
CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO**



HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. Nguyễn Văn Khai

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 28 tháng 5 năm 2025

**BIÊN BẢN GIẢI TRÌNH
VIỆC TIẾP THU Ý KIẾN CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH
ĐÀO TẠO VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG THỰC TẾ
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÀNH KHOA HỌC Y SINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG**

Căn cứ biên bản thẩm định chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Khoa học y sinh ngày 24/05/2025, Khoa Y và Phòng Quản lý đào tạo Sau đại học đã bổ sung hoàn thiện những nội dung sau đây:

1. Căn cứ thông tư 23/2021/TT-BGDĐT về quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ ban hành ngày 30/8/2021, căn cứ theo quy định về tuyển sinh trình độ tiến sĩ, thạc sĩ tại công văn số 96/TB-YDHP của trường ĐH Y Dược Hải Phòng ngày 23/02/2024, bổ sung nội dung tuyển sinh gồm: hình thức tuyển sinh, đối tượng tuyển sinh, điều kiện dự tuyển, thông tin tuyển sinh và thời gian tuyển sinh, môn xét tuyển, trúng tuyển và nhập học, số lượng tuyển sinh, số đợt tuyển sinh.

2. Cao học KHYS dành cho nhiều chuyên ngành, để tạo điều kiện cho học viên học tập sâu hơn thì nên xây dựng học phần chuyên ngành tự chọn nhiều hơn, theo từng chuyên ngành: đã bổ sung 8 tổ hợp kiến thức tự chọn theo các chuyên ngành.

3. Tên các giảng viên, hồ sơ năng lực của các GV: chưa đầy đủ, chưa có: đã có trong cuốn 2 (hồ sơ giảng viên)

4. Đề cương học phần môn học: có môn có mục tiêu, có môn ko có mục tiêu: thống nhất lại form mẫu, xd mẫu đề cương thống nhất, mục tiêu và cđr của học

phần, cách viết mục tiêu ko thống nhất. Kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chịu trách nhiệm, thiếu ma trận, IRM: theo đó nhưng ko thể hiện ra: Đã thống nhất biểu mẫu chung cho các học phần

5. Mục tiêu học tập: liên quan gì, đáp ứng gì: cũng thiếu, nên sử dụng IRM trong suốt quá trình viết: đã chỉnh sửa

6. Đề cương chi tiết Học phần Hóa sinh ứng dụng bò: máy sinh hóa bán tự động: do đối tượng tuyển sinh đầu vào rộng do đó cần phải giảng từ cơ bản đến chuyên sâu nên vẫn dùng máy hoá sinh bán tự động cho những học phần đầu tiên.

7. Hồ sơ chuẩn bị cđtđ: chuẩn bị chưa kỹ tên quyết định thẩm định ko chính xác: thẩm định chương trình, ko có trình độ: đã chỉnh sửa

8. Khối lượng học tập: kiến thức chuyên ngành và luận văn: cân nhắc tăng lên: tăng số tín chỉ của luận văn từ 9 lên 12 tín

9. Đây là trình độ bậc 7: mà đánh giá mức 1 là quá thấp. rà soát lại ít nhất mức 2,3: Sau khi thống nhất đã bỏ MCQ mức 1, bổ sung hình thức lượng giá: báo cáo chuyên đề.

10. Thi hết học phần: được cho phép vắng 10% số buổi, 80% , 90% số tiết...? đánh giá hết học phần: chia 3 phần: quá khó đánh giá, nên cho 1 điểm cuối cùng: áp quy chế chung: đã thống nhất theo quy định chung của nhà trường.

11. Tránh trùng lặp giữa các học phần: đã rà soát và xây dựng lại các tổ hợp tự chọn theo chuyên ngành sâu để tránh trùng lặp.

12. Chỉnh lại giáo trình, tài liệu học tập và tài liệu tham khảo còn sai sót nhiều: đã chỉnh sửa

13. Đề cương một số học phần bị sai sót, lỗi: Đề cương chi tiết Học phần Triết học bò: vật tư tiêu hao (trang 32), Đề cương chi tiết Học phần Sinh lý học chuyển: Bút thử đường huyết và máy đo đường huyết mao mạch từ vật tư tiêu hao sang Danh mục các TTB: đã hoàn thiện theo ý kiến của hội đồng.



14. Chỉnh sửa lỗi chính tả, lỗi đánh máy

Các phần nêu trên đã được hoàn thiện trong đề án về nhu cầu đào tạo, điều kiện tuyển sinh và các nội dung khác trong chương trình đào tạo ngành Khoa học y sinh, trình độ thạc sĩ.

Các thành viên sau đây đã đối chiếu và cũng xác nhận sự hoàn thiện hồ sơ nêu trên.

Trưởng khoa Y


PGS.TS. Đinh Thị Thanh Mai

Ủy viên thư ký


TS Phạm Thị Lộc

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



GS.TS. Nguyễn Duy Bắc

XÁC NHẬN CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO




HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. Nguyễn Văn Khai

